



ISSN: 1859 - 042X

Số 3
2018

TẠP CHÍ

Môi trường

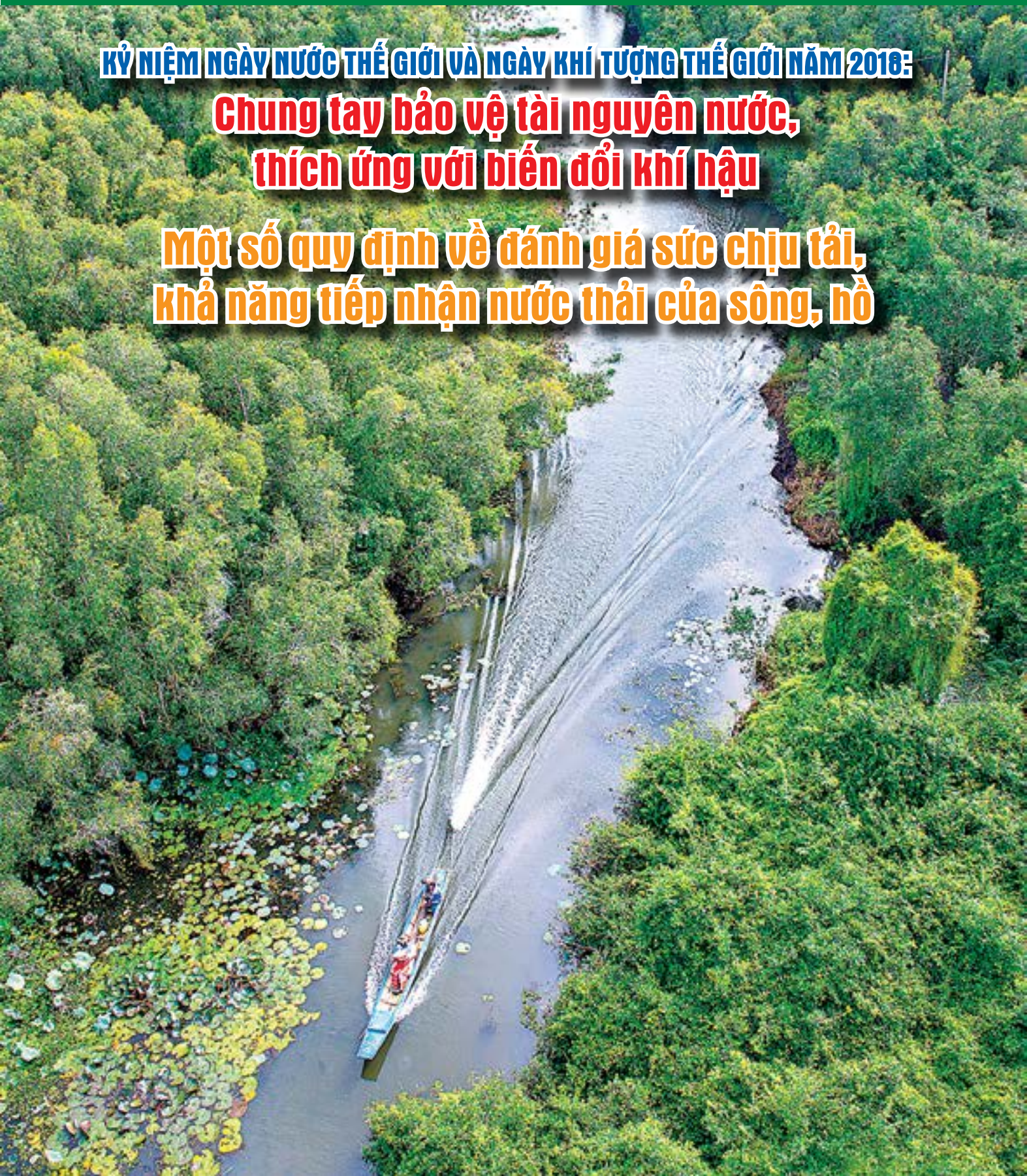
CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn

KỶ NIỆM NGÀY NƯỚC THẾ GIỚI VÀ NGÀY KHÍ TƯỢNG THẾ GIỚI NĂM 2018:

**Chung tay bảo vệ tài nguyên nước,
thích ứng với biến đổi khí hậu**

**Một số quy định về đánh giá sức chịu tải,
khả năng tiếp nhận nước thải của sông, hồ**





CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM
PINACO

Số 321 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Q.1, TP.HCM

ĐT: (028) 39 203 062/063 - Fax : (028) 39 203 060/061



Chào mừng

*Kỷ niệm 43 năm Ngày Giải phóng miền Nam
30/4/1975 - 30/4/2018*

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN KIM BÔI

Địa chỉ: Thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình
Trưởng phòng: Nguyễn Việt Hòa - Điện thoại: 0218 3871145



**Chào mừng kỷ niệm 43 năm
ngày Giải phóng miền Nam
thống nhất đất nước
30/4/1975 - 30/4/2018**

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN PHÚC THỌ

Địa chỉ: Thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội
Trưởng phòng: Ông Đặng Văn Nghĩa - ĐT: 0986 838 466

TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

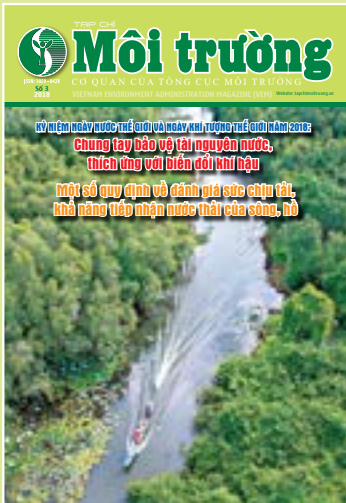
Số 192, đường Cù Chính Lan, P. Trần Tế Xương, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định
Q. Giám đốc: Ông Đặng Văn Sỹ - Điện thoại: 0912450976



**Chào Mừng Kỷ niệm 43 năm Ngày Giải phóng miền Nam
30/4/1975 - 30/4/2018**

**Chào mừng Kỷ niệm
43 năm Ngày Giải phóng miền Nam
(30/04/1975 - 30/04/2018)**





HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)
GS. TS. Đặng Kim Chi
TS. Mai Thanh Dung
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thục
TS. Hoàng Văn Thúc
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trình
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn
TS. Hoàng Dương Tùng
GS. TS. Bùi Cách Tuyến

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (024) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phòng Trị sự: (024) 66569135
Phòng Biên tập: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn
● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**
Phòng A 403, Tầng 4 - Khu liên cơ quan Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, TP.HCM
Tel: (028) 66814471 - Fax: (028) 62676875
Email: tcmtphianam@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: Nguyễn Việt Hưng

Bìa: Khu du lịch sinh thái Làng nổi

Tân Lập, tỉnh Long An

Ảnh: Duy Bằng

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thương mại Hải Anh

Số 3/2018

Giá: 20.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [4] ● Bộ TN&MT chủ động thúc đẩy mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế
- [5] ● Bộ TN&MT và Bộ Giao thông vận tải: Tăng cường phối hợp trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu
- [5] ● Hưởng ứng Ngày Nước thế giới và Ngày Khí tượng Thế giới năm 2018: Chung tay bảo vệ tài nguyên nước, thích ứng với biến đổi khí hậu
- [6] ● Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra về tài nguyên và môi trường
- [8] ● Triển lãm quốc tế công nghệ môi trường và năng lượng 2018: Công nghệ và sản phẩm xanh: Hành động cho tương lai
- [9] NGUYỄN HẰNG: Ngành TN&MT: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và đa dạng hóa các hoạt động truyền thông



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [12] HÀN NGỌC TÀI: Một số quy định về đánh giá sức chịu tải, khả năng tiếp nhận nước thải của sông, hồ
- [14] LÊ VĂN KHA: Nâng cao hiệu quả quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị tại Việt Nam
- [16] NGUYỄN NGỌC HOẠT: Bức tranh sáng về thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới ở Quảng Bình



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [18] NGUYỄN NGỌC LÝ: Ô nhiễm nước và sự cần thiết xây dựng Luật Kiểm soát ô nhiễm nước tại Việt Nam
- [22] NGUYỄN THỊ THU HOAN: Từ trang trí hoa văn trống đồng Ngọc Lũ nghĩ về ứng xử với môi trường của người Việt xưa
- [24] NGUYỄN THẾ HINH: Lợi ích kép từ việc sử dụng nước thải chăn nuôi tưới cho cây trồng



TRONG SỐ NÀY



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [26] PHẠM PHƯƠNG LAN: Bảo tồn nguồn gen động vật quý hiếm dựa trên công nghệ tế bào gốc
- [27] NGUYỄN TRUNG DŨNG: Khắc phục tình trạng ô nhiễm nước hệ thống thủy lợi sông Bắc Hưng Hải
- [29] VƯƠNG ANH DŨNG: Nan giải trong xử lý ô nhiễm môi trường từ thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu tại Bắc Cạn



TĂNG TRƯỞNG XANH

- [30] NGUYỄN THỊ PHƯỢNG: Sử dụng bếp xanh giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường
- [32] ĐOÀN QUANG TRUNG: Vancouver - Thành phố tiên phong hướng đến phát triển bền vững
- [34] LÊ VĂN TÙNG - NGUYỄN VĂN QUÝ: Phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường ở Niu - Di - Lân



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [35] NGUYỄN THANH GIANG: Sơn sinh thái - Sự lựa chọn mới cho những công trình xanh



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [37] NGUYỄN THẾ: Bảo tồn các loài lưỡng cư tại quần đảo Cát Bà
- [38] NGUYỄN HOÀNG TRÍ: Phát huy giá trị cảnh quan 9 khu sinh quyển thế giới của Việt Nam
- [40] TRẦN THANH THẢO UYÊN - NGUYỄN XUÂN THẮNG: Tác động môi trường tại Khu du lịch núi Bà Đen, Tây Ninh
- [43] THANH HOA: Chàng Bí thư tình đoàn nhiệt huyết với công tác bảo vệ môi trường
- [44] NGUYỄN THU THỦY: Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học vùng ven biển Cù Lao Dung
- [46] ĐỨC TOÀN: Chung tay bảo vệ môi trường trên hồ sinh thái Na Hang để phát triển du lịch



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [48] LƯU TRANG: Chính phủ Anh đi đầu cuộc chiến chống ô nhiễm rác thải nhựa
- [49] TRUNG THẢO: Trung Quốc cấm nhập khẩu rác thải nhựa
- [50] HỒNG ĐIỂN: Tiếng ồn giao thông - Nguồn ô nhiễm âm thanh lớn nhất ở châu Âu
- [51] HOÀNG ĐÀN: Ô nhiễm không khí ở các thành phố châu Âu





Bộ TN&MT chủ động thúc đẩy mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế



▲ Lãnh đạo Bộ TN&MT chụp ảnh lưu niệm với các đối tác quốc tế

Ngày 2/3/2018, tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà cùng các Thứ trưởng: Võ Tuấn Nhân, Trần Quý Kiên đã chủ trì buổi gặp mặt với các đối tác quốc tế. Đây là hoạt động được tổ chức thường niên trong nhiều năm qua của Bộ TN&MT, nhằm chia sẻ những kết quả, thành tựu đã đạt được trong năm 2017, đồng thời, hướng tới một năm 2018 với nhiều may mắn và thành công.

Trong thời gian qua, công tác hợp tác quốc tế của Bộ TN&MT có nhiều chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả quan trọng. Bộ tiếp tục triển khai các chương trình, kế hoạch đã thỏa thuận và chủ động thúc đẩy, mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế. Tính đến thời điểm hiện tại, Bộ đã có quan hệ hợp tác song phương với 77 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có thể kể đến một số đối tác chính như Ấn Độ, Campuchia, Đan Mạch, Đức, Hà Lan, Hàn Quốc, Mỹ, Lào, Nhật Bản, Pháp, Trung Quốc... Theo đó, các văn kiện hợp tác quốc tế, hợp tác chung hoặc liên lĩnh vực được

ký kết nhiều nhất, chiếm 23%; tiếp theo là lĩnh vực môi trường, chiếm 18,6%, địa chất khoáng sản, chiếm 13,4%; tài nguyên nước chiếm 9,7%; khí tượng thủy văn chiếm 8,2% và biến đổi khí hậu (BĐKH) chiếm 7,4%...

Phát biểu tại buổi gặp mặt, Bộ trưởng Trần Hồng Hà bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới Đại sứ quán và Trưởng đại diện các nước, các đối tác quốc tế đã hợp tác hiệu quả với Bộ TN&MT trong những năm qua, đồng thời khẳng định, những thành tựu trong công tác BVMT, quản lý bền vững tài nguyên và ứng phó với BĐKH có sự đóng góp rất lớn của các đối tác quốc tế và các nhà tài trợ. Bộ trưởng Trần Hồng Hà cũng bày tỏ sự tin tưởng vào quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa Bộ TN&MT và các đối tác quốc tế, sự phát triển của

ngành sẽ đóng góp cho sự phát triển bền vững của đất nước...

Thay mặt cho các đối tác quốc tế, đại diện Chương trình phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) Kamal Malhotra nhấn mạnh, vấn đề môi trường, BĐKH đang ngày càng đe dọa tới các sự sống trên Trái đất. Để hoàn thành các mục tiêu đề ra, Việt Nam cần có sự phối hợp chặt chẽ với cộng đồng quốc tế nhằm tăng cường sự trao đổi thông tin và công nghệ... Ông Kamal Malhotra mong muốn, Chính phủ Việt Nam cải tiến các cơ chế hành chính, giảm bớt thủ tục để sự hợp tác đạt được hiệu quả, đồng thời, cam kết sẽ giúp Việt Nam, cũng như Bộ TN&MT trong công cuộc xây dựng và phát triển bền vững đất nước.

ĐỨC ANH



Bộ TN&MT và Bộ Giao thông vận tải: Tăng cường phối hợp trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Ngày 8/3/2018, tại Hà Nội, Bộ TN&MT và Bộ Giao thông vận tải (GTVT) đã tổ chức Lễ ký Chương trình phối hợp công tác về quản lý tài nguyên, BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) trong hoạt động GTVT giai đoạn 2018 - 2021. Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà và Bộ trưởng Bộ GTVT Nguyễn Văn Thể chủ trì buổi Lễ.

Chương trình nhằm mục đích tăng cường phối hợp giữa Bộ TN&MT và Bộ GTVT trong quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường, chủ động ứng phó với BĐKH trong hoạt động GTVT, đặc biệt trong công tác lập, phê duyệt quy hoạch và quá trình thẩm định, phê duyệt, thực hiện đầu tư các dự án của ngành GTVT. Đồng thời, phát huy tối đa chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực, tiềm năng hiện có của hai Bộ nhằm quản lý, giám sát việc thực thi quy định của pháp luật về TN&MT trong hoạt động GTVT.

Theo đó, giai đoạn 2018 - 2021, hai bên sẽ phối hợp xây dựng, hoàn thiện thể chế; Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của hai Bộ; Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, các chương trình, đề án, dự án; Thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về các lĩnh vực có liên quan; Chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu, nâng cao nhận thức về quản lý tài nguyên, BVMT và ứng phó với BĐKH...

Phát biểu tại buổi Lễ, Bộ trưởng Bộ GTVT Nguyễn Văn Thể nhấn mạnh, những thông tin về BĐKH, khí tượng thủy văn, đánh giá tác



▲ Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà và Bộ trưởng Bộ GTVT Nguyễn Văn Thể trao đổi văn kiện hợp tác ký kết

động môi trường... là những điều kiện quan trọng để phát triển ngành GTVT. Trong thời gian qua, các cơ quan của ngành GTVT đã phối hợp chặt chẽ với Bộ TN&MT trong quá trình triển khai các dự án, điển hình là Dự án mở rộng nâng cấp Quốc lộ 1 - đường Hồ Chí Minh qua Tây Nguyên. Bộ trưởng Nguyễn Văn Thể mong muốn, thời gian tới tiếp tục nhận được sự hợp tác toàn diện và hỗ trợ tích cực của lãnh đạo cũng như các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Sở TN&MT địa phương để ngành GTVT hoàn

thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần quan trọng đối với sự phát triển của đất nước.

Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà cũng khẳng định, sự kiện ký kết Chương trình phối hợp thể hiện mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa Bộ TN&MT và Bộ GTVT. Trong thời gian tới, hai bên sẽ cùng tìm các giải pháp để có các dự án, công trình xanh, dự án giao thông kinh tế các bon thấp..., đồng thời triển khai hợp tác đến các Sở TN&MT và Sở GTVT địa phương để Chương trình ký kết đạt hiệu quả cao.

HỒNG NHUNG

KỶ NIỆM NGÀY NƯỚC THẾ GIỚI VÀ NGÀY KHÍ TƯỢNG THẾ GIỚI NĂM 2018: CHUNG TAY BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Ngày 22/3/2018 tại Hà Nội, Bộ TN&MT đã tổ chức Lễ kỷ niệm Ngày Nước thế giới và Ngày Khí tượng thế giới năm 2018.

Theo Liên hợp quốc, hiện nay có khoảng 1,9 tỷ người trên hành tinh đang phải sinh sống ở những vùng thiếu nước trầm trọng. Con số này có thể sẽ tăng lên khoảng 3 tỷ vào năm 2050. Trong bối cảnh đó, chủ đề của Ngày Nước thế

giới 2018 nhấn mạnh về vai trò của thiên nhiên trong việc giải quyết những thách thức về nguồn nước như hạn hán, lũ lụt và ô nhiễm nguồn nước. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu (BĐKH) ngày càng gia tăng, diễn biến phức tạp trên phạm

vi toàn cầu, gây ra những thiệt hại to lớn về người và tài sản từ châu Á đến châu Mỹ, châu Phi trong năm 2017. Vì vậy, thông điệp của Ngày Khí tượng thế giới năm nay tập trung vào việc chủ động ứng phó kịp thời với những thách thức đang ngày



càng gia tăng do BĐKH, qua đó góp phần cải thiện sức khỏe và sinh kế của cộng đồng, phục vụ phát triển bền vững của quốc gia và nhân loại.

Phát biểu tại buổi lễ, Thủ trưởng Võ Tuấn Nhân cho biết, nước là khởi nguồn của sự sống; nguồn tài nguyên vô cùng quý giá nhưng không phải là vô tận. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội cùng với sự gia tăng dân số, ô nhiễm và suy thoái môi trường là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng suy giảm nghiêm trọng về số lượng và chất lượng nguồn nước, qua đó tác động trực tiếp và gián tiếp đến chất lượng sống của con người trên hành tinh. Trong khi đó, nhân loại phải đối mặt với thách thức to lớn do BĐKH gây ra, đặc biệt là những hiện tượng thời tiết cực đoan, thiên tai, bão lụt có mối quan hệ vô cùng mật thiết với tài nguyên nước. Vì vậy, để tăng cường nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng và vai trò của tài nguyên nước, tài nguyên khí hậu đối với sự phát triển của nhân loại, Hội nghị thượng đỉnh Liên hợp quốc về môi trường và phát triển tại Rio de Janeiro năm 1992 đã thông qua Nghị quyết lấy ngày 22/3 là Ngày Nước thế giới và ngày 23/3 hàng năm là Ngày Khí tượng thế giới.

Tại Việt Nam, trong những năm qua, các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước thế giới và Ngày Khí tượng thế giới đã tạo ra những tác động lan tỏa to lớn trên cả nước với nhiều hoạt động thiết thực, hiệu

quả của các Bộ/ngành, đặc biệt là các cấp chính quyền và nhân dân các địa phương. Phát huy những kết quả quan trọng đó, Thủ trưởng Võ Tuấn Nhân đề nghị mỗi cá nhân hãy cùng chung tay, góp sức thông qua những hành động như: Bảo vệ nguồn tài nguyên nước thông qua sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên nước trong sinh hoạt hàng ngày và trong hoạt động sản xuất; BVMT thiên nhiên, lấy các giải pháp từ tự nhiên để phục hồi, bảo tồn tài nguyên nước, ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước, suy thoái chất lượng nước; chủ động với mọi biến động của thời tiết khí hậu, tăng cường khả năng chống chịu với các hiện tượng thời tiết cực đoan để giảm thiểu tới mức thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra.

Nhân dịp này, Bộ TN&MT kêu gọi các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hãy đồng hành với Bộ/ngành, địa phương trong BVMT thiên nhiên, bảo tồn tài nguyên nước, dự báo khí tượng thủy văn. Qua đó, mong muốn nhận sẽ nhận được nhiều đóng góp về sáng kiến, đầu tư cho công tác đổi mới công nghệ, tăng cường năng lực, ứng dụng công nghệ cao, góp phần cảnh báo sớm và dự báo đúng các hiện tượng thời tiết cực đoan; bảo tồn và nâng cao số lượng và chất lượng tài nguyên nước, BVMT. Đồng thời, khẳng định sự nỗ lực, quyết tâm của ngành, nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về TN&MT.

MAI HƯƠNG

Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra về tài nguyên và môi trường

Từ ngày 15 - 17/3/2018, tại tỉnh Vĩnh Long, Bộ TN&MT đã tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ và triển khai công tác thanh tra, kiểm tra ngành TN&MT năm 2018. Bộ trưởng Trần Hồng Hà tới dự và chỉ đạo Hội nghị.

Đây là Hội nghị thường niên do Bộ TN&MT tổ chức và là diễn đàn trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về xử lý những vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai chính sách, quy định pháp luật tại các địa phương. Đặc biệt, Hội nghị lần này còn là dịp để giới thiệu, thảo luận những vấn đề trọng tâm dự kiến đưa vào sửa đổi Luật Đất đai và Luật BVMT.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các đơn vị thuộc Bộ và 61 Sở TN&MT, năm 2017, toàn ngành đã triển khai được 2.475 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 7.735 tổ chức, cá nhân, trong đó có 68 cuộc thanh tra, kiểm tra hành chính và 2.407 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua đó, đã xử phạt vi phạm hành chính 1.813 tổ chức, cá nhân, với số tiền 134,979 tỷ đồng, kiến nghị truy thu nộp ngân sách nhà nước 14,06 tỷ đồng; kiến nghị thu hồi 3.509 ha đất, thu hồi 50 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Bên cạnh đó, toàn ngành cũng đã triển khai hiệu quả công tác tiếp công dân; giải quyết kịp thời đơn thư khiếu tố theo quy định...

Nhìn chung, kế hoạch thanh tra, kiểm tra của ngành TN&MT trong thời gian qua đã tập trung vào những vấn đề nổi cộm, hạn chế việc chồng chéo giữa Bộ và địa phương; qua đó đã phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của đối tượng được thanh tra, đồng thời kiến nghị chấn chỉnh khắc phục những bất cập trong công tác quản lý nhà nước và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Đặc biệt, hiệu quả và vai trò của công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực TN&MT đã được nâng lên; kết quả thanh tra đã đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu về phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật và tham nhũng, lãng phí về TN&MT.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thanh tra, kiểm tra ngành TN&MT vẫn còn một



▲ Hội nghị tập huấn nghiệp vụ và triển khai công tác thanh tra, kiểm tra ngành TN&MT năm 2018

số tồn tại như số cuộc thanh tra, kiểm tra chỉ mới tập trung ở lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản và tài nguyên nước, còn các lĩnh vực như khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; biển, hải đảo; thanh tra trách nhiệm UBND các cấp vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý của ngành. Việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện các kết luận thanh tra còn hạn chế (chỉ đạt 5% tổng số kết luận thanh tra đã được ban hành), dẫn đến tình trạng một số tổ chức, cá nhân sau thanh tra, kiểm tra không thực hiện nghiêm túc các kết luận thanh tra, kiểm tra.

Để công tác thanh tra, kiểm tra đạt hiệu quả, trong thời gian tới, ngành TN&MT sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về TN&MT, cũng như hệ thống pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại và tố cáo; xây dựng cơ chế đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các cơ quan Trung ương và địa phương trong việc xử lý dứt điểm các vụ việc khiếu nại kéo dài, hết thẩm

quyền, đúng quy định. Đồng thời, chủ động và linh hoạt trong việc bố trí, sắp xếp con người và nguồn lực cho công tác thanh tra về TN&MT; Tập trung bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tu dưỡng đạo đức cho cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra đáp ứng với những thay đổi của chính sách và tiêu chuẩn của cán bộ làm công tác thanh tra; Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các địa phương với Bộ TN&MT trong xây dựng các chủ trương, cơ chế, chính sách và pháp luật về công tác quản lý tài nguyên, BVMT, trao đổi và chia sẻ thông tin, giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn ở địa phương...

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Bộ trưởng Trần Hồng Hà khẳng định, thông qua Hội nghị này, ý thức chấp hành pháp luật của người dân, doanh

nh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong xã hội sẽ được chú trọng hơn, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả, tính khả thi của hệ thống chính sách pháp luật. Do đó, hệ thống thanh tra, kiểm tra trong toàn ngành phải có sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ, đồng bộ từ Trung ương xuống địa phương. Công tác thanh tra, kiểm tra của ngành phải được triển khai theo hướng giảm bớt gánh nặng về thanh tra, theo tinh thần “xây và chống” là chính, góp phần giúp các địa phương hoàn thiện cơ chế chính sách pháp luật về TN&MT, nhất là lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản..., từ đó các địa phương quản lý TN&MT tốt hơn, hiệu quả hơn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

VŨ NHUNG



TRIỂN LÃM QUỐC TẾ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG 2018: Công nghệ và sản phẩm xanh - Hành động cho tương lai



▲ Các đại biểu cắt băng khai mạc Triển lãm quốc tế về Công nghệ môi trường và Sản phẩm sinh thái năm 2017

Từ ngày 9-11/5/2018, Triển lãm quốc tế về Công nghệ môi trường và Năng lượng lần thứ 10 (ENTECH VIETNAM 2018) dự kiến sẽ được tổ chức tại Trung tâm Hội chợ và Triển lãm Sài Gòn (SECC), TP. Hồ Chí Minh. Đây là Triển lãm chuyên ngành về công nghệ môi trường và năng lượng chính thức, duy nhất được tổ chức trong năm 2018 do Bộ TN&MT bảo trợ.

Hiện nay, tại Việt Nam, phát triển bền vững là một trong những nội dung cơ bản để thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, đồng thời cũng là mục tiêu quan trọng hàng đầu mà nền kinh tế hướng tới. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng hiện nay, với áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt đối với cộng đồng và các ngành kinh tế, đặc biệt là sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Cộng đồng kinh tế ASEAN, đòi hỏi các nhà sản xuất, xuất khẩu trong và ngoài nước cần có nhận thức cao hơn về chất lượng hàng hóa, nâng cao năng suất kết hợp với tiết kiệm năng lượng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường gắn với phát triển bền vững. Với yêu cầu cấp bách đó, lĩnh vực công nghệ môi trường, năng lượng ngày càng nhận được sự quan tâm của các cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp nói riêng và xã hội nói chung.

Trong thời gian qua, có thể nói, thị trường công nghệ môi trường và năng lượng tại Việt Nam vẫn còn là một lĩnh vực mới, công nghệ của các đơn vị trong nước chưa được đầu tư phát triển thành công nghệ riêng, có bản quyền, chất lượng thiết bị còn hạn chế... nên tuy giá thành thấp nhưng chất lượng thiết bị chưa cao. Ngược lại, các công nghệ của nước ngoài có chất lượng tốt với nhiều chủng loại, công nghệ được đăng ký bản quyền nhưng giá thành cao. Điều này dẫn tới những khó khăn nhất định cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước về việc lựa chọn sản phẩm công nghệ môi trường tiên tiến trên thế giới để áp dụng. Như vậy, các yếu tố giá thành, chất lượng và tính phù hợp với điều kiện Việt Nam là những

yếu tố quyết định cho việc phát triển công nghệ môi trường.

Để đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ môi trường, góp phần phát triển ngành công nghiệp môi trường ở nước ta trong thời gian tới, Bộ TN&MT đã giao cho Trung tâm Tư vấn và Công nghệ Môi trường (Tổng cục Môi trường) phối hợp với Công ty CP Tổ chức sự kiện và Hội chợ Toàn cầu (GE), Trung tâm Hội nghị và Triển lãm Busan (BEXCO) tổ chức ENTECH VIETNAM

2018, với mục đích: Tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước trưng bày, giới thiệu sản phẩm và công nghệ môi trường, năng lượng tiên tiến, tìm hiểu nhu cầu về sản phẩm và công nghệ năng lượng tại Việt Nam và các quốc gia trong khu vực; Tạo cơ hội để các nhà quản lý dự án năng lượng và môi trường nắm bắt xu thế công nghệ của thế giới, tìm hiểu các sản phẩm, công nghệ tiên tiến, phù hợp với dự án do đơn vị mình quản lý. Đây cũng là dịp để các cơ quan Chính phủ đánh giá, lựa chọn, xây dựng, điều chỉnh định hướng phát triển cho ngành công nghiệp môi trường và năng lượng trong các giai đoạn tiếp theo; Chú trọng vào mô hình B2B, B2G và B2C nhằm tìm kiếm mô hình hợp tác phù hợp cho các dự án năng lượng và môi



▲ Triển lãm quốc tế về Công nghệ môi trường và Sản phẩm sinh thái thu hút đông đảo khách hàng đến tham quan

trường của doanh nghiệp và của quốc gia; Tạo cơ hội để các chuyên gia trong nước tham gia và trao đổi, xây dựng chiến lược, xác định nhu cầu, các hoạt động chính để thúc đẩy năng suất xanh tại Việt Nam và trong khu vực; Tăng cường nhận thức của cộng đồng về công tác BVMT, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp, người dân sản xuất và tiêu dùng theo hướng thân thiện với môi trường; Tôn vinh và quảng bá các nhà sản xuất trong nước cùng với những sản phẩm mới mang thương hiệu Việt có chất lượng, uy tín cao trên thị trường, thông qua đó, giúp người tiêu dùng lựa chọn những sản phẩm chất lượng, nhà cung cấp tin cậy. Trên cơ sở đó, các sản phẩm/dịch vụ sẽ tham gia trưng bày tại Triển lãm bao gồm:

Sản phẩm và công nghệ xử lý môi trường: Công nghệ xử lý chất thải công nghiệp (chất thải, nước thải công nghiệp; khí thải và bụi công nghiệp; mùi và tiếng ồn trong các nhà máy, xí nghiệp; bùn thải; rác thải, nước thải y tế; nước thải khu mỏ khai thác khoáng sản; tro xỉ nhiệt điện; công nghệ xử lý môi trường phục vụ sinh hoạt (chất thải, nước thải sinh hoạt; tái chế, tái sử dụng và thu hồi chất thải sinh hoạt; khai thác và bảo vệ nguồn nước ngầm trong sinh hoạt; ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật) và các lĩnh vực khác (quan trắc, phân tích môi trường; tư vấn môi trường và chuyển giao công nghệ; công nghệ sinh học trong BVMT; các thiết bị cảnh báo nguy cơ ô nhiễm môi trường).

Sản phẩm và công nghệ tiết kiệm năng lượng: Công nghiệp và xây dựng (thiết bị,

công nghệ giúp tiết kiệm năng lượng trong các dây chuyền sản xuất công nghiệp; Thiết bị nhiệt, giám sát tổn thất nhiệt trong nhà máy sản xuất; Thiết bị trữ lạnh; Công nghệ và thiết bị giám sát (trực tiếp và qua hệ thống GSM), đo lường, giảm tổn thất điện năng trong quá trình sản xuất; Các vật liệu, sản phẩm, ý tưởng tiết kiệm năng lượng trong lĩnh vực xây dựng); Năng lượng tái tạo, năng lượng mới (các thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng điện gió, hệ thống phát điện bằng biomass, nhiên liệu sạch...); Giao thông vận tải, xăng dầu và khí đốt (khai thác chế biến, sản xuất xăng dầu; Thiết bị giám sát tổn thất gas, phát điện bằng gas, tua bin khí, khí công nghiệp, lò đốt, các thiết bị công nghiệp, thiết bị khí, đo lường và cung cấp, ống dẫn và van an toàn); Tư vấn (các dịch vụ tư vấn, phần mềm quản lý, kết quả nghiên cứu phục vụ hoạt động tiết kiệm năng lượng); Sinh hoạt (các giải pháp trong sinh hoạt sản phẩm

gia dụng hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng như: Thiết bị chiếu sáng, các sản phẩm kim khí điện máy, điều hòa công nghệ inverter, bếp từ, máy phát điện hiệu suất cao, các thiết bị vệ sinh tiết kiệm nước...).

Sản phẩm sinh thái (Eco-products): Sản phẩm được làm từ nguồn nguyên liệu sạch, nguyên liệu tái chế; Sản phẩm/dịch vụ có tính năng thân thiện với môi trường; Các quy trình sản xuất áp dụng hiệu quả công nghệ thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng.

Ngoài ra, một số hoạt động bên lề của ENTECH VIETNAM 2018 cũng được tổ chức như Diễn đàn hợp tác Việt Nam - Hàn Quốc; Đối thoại giữa doanh nghiệp và các cơ quan Chính phủ; Tôn vinh các doanh nghiệp có thành tích tham gia Triển lãm và một số hội thảo chuyên ngành của doanh nghiệp.

Dự kiến, ENTECH VIETNAM 2018 sẽ thu hút khoảng 150 tổ chức, doanh nghiệp có các sản phẩm công nghệ môi trường, năng lượng, sản phẩm sinh thái ở trong nước, quốc tế tham gia trưng bày, với khoảng 250 gian hàng và 50 nghìn người tham gia. Hy vọng rằng, ENTECH VIETNAM 2018 sẽ là hoạt động có ý nghĩa thiết thực và quan trọng để nâng cao nhận thức của cộng đồng về công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường và cũng là cơ hội để các nhà sản xuất trong nước, nước ngoài thiết lập, phát triển quan hệ liên doanh, liên kết, thúc đẩy đầu tư, xúc tiến thương mại và chuyển giao công nghệ mới nhằm hướng tới một nền kinh tế phát triển bền vững■

NAM VIỆT



NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và đa dạng hóa các hoạt động truyền thông

Năm 2018 là năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của đất nước, Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021; và cũng là năm diễn ra nhiều sự kiện chính trị quan trọng của đất nước. Trên cơ sở đó, toàn ngành TN&MT tiếp tục thực hiện mục tiêu, tạo chuyển biến rõ nét, thực chất trong thực hiện các đột phá chiến lược thực hiện quyết liệt cải cách hành chính với phương châm hành động của Chính phủ là “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả”.

Nhằm góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ đặt ra, Bộ TN&MT đã đưa ra định hướng nội dung tuyên truyền trong năm 2018 và quán triệt tới các đơn vị trực thuộc, Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, các đơn vị tăng cường phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí trong và ngoài ngành đẩy mạnh tuyên truyền và đa dạng hóa các hoạt động tuyên truyền, truyền thông với các nội dung trọng tâm:

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện, tạo bước đột phá trong hệ thống chính sách, pháp luật về TN&MT, gắn với ưu tiên tháo gỡ các vướng mắc, bất cập và tăng cường phổ biến, thực thi pháp luật, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh; xây dựng, điều chỉnh, triển khai hiệu quả các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành. Xác định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được duy trì thường xuyên, liên tục đổi mới nội dung, hình thức phổ biến giáo dục pháp luật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương và phù hợp với từng đối tượng được phổ biến. Đưa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong toàn ngành đi vào nề nếp, có trọng tâm, trọng điểm, triển khai đồng bộ và nâng cao kỷ cương, kỷ luật hành chính cho cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành.

Kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy, quản lý chặt chẽ số lượng biên chế công chức và biên

chế sự nghiệp. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, kết nối thông tin chỉ đạo, điều hành thông suốt giữa Bộ TN&MT với Chính phủ, các Bộ ngành, các đơn vị thuộc Bộ và các Sở TN&MT. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp. Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao cho người dân và doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, hiệu quả, tạo môi trường làm việc thuận lợi phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo các cấp.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật về TN&MT theo hướng phối hợp chặt chẽ từ cơ sở, tập trung vào những vấn đề bức xúc, nổi cộm và các vụ việc tồn đọng kéo dài. Thực hiện việc công bố các kết luận thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định, chủ động xây dựng kế hoạch thông tin những kết quả về công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu, những mô hình ứng dụng khoa học công nghệ hiệu quả cao đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, thông tin kiến thức chỉ dẫn khoa học, hợp tác quốc tế và thông tin đối ngoại.

Tổ chức truyền thông, phổ biến các cơ chế chính sách, chủ trương lớn về TN&MT ngay từ khi chuẩn bị, ban hành và tổ chức triển khai.

Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình truyền thông về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuyên truyền phổ biến rộng rãi, hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Phổ biến, hướng dẫn, tăng cường năng lực cho các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp thực hiện chức năng giám sát, phản biện và tham vấn cộng đồng về TN&MT.

Đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước, Bộ cũng đưa ra định hướng tuyên truyền đối với từng lĩnh vực như: Đất đai; Tài nguyên nước; Địa chất khoáng sản; Môi trường; Khí tượng thủy văn; Biến đổi khí hậu; Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý; Biển và hải đảo; Viễn thám. Trong đó, lĩnh vực về môi trường cần tập trung hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật BVMT; sửa đổi, bổ sung Luật BVMT; triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong lĩnh vực BVMT. Tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, bám sát thực tế, theo kịp tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế, bám sát những diễn biến nhanh,



▲ *Đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền là một trong những yêu cầu được đưa ra trong định hướng tuyên truyền của Bộ TN&MT năm 2018*

phức tạp của vấn đề môi trường; ban hành các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; xây dựng bộ tiêu chí và thực hiện việc xếp hạng chất lượng BVMT; xây dựng quy hoạch môi trường, điều chỉnh các quy hoạch về chất thải rắn, chất thải nguy hại; việc thu gom, vận chuyển, xử lý, tái chế chất thải; thanh tra, kiểm tra, tập trung vào các cơ sở, các khu vực có nguy cơ gây sự cố môi trường; quản lý và sử dụng hiệu quả đường dây nóng tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường... Tăng cường phối hợp với Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền về phong trào toàn dân tham gia BVMT; tăng cường thực hiện chức năng giám sát, phản biện và tham vấn cộng đồng về công tác BVMT.

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị với chuyên đề năm 2018: “Xây dựng phong cách, tác phong công tác của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối

sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Chương trình hành động của Ban cán sự Đảng và Ban Chấp hành Trung ương Bộ TN&MT thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

Đổi mới, nâng cao chất lượng tổ chức gắn với các hoạt động tuyên truyền, truyền thông về các sự kiện TN&MT năm 2018 như: Ngày Nước thế giới 22/3, Ngày Khí tượng thế giới 23/3, Ngày Môi trường thế giới 5/6, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (1 - 8/6), Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn và các sự kiện

liên quan khác... nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng xã hội về TN&MT.

Tăng cường tuyên truyền các phong trào thi đua, những mô hình và điển hình tiên tiến về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị. Hưởng ứng, tuyên truyền phong trào thi đua yêu nước, điển hình tiên tiến để thiết thực Kỷ niệm 70 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 - 11/6/2018). Tăng cường tuyên truyền, hưởng ứng tổ chức phong trào thi đua yêu nước ngành TN&MT giai đoạn 2016 - 2020 ban hành tại Quyết định số 3017/QĐ-BTNMT ngày 27/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT; phong trào thi đua yêu nước ngành TN&MT năm 2018 ban hành tại Công văn số 02/BTNMT-TĐKTTT ngày 2/1/2018 của Bộ TN&MT; Kế hoạch tổ chức thực hiện “Phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020” của Bộ TN&MT ban hành tại Quyết định số 2841/QĐ-BTNMT ngày 9/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT và các phong trào thi đua khác.

Trên cơ sở các định hướng tuyên truyền nêu trên, các đơn vị cần xác định rõ việc thực hiện nhiệm vụ công tác tuyên truyền, truyền thông là một công cụ thiết thực trong quản lý điều hành, trong đó chú trọng việc ứng dụng công nghệ và phương thức truyền thông mới để lắng nghe ý kiến của doanh nghiệp, người dân và cộng đồng xã hội, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về TN&MT■

NGUYỄN HẰNG



Một số quy định về đánh giá sức chịu tải, khả năng tiếp nhận nước thải của sông, hồ

HÀN NGỌC TÀI

Cục Quản lý chất thải và cải thiện môi trường
Tổng cục Môi trường

Ngày 29/12/2017, Bộ TN&MT đã ban hành Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT quy định về đánh giá sức chịu tải, khả năng tiếp nhận nước thải của sông, hồ (Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT), nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trong giai đoạn hiện nay. Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT có hiệu lực thi hành từ ngày 1/3/2018 và thay thế Thông tư số 02/2009/TT-BTNMT ngày 19/3/2009 quy định việc đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước (Thông tư số 02/2009/TT-BTNMT).

SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ SỐ 76/2017/TT-BTNMT

Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012 có quy định về “xác định khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước” là một trong các hoạt động điều tra cơ bản (Điều 12) và Bộ TN&MT có trách nhiệm tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước (Điều 13). Cùng với đó, Luật BVMT số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014 cũng quy định về “điều tra, đánh giá sức chịu tải của sông; công bố các đoạn sông, dòng sông không còn khả năng tiếp nhận chất thải” là một trong các nội dung kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường nước lưu vực sông (Điều 53 Luật BVMT).

Mặt khác, Thông tư số 02/2009/TT-BTNMT quy định, việc đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước được xây dựng ban hành căn cứ theo Luật Tài nguyên nước năm 1998. Thực tế hiện nay, những quy định của Thông tư số 02/2009/TT-BTNMT là chưa đủ cơ sở để quản lý hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012. Như vậy, việc sửa đổi, bổ sung các nội dung của Thông tư số 02/2009/TT-BTNMT cho phù hợp với quy định của Luật



▲ Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ phải đảm bảo nguyên tắc tính hệ thống theo lưu vực sông và nguồn nước

Tài nguyên nước năm 2012, Luật BVMT năm 2014, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành cũng như tình hình thực tế là cần thiết và việc ban hành Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT đã đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trong giai đoạn hiện nay.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA THÔNG TƯ SỐ 76/2017/TT-BTNMT

Theo Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT, việc đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ phải đảm bảo các nguyên tắc tính hệ thống theo lưu vực sông và nguồn nước. Đối với nguồn nước là sông, suối, kênh, rạch (sông), khi thực hiện đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải phải được phân thành từng đoạn sông để đánh giá. Việc phân đoạn sông, xác

định mục đích sử dụng nước, lựa chọn lưu lượng dòng chảy, lựa chọn thông số chất lượng nước mặt, thông số ô nhiễm của các nguồn nước thải để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng đoạn sông phải bảo đảm tính hệ thống theo từng sông, hệ thống sông. Việc đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ phải được thực hiện đối với từng thông số ô nhiễm. Việc đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ phải dựa trên đặc điểm mục đích sử dụng, khả năng tự làm sạch của nguồn nước, quy mô và tính chất của các nguồn nước thải hiện tại và theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Các nguồn nước phải đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước gồm có: Các sông thuộc danh mục lưu vực sông



liên tỉnh, nội tỉnh, danh mục nguồn nước liên quốc gia, liên tỉnh, nội tỉnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; Các hồ thuộc danh mục nguồn nước liên tỉnh, nội tỉnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Các nguồn nước không thuộc trường hợp quy định trên, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải xem xét, quyết định việc đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải trên cơ sở mức độ quan trọng của nguồn nước đối với phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu về bảo vệ tài nguyên nước, môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn giá trị văn hóa có liên quan đến nguồn nước.

Việc phân đoạn sông để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở các căn cứ: Vị trí nhập lưu, phân lưu trên sông; Chức năng nguồn nước, mục đích sử dụng nước của sông; vị trí các công trình khai thác, sử dụng nước, xả nước thải; vị trí công trình hồ chứa, công trình điều tiết nước trên sông; Chiều dài xâm nhập mặn lớn nhất ứng với độ mặn 4,0‰ đối với các đoạn sông bị ảnh hưởng của thủy triều; Yêu cầu về bảo tồn, phát triển hệ sinh thái thủy sinh, giá trị lịch sử, văn hóa, du lịch, tín ngưỡng có liên quan đến nguồn nước; Đối với các sông liên quốc gia, liên tỉnh, ngoài việc căn cứ quy định nêu trên, còn phải căn cứ vào đường biên giới quốc gia, địa giới hành chính cấp tỉnh.

Các phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông bao gồm:

Phương pháp đánh giá trực tiếp: Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số, đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích chất lượng nguồn nước của đoạn sông. Phương pháp đánh giá trực tiếp được áp dụng đối với đoạn sông sau khi điều tra mà không có nguồn nước thải xả trực tiếp vào đoạn sông đó.

Phương pháp đánh giá gián tiếp: Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng, kết quả phân tích chất lượng nguồn nước sông, lưu lượng và kết quả phân tích của các nguồn nước thải xả vào đoạn sông.

Phương pháp đánh giá bằng mô hình: Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức

chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích chất lượng nguồn nước sông, lưu lượng và kết quả phân tích của các nguồn nước thải xả vào đoạn sông và quá trình gia nhập dòng chảy, biến đổi của các chất gây ô nhiễm.

Thông số để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ gồm có COD, BOD₅, amoni, nitrat, photphat... Ngoài ra còn phải căn cứ vào các quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, mục đích sử dụng nước, quy mô, tính chất nước thải, yêu cầu bảo vệ nguồn nước, BVMT đối với từng đoạn sông, hồ thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải xem xét, quyết định cụ thể các thông số khác để đánh giá cho phù hợp.

Bộ TN&MT chịu trách nhiệm phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, hồ là nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia. Theo đó, Cục Quản lý tài nguyên nước chủ trì, phối hợp với Tổng cục Môi trường tham mưu, giúp Bộ TN&MT tổ chức điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông hồ là nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia, lấy ý kiến của các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch, UBND cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan về kết quả đánh giá khả năng

tiếp nhận nước thải và sức chịu tải của các sông, hồ; tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ TN&MT xem xét quyết định phê duyệt.

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông hồ là nguồn nước nội tỉnh. Theo đó, Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh tổ chức điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận, sức chịu tải của các sông, hồ là nguồn nước nội tỉnh, lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch, UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan về kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, hồ; tổng hợp ý kiến, gửi Bộ TN&MT cho ý kiến; hoàn thiện hồ sơ, trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt.

Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước là nội dung quan trọng trong quản lý nhà nước về BVMT, điều này được chứng minh từ kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn quản lý của Việt Nam. Việc ban hành Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT là một yêu cầu cấp thiết và đáp ứng với yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, trong thời gian tới, cần tăng cường các biện pháp giám sát và thực thi nhằm ngăn ngừa, hạn chế tình trạng không tuân thủ các quy định trong việc xả nước thải ra các sông, hồ gây ô nhiễm môi trường■



Nâng cao hiệu quả quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị tại Việt Nam

LÊ VĂN KHA

Bộ Xây dựng



▲ Cuộc họp Ban Điều phối chung lần thứ 3 của Dự án “Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp CTR đô thị tại Việt Nam” diễn ra vào tháng 8/2016

Trong thời gian qua, cùng với sự gia tăng dân số mạnh mẽ và sự hình thành, phát triển của các ngành nghề sản xuất đã làm gia tăng nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, nguyên vật liệu, năng lượng và phát sinh chất thải rắn (CTR). Bên cạnh đó, công tác quản lý, xử lý CTR ở nước ta vẫn chưa chú trọng đến các giải pháp giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải, gây ô nhiễm môi trường. Do đó, tăng cường năng lực về quản lý tổng hợp CTR đô thị có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý CTR, cải thiện chất lượng môi trường ở Việt Nam.

Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2016 - chuyên đề “Môi trường đô thị” của Bộ TN&MT, tình hình phát sinh và xử lý CTR ở khu vực đô thị vẫn là một trong những vấn đề môi trường nổi cộm trong nhiều năm qua. Theo thống kê, lượng CTR sinh hoạt phát sinh ở khu

vực đô thị khoảng 38.000 tấn/ngày, với mức gia tăng trung bình 12%/năm. CTR sinh hoạt đô thị có tỷ lệ hữu cơ khoảng 54 - 77%, chất thải có thể tái chế (thành phần nhựa và kim loại) chiếm khoảng 8 - 18%. CTR y tế phát sinh là 600 tấn/ngày với mức độ gia tăng khoảng 7,6%/năm. Đối với CTR công nghiệp khu vực đô thị, hiện chưa có thống kê cụ thể, nhưng khối lượng tăng cao, tập trung ở các ngành cơ khí, dệt may, da giày và thực phẩm. Ước tính lượng chất thải nguy hại trong CTR công nghiệp chiếm tỷ lệ khoảng 20 - 30%.

Cũng theo Báo cáo, công tác phân loại, thu gom và xử lý CTR đã đạt được những kết quả nhất định. Tỷ lệ thu gom và xử lý CTR sinh hoạt trung

bình đạt khoảng 85% vào năm 2014 và tăng lên 85,3% trong năm 2015. Công nghệ xử lý CTR sinh hoạt phổ biến là chôn lấp, ủ phân hữu cơ và đốt. Tại khu vực đô thị, tỷ lệ CTR sinh hoạt được chôn lấp trực tiếp khoảng 34%, tỷ lệ CTR sinh hoạt được tái chế tại các cơ sở xử lý đạt khoảng 42% và lượng CTR còn lại là bã thải của quá trình xử lý được chôn lấp chiếm khoảng 24%. Phần lớn, CTR sinh hoạt đô thị chưa phân loại tại nguồn. Đối với CTR y tế, có khoảng hơn 90% bệnh viện thực hiện thu gom và phân loại chất thải tại nguồn, với tỷ lệ thu gom đạt trên 75% (năm 2015).

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phân loại, thu gom và xử lý CTR còn một số hạn chế như nhiều bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, không có hệ thống thu gom, xử lý nước rỉ rác, khí thải nên gây ô nhiễm môi trường. Đặc biệt, thói quen sử dụng túi ni lông tràn lan ở nước ta đã dẫn đến phát sinh lượng lớn rác vô cơ... Tính đến hết năm 2015, cả nước có khoảng 35 nhà máy xử lý CTR (chưa kể khoảng 50 lò đốt cỡ nhỏ với công suất khoảng 500 kg/giờ), tập trung tại các đô thị, với công suất trung bình từ 100 - 200 tấn/ngày. So với năm 2012, CTR được xử lý đã tăng khoảng 3.600 tấn/ngày, nhưng nếu so với mức độ gia tăng CTR đô thị hiện nay thì công tác xử lý CTR chưa đạt hiệu quả như mong muốn.



Nhằm quản lý tổng hợp CTR trên toàn quốc theo Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR, Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) và Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) tại Việt Nam đã phối hợp thực hiện Dự án "Tăng cường năng lực về quản lý tổng hợp CTR đô thị tại Việt Nam". Dự án được thực hiện từ tháng 4/2014 - 3/2018, với việc triển khai thí điểm tại TP. Hà Nội và tỉnh Thừa Thiên - Huế. Dự án có các hợp phần như: Tăng cường năng lực thể chế, nâng cao năng lực quản lý, hoạch định chính sách về quản lý CTR; Hỗ trợ sửa đổi, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật về quản lý CTR; Tăng cường năng lực cho địa phương thực hiện quản lý CTR và hỗ trợ kỹ thuật trong việc lập quy hoạch quản lý tổng hợp CTR...

Sau 4 năm triển khai, Dự án đã hỗ trợ Bộ Xây dựng rà soát các chính sách, quy định, khung thể chế, các tiêu chuẩn về quản lý CTR đô thị; rà soát, đánh giá các công nghệ truyền thống và hiện đại trên phương diện xử lý và quản lý, đồng thời đưa ra đề xuất các tiêu chí lựa chọn công nghệ phù hợp; hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý CTR đô thị; tăng cường năng lực kiểm tra và giám sát thực hiện quản lý CTR đô thị tại các địa phương; thu thập dữ liệu nhằm tăng cường quản lý CTR đô thị tại cấp Trung ương, phân tích và đánh giá các vấn đề tồn tại. Mặt khác, nghiên cứu các mô hình đầu tư và quản lý áp

dụng cho xây dựng, khu liên hợp xử lý CTR; nghiên cứu và hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng đối với các khu xử lý CTR đô thị vùng liên tỉnh; tổ chức tập huấn tăng cường quản lý CTR đô thị về khung thể chế, cơ chế quản lý, công nghệ và trách nhiệm của các bên liên quan; góp ý cho Dự thảo điều chỉnh Chiến lược Quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

Cùng với đó, Dự án đã giúp tăng cường năng lực cho Sở Xây dựng Hà Nội thực hiện quản lý CTR đô thị; đánh giá kết quả thực hiện Dự án (Pha 1) từ góc nhìn mang tính bền vững của các hoạt động và phân tích hiện trạng hệ thống quản lý CTR của thành phố; xác định bài học kinh nghiệm và đưa ra các đề xuất; tư vấn thực hiện Quy hoạch xử lý CTR Hà Nội; tư vấn kỹ thuật về lựa chọn khu xử lý CTR theo Quy hoạch xử lý CTR Hà Nội và thực hiện nghiên cứu tiền khả thi đối với khu xử lý CTR được lựa chọn; nghiên cứu thu

hút đầu tư xây dựng khu xử lý CTR... Dự án cũng đã hỗ trợ tỉnh Thừa Thiên - Huế hoàn thành việc tổng hợp dữ liệu và xây dựng Quy hoạch quản lý tổng hợp CTR cấp tỉnh. Quy hoạch tính toán chi tiết và cụ thể từ lượng rác bình quân đầu người dựa vào số liệu trạm cân tại tỉnh; dự báo lượng chất thải phát sinh trong những năm tới. Đặc biệt, Thừa Thiên - Huế đã quy hoạch được 3 vùng thu gom chất thải tại tỉnh; tính toán đến phương thức vận chuyển, công nghệ xử lý chất thải và nguồn lực tài chính cũng như các thể chế chính sách liên quan để thực hiện theo quy hoạch.

Ngoài ra, Dự án đã hoàn thành 6 tài liệu hướng dẫn bao gồm: Lập quy hoạch quản lý tổng hợp CTR, tập trung vào CTR sinh hoạt; Lập kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn đối với các cơ sở xử lý CTR; Lựa chọn công nghệ phù hợp để xử lý CTR sinh hoạt; Quy hoạch xây dựng cơ sở xử lý CTR; Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành cơ sở xử lý CTR sinh hoạt; Hệ thống tài chính bền vững cho quản lý CTR. Hiện Dự án cũng đã tuyên truyền các sản phẩm và chuyển giao kết quả cho các địa phương trên cả nước.

Nhìn chung, các hoạt động của Dự án có tác động sâu rộng tới địa phương thông qua hoạt động thu thập số liệu quản lý CTR, hội thảo chuyên môn, chương trình tập huấn trong nước và tại Nhật Bản, nhằm giao lưu chia sẻ và học tập kinh nghiệm..., góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm BVMT của các nhà quản lý, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường và cộng đồng xã hội■



▲ Phân loại rác tại nguồn là một trong những khâu quan trọng trong công tác xử lý CTR đô thị



Bức tranh sáng về thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới ở Quảng Bình

NGUYỄN NGỌC HOẠT

Chi cục Phát triển Nông thôn Quảng Bình

Môi trường là tiêu chí thứ 17 trong 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới (XDNTM), với mục tiêu BVMT ở khu vực nông thôn, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, tuy nhiên đây là một tiêu chí khó thực hiện. Với quyết tâm thực hiện các chỉ tiêu đề ra trong Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM (Chương trình XDNTM) tại Quảng Bình, đặc biệt là các chỉ tiêu về môi trường, tỉnh Quảng Bình đã triển khai đồng bộ các giải pháp, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và người dân. Nhờ đó, việc thực hiện tiêu chí môi trường (TCMT) đã đạt được những kết quả tích cực.

TẬP TRUNG TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG

Thời gian qua, tỉnh Quảng Bình luôn coi công tác BVMT là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, hướng đến phát triển bền vững. Vì thế, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương triển khai việc thực hiện TCMT trong Chương trình mục tiêu quốc gia về XDNTM và đạt được một số kết quả quan trọng: Công tác chỉ đạo, điều hành được tập trung từ việc ban hành các văn bản đến phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình XDNTM (cấp tỉnh đến cấp huyện), trong đó, Sở TN&MT đã ban hành Văn bản số 869/HD-STNMT hướng dẫn thực hiện TCMT trong XDNTM đến các địa phương; Văn phòng Điều phối Chương trình XDNTM tham mưu cho

UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình. Bên cạnh đó, việc xã hội hóa nguồn lực BVMT đã được quan tâm tại nhiều địa phương; một số xã đã xây dựng Đề án thu gom, xử lý rác thải và thành lập các tổ thu gom rác; việc thu gom, xử lý rác được giao cho hợp tác xã, doanh nghiệp có năng lực, điển hình như mô hình xã Thanh Trạch (huyện Bố Trạch), hay đội vệ sinh môi trường tại các thôn trong huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy.

Đặc biệt, ngay từ khi bắt đầu thực hiện Chương trình XDNTM, tỉnh đã xác định, công tác tuyên truyền cần được quan tâm hàng đầu. Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, Văn phòng điều phối, Ban Chỉ đạo XDNTM các cấp xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến các cấp, ngành và nhân dân về BVMT trong XDNTM; phát động các phong trào thi đua XDNTM ở địa phương. Việc tuyên truyền được triển khai rộng khắp, dưới nhiều hình thức, với nội dung đa dạng, phong phú và phù hợp với từng đối tượng như tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài Phát thanh - Truyền hình địa phương, loa truyền thanh xã...). Ngoài ra, Văn phòng điều phối đã phối hợp với các cơ quan, đoàn thể lồng ghép các hoạt động tuyên truyền vào các chương

trình như “Thanh niên chung tay XDNTM” của huyện Đoàn; “5 không, 3 sạch” của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; “Kế hoạch tuyên truyền nông thôn mới” của Hội Nông dân; các phong trào của Hội Người cao tuổi”. Thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về BVMT, nhận thức của hầu hết người dân được nâng cao; các phong tục, tập quán lạc hậu của bà con đồng bào dân tộc dần được xóa bỏ; một số nơi đã xây dựng mô hình bể chứa rác công cộng, góp phần giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường (ÔNMT) nông thôn. Các doanh nghiệp có nguy cơ gây ÔNMT đã được di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; một số doanh nghiệp đã quan tâm đầu tư, cải tiến công nghệ sản xuất, hạn chế tác động tới môi trường nông thôn. Từ đó, bộ mặt nông thôn đã có những thay đổi đáng kể, cảnh quan môi trường được cải tạo xanh, sạch, đẹp, các hộ dân tích cực trồng nhiều cây xanh và không còn hiện tượng vứt rác bừa bãi.

Tính đến tháng 6/2017, tỉnh Quảng Bình đã có 80/136 xã hoàn thành TCMT (chiếm 58,8%), phấn đấu đến năm 2018, có thêm 17 xã đạt được tiêu chí này.

KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN TCMT TRONG XDNTM

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo đảm vệ sinh môi trường nông



▲ Mô hình tổ tự quản thu gom rác hoạt động hiệu quả tại xã Quảng Hải (thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình)

thôn tại Quảng Bình còn gặp nhiều khó khăn. Do địa hình phức tạp, nên việc thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại một số khu vực nông thôn gặp nhiều trở ngại. Hầu hết các gia đình ở vùng sâu, vùng xa tự xử lý rác thải bằng các biện pháp đơn giản như đốt, chôn lấp. Không ít nơi, người dân tùy tiện xả rác thải bừa bãi, hoặc làm chuồng trại gia súc gần nơi sinh hoạt... gây ÔNMT, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe cộng đồng. Tại nhiều địa phương, tình trạng phát sinh rác thải ngày càng tăng, dẫn đến quá tải tại các bãi rác thải. Bên cạnh đó, máy móc và thiết bị thu gom, xử lý rác thải còn lạc hậu, chưa có phương tiện chuyên dụng để thu gom rác thải, bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh không đảm bảo quy chuẩn quy định. Các công ty, hợp tác xã, tổ đội vệ sinh môi trường còn thiếu về nhân lực, chế độ lao động thấp; công tác phân loại rác thải tại nguồn chưa được thực hiện. Phí dịch vụ thu gom rác thấp, không đảm bảo cho chi phí vận chuyển chôn lấp, công tác thu phí vệ sinh gặp khó khăn. Ngoài ra, việc thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt ở nông thôn còn hạn chế, nguồn nước mặt trong khu dân cư, một số đoạn sông, kênh, nương bị ô nhiễm...

Thực trạng nêu trên có nhiều nguyên nhân như ý thức chấp hành, thực thi pháp luật về BVMT chưa nghiêm; sự phân cấp, phối hợp giữa các cơ quan liên quan, các cấp, ngành chưa được chặt chẽ; bộ máy quản lý nhà nước

về BVMT chưa đồng bộ, đội ngũ cán bộ còn thiếu và yếu, đặc biệt là cán bộ xã, nên chưa theo kịp với những diễn biến ngày càng phức tạp của các vấn đề môi trường; nguồn lực đầu tư cho BVMT còn hạn hẹp, chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn thu từ môi trường chưa được sử dụng để đầu tư trở lại cho công tác BVMT. Cấp ủy, chính quyền ở nhiều địa phương chưa phát huy đúng vai trò, trách nhiệm về BVMT, đồng thời, việc phát hiện xử lý còn chậm...

Cùng với quá trình phát triển, sức ép về môi trường ngày càng lớn và phức tạp, tác động đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Để đạt được TCMT trong XDNTM là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, các cấp, ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh. Vì thế, thời gian tới, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, chính quyền và các đoàn thể về BVMT;

lồng ghép các nội dung cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", thực hiện hương ước, quy ước trong giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn; tăng cường vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng gia đình văn hóa, thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường khu dân cư, khử trùng tiêu độc khu vực chuồng trại, đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh, thu gom, xử lý rác thải và xây dựng các công trình nước sạch, vệ sinh môi trường đạt chuẩn; khuyến khích phát triển sản xuất, chăn nuôi gắn với BVMT (làm bể biogas để xử lý chất thải chăn nuôi); trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, tạo môi trường trong lành và cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

Đặc biệt, cần tổ chức các đội tự quản vệ sinh môi trường tại các thôn, bản, cũng như thực hiện đồng bộ các giải pháp, từ khâu quy hoạch, kế hoạch bố trí nguồn lực thực hiện đánh giá kết quả và điều chỉnh kịp thời. Đi đôi với công tác tuyên truyền, giáo dục, cần tăng cường hơn nữa vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về vấn đề BVMT trên các địa bàn nông thôn, từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phải chấp hành đầy đủ các quy định về BVMT. Các xã sau khi đã được công nhận đạt chuẩn NTM cần xây dựng kế hoạch duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững■



Ô nhiễm nước và sự cần thiết xây dựng Luật Kiểm soát ô nhiễm nước tại Việt Nam

NGUYỄN NGỌC LÝ - Giám đốc

Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng

Trong thời gian qua, ô nhiễm nước đang là một trong những vấn đề nổi cộm và cần được kiểm soát chặt chẽ. Theo Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2012, nguồn nước mặt của nước ta bị ô nhiễm nghiêm trọng, đặc biệt là ở các vùng hạ lưu nơi có mức độ đô thị hóa, công nghiệp hóa và tăng trưởng nhanh. Vấn đề ô nhiễm nước tiếp tục có những diễn biến phức tạp và đỉnh điểm là vào năm 2016. Tháng 4/2016, vụ gây ô nhiễm biển miền Trung do nước thải từ Công ty Formosa gây ra đã gây thiệt hại nặng nề. Công ty đã phải bồi thường khoảng 11.000 tỷ đồng cho ngư dân, lớn gấp 86 lần vụ Vedan. Cuối năm, vụ hơn 200 tấn cá chết tại Hồ Tây trong khoảng thời gian ngắn thu hút sự quan tâm, lo lắng của cả nước về vấn đề ô nhiễm nước. Như vậy, có thể thấy, những thiệt hại từ ô nhiễm nước đã ảnh hưởng tới mọi mặt kinh tế, xã hội của nước ta. Nguyên nhân chính cho mọi sự cố gây ô nhiễm nước là các chất gây ô nhiễm từ nước thải sản xuất, nước thải công nghiệp, nước thải đô thị (ô nhiễm điểm), nước mưa chảy tràn, nước thải từ ngành khai khoáng (ô nhiễm diện) và từ các loại rác thải khác nhau... thải trực tiếp vào nguồn nước mặt không qua xử lý.

Câu hỏi đặt ra là vì sao và nguyên nhân nào đã gây ra sự cố ô nhiễm nước trầm trọng và xảy ra trên diện rộng đến như vậy? Nhất là khi chúng ta đã có một hệ thống luật pháp về BVMT với nhiều chế tài và sự tham gia thực thi của nhiều cơ quan từ Trung ương tới địa phương. Từ tình hình thực tiễn có thể thấy rõ hai nguyên nhân cơ bản, đó là vấn đề ô nhiễm nước và kiểm soát ô nhiễm nước (KSONN) là lĩnh vực hết sức phức tạp, bất kỳ nội dung nào trong lĩnh vực này cũng liên quan mật thiết tới kinh tế, xã hội và luật pháp. Nội dung KSONN bao trùm các khía cạnh sinh thái, bảo tồn, tính chất lý hóa của nước, các vấn đề công nghệ, tiêu chuẩn, các vấn đề quản lý lưu vực, quản lý nguồn nước và năng lực quản lý. Một nguyên nhân khác là chưa có hệ thống pháp luật về KSONN riêng biệt để khắc chế ô nhiễm nước trong khuôn khổ hệ thống pháp luật BVMT.

1. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT LIÊN QUAN TỚI HÀNH VI XẢ THẢI

Tại Việt Nam, vấn đề KSONN chưa được quan tâm đúng với tính chất phức tạp và quan trọng của nó, phạm trù KSONN chỉ có một vị trí rất khiêm tốn nằm trong rất nhiều luật và dưới các công cụ khác nhau. Điều này được khái quát hóa trong sơ đồ (Hình 1).

Từ sơ đồ có thể nhận thấy, hệ thống luật có nhiều tầng (Luật, Nghị định, Thông tư) và các công cụ. Các công cụ trực tiếp quản lý hành vi xả thải gồm quy hoạch, đánh giá tác động môi trường (ĐTM), giấy phép xả thải, công nghệ, quy chuẩn tiêu chuẩn, kiểm tra giám sát... Chính do có nhiều tầng như vậy nên việc thực thi các luật và các văn bản dưới luật mang nặng tính hành chính và gián tiếp, với sự tham gia của rất nhiều cơ quan hành chính thuộc các Bộ/ngành khác nhau. Các công cụ chế tài trực tiếp quản lý hành vi xả thải có các quan hệ chéo với hệ thống hành chính, gây ra sự không rõ ràng về cấp quản lý và trách nhiệm. Ngoài ra, hệ thống luật này mới chỉ tập trung điều chỉnh hành vi xả thải từ các doanh nghiệp, khu công nghiệp, mà chưa bao gồm kiểm soát nước thải đô thị và ô nhiễm diện. Như vậy, có một khoảng cách lớn giữa hệ thống luật và thực tiễn ô nhiễm nước. Có thể thấy khoảng cách này thông qua phân tích một số ví dụ thực tiễn ô nhiễm nước hiện nay.

2. THỰC TIỄN Ô NHIỄM NƯỚC VÀ KSONN HIỆN NAY

Ví dụ đầu tiên là trường hợp ô nhiễm suối Bưng Cù thuộc huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Con suối này nhận xả thải của trên 200 cơ sở sản xuất công nghiệp và trên 1.500 nhà trọ và khu dân cư. Suốt hai thập niên qua, con suối trong lành này đã bị ô nhiễm trầm trọng và ảnh hưởng sâu sắc tới đời sống người dân. Người nông dân trồng lúa và khoai ngay cạnh suối cũng không thể sử dụng nước suối để tưới cho hoa màu, mà phải bơm nước ngầm để sử dụng. Có nhiều cuộc họp, nhiều phương án đã nêu nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Trong trường hợp này thấy rõ sự thiếu vắng cách tiếp cận quản lý theo lưu vực. Sở TN&MT có các chế tài để quản lý nước thải của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn, nhưng lại không quản lý nước thải sinh hoạt từ các nhà trọ và lượng rác thải xả xuống suối. Trách nhiệm quản lý suối nằm chung trong trách nhiệm quản lý môi trường và ở cấp phường chỉ có một cán bộ môi trường phụ trách. Với điều kiện như vậy, họ chỉ có thể làm được việc báo cáo lên cấp trên, chứ không có đủ năng lực chuyên môn, kỹ thuật, quản lý để giải quyết vấn đề.

Ví dụ thứ hai là ô nhiễm suối Pó Cá làm ảnh hưởng tới nguồn nước mặt của TP. Sơn La. Trong thập kỷ qua, Sơn La đã thành công trong việc chọn



Ví dụ thứ ba là ô nhiễm kênh Bốn Xã ở Bắc Ninh. Con kênh này nhỏ, chảy qua khu vực phường Khắc Niệm và các xã Tân Chi, Lạc Vệ, Liên Bảo, huyện Tiên Du. Kênh này nhận trên 3.000 m³/ngày, đem nước thải từ các hộ làm bún, các trang trại nuôi lợn, nước thải sinh hoạt. Trước đây, nhà nước đã đầu tư một hệ thống thu gom và xử lý nước thải làm bún, tuy nhiên hệ thống đã hoạt động không hiệu quả, thậm chí còn trở thành một điểm ô nhiễm của khu vực. Các doanh nghiệp chăn nuôi có hệ thống xử lý nước thải, nhưng việc kiểm soát chất lượng nước xả thải còn chưa rõ ràng. Hiện nay, bên làm bún cho rằng, kênh ô nhiễm do nước thải từ

Cuối cùng là vụ ô nhiễm biển miền Trung do Công ty Formosa gây ra. Đây là doanh nghiệp đầu tư công nghiệp vốn FDI quy mô lớn. Vì vậy, việc thẩm định về môi trường là một quy trình đầy đủ theo các chế tài cấp quốc gia từ ĐTM,

Ô nhiễm nước và KSONN chưa được đề cập như một lĩnh vực riêng biệt và chưa được coi trọng đúng với tầm quan trọng, cần thiết trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, mà chỉ được đưa vào như



một phần tích hợp trong công tác BVMT. Điều đó dẫn đến một hệ thống 3 tầng: Luật, Nghị định, Thông tư với rất nhiều văn bản liên quan tới quản lý KSONN. Hệ thống pháp luật vì vậy mang nặng tính gián tiếp và hành chính, khiến tính chịu trách nhiệm không rõ ràng.

Hệ thống luật được xây dựng xuất phát từ phương diện để quản lý nhà nước, mà chưa bao quát đầy đủ tới góc nhìn từ đối tượng bị điều chỉnh là các doanh nghiệp, đô thị và từ các đối tượng được bảo vệ là nguồn nước mặt và các loại cá, tôm, thủy sinh sống trong môi trường nước. Do đó, cách tiếp cận hệ sinh thái và quản lý lưu vực chưa được quán triệt và chưa được đưa vào đầy đủ khi xây dựng các luật và văn bản dưới luật. Như vậy, khi xây dựng Luật KSONN, cần phải lấy sự sống của các loài cá và các loại thủy sản khác là thước đo và mục tiêu cuối cùng để xây dựng hệ thống quản lý.

Các công cụ trực tiếp kiểm soát hành vi xả thải và ô nhiễm nước gồm công nghệ xử lý, giấy phép xả thải, tiêu chuẩn quy chuẩn, kiểm tra và giám sát phụ thuộc chủ yếu vào các khuyến nghị trong ĐTM. Sự phụ thuộc vào ĐTM sẽ làm cho khả năng thực thi của các công cụ kiểm soát hành vi xả thải hạn chế. Mặc dù ĐTM có một chương trong Luật BVMT và có Nghị định hướng dẫn, nhưng ĐTM vẫn mang nặng tính dự báo, sự khác biệt so với thực tiễn có thể rất lớn. Việc các công cụ được thiết lập dựa trên khuyến nghị của ĐTM có thể gây ra những hậu quả cực lớn, nhưng rất khó quy trách nhiệm.

Trong thực tế, mặc dù ĐTM là một quy trình luật định (Nghị định số 18/2015 quy định về Quy hoạch BVMT, Đánh giá môi trường chiến lược, ĐTM và Kế hoạch BVMT), các báo cáo ĐTM vẫn phải viện dẫn lại

nhiều luật. Cụ thể như ĐTM của nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân vẫn phải viện dẫn tới 66 các văn bản luật và dưới luật khác nhau. Điều đó cho thấy sự phức tạp và chưa hiệu quả của hệ thống luật hiện nay.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng môi trường nước; nghiên cứu và phân tích những bất cập và khoảng trống pháp lý trong hệ thống văn bản pháp luật, Việt Nam cần nghiên cứu xây dựng Luật KSONN độc lập nhằm ngăn ngừa ô nhiễm nước và từng bước khôi phục hệ thống nước mặt. Mục tiêu cao nhất của Luật là phải bảo vệ được sự sống của các loài cá thủy sinh và bảo vệ được sự an toàn của con người. Trong thời gian tới, kiến nghị Bộ TN&MT đề xuất xây dựng Luật KSONN vào chương trình xây dựng Luật của Quốc hội khóa XIV và triển khai nghiên cứu xây dựng Luật này càng sớm càng tốt, lượng đủ thời gian cần thiết để đảm bảo thực thi và hiệu quả kinh tế của Luật.

Song song với chương trình xây dựng Luật, cần xây dựng và cấp kinh phí cho các chương trình nghiên cứu; Xác định khoanh vùng nước ô nhiễm trầm trọng cần ưu tiên xử lý; Xác định các vùng nước đặc biệt dài hạn để ưu tiên bảo vệ, bảo tồn; Xây dựng và cấp kinh phí về nghiên cứu cải cách hệ thống cấp giấy phép xả thải, quy chuẩn xả thải, tiêu chuẩn nước mặt có bao gồm các tiêu chuẩn quy chuẩn về hệ sinh thái; Xây dựng và cấp kinh phí chương trình nghiên cứu thông tin nền về hệ thống nước mặt Việt Nam phục vụ công tác quản lý giám sát chất lượng nước mặt; Có cơ chế khuyến khích sự tham gia cộng đồng và các bên liên quan vào hoạt động KSONN; Xây dựng chính sách tổng thể dài hạn ưu tiên cho việc nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm nước...■

● Bộ TN&MT: Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc ngưng hiệu lực một phần

Ngày 23/1/2018, Bộ trưởng Bộ TN&MT ban hành Quyết định số 235/QĐ-BTNMT về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) hết hiệu lực toàn bộ hoặc hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ TN&MT.

Theo Quyết định, có 45 VBQPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ TN&MT hết hiệu lực toàn bộ hoặc hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần, trong đó về lĩnh vực môi trường, các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có 1 Nghị định; Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ TN&MT có 1 Quyết định và 10 Thông tư. Cụ thể, Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học, hết hiệu lực một phần, với các Điều 18, 19, 20 bị bãi bỏ bằng Nghị định số 59/2017/NĐ-CP quy định về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen; Quyết định số 04/2008/QĐ-BTNMT ngày 18/7/2008 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được thay thế bởi các Thông tư số 64/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015, Thông tư số 11/2015/TT-BTNMT ngày 31/3/2015, Thông tư số 27/2012/TT-BTNMT ngày 28/12/2012...

Ngoài ra, các Thông tư khác như: Thông tư số 18/2014/TT-BTNMT ngày 22/4/2014 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh, nước mặt lục địa, nước dưới đất, nước mưa axit, nước biển, khí thải công nghiệp, phóng xạ hết hiệu lực ngày 1/10/2017, thay thế bởi Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 8/8/2017 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường; Thông tư số 40/2015/TT-BTNMT ngày 17/8/2015 quy định quy trình kỹ thuật quan trắc khí thải, hết hiệu lực ngày 5/10/2015, thay thế bởi Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 1/9/2017 quy định kỹ thuật quan trắc môi trường...



● Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng

Ngày 6/2/2018, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 02/2018/TT-BXD quy định về BVMT trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác BVMT ngành Xây dựng. Theo đó, Thông tư quy định trách nhiệm BVMT của chủ dự án trong thi công xây dựng công trình gồm: Lập kế hoạch quản lý và BVMT trên cơ sở chương trình quản lý môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc Kế hoạch BVMT đã được cấp có thẩm quyền xác nhận; Bố trí nhân sự phụ trách về môi trường theo quy định của pháp luật về BVMT để kiểm tra, giám sát nhà thầu thực hiện kế hoạch quản lý và BVMT; Tổ chức kiểm tra, giám sát các nhà thầu tuân thủ các quy định về BVMT trong thi công xây dựng công trình...

Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện kế hoạch quản lý và các quy định về BVMT trong quá trình thi công gói thầu; Bố trí nhân sự phụ trách về môi trường theo quy định của pháp luật về BVMT để thực hiện các biện pháp BVMT theo Báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch BVMT của dự án; Xây dựng và thực hiện nội quy, quy định về BVMT trong thi công xây dựng công trình...

Đối với các cơ sở sản xuất ngành Xây dựng có trách nhiệm: Lập báo cáo công tác BVMT bằng văn bản định kỳ 1 lần/năm. Cập nhật và lưu trữ các thông tin, dữ liệu của báo cáo công tác BVMT trên phần mềm quản lý trực tuyến cơ sở dữ liệu môi trường ngành Xây dựng...

Sở Xây dựng các tỉnh, TP có trách nhiệm: Lập báo cáo công tác BVMT bằng văn bản gửi về Bộ Xây dựng trước ngày 15/1 của năm kế tiếp. Cập nhật và lưu trữ các thông tin, dữ liệu của báo cáo công tác

BVMT trên phần mềm quản lý trực tuyến cơ sở dữ liệu môi trường ngành.

Các nhà thầu tư vấn quản lý dự án, nhà thầu giám sát thi công xây dựng phải báo cáo kịp thời cho chủ dự án và các nhà thầu có liên quan về những nguy cơ, vấn đề phát sinh có thể ảnh hưởng đến công tác BVMT trong quá trình thi công xây dựng công trình để có các giải pháp ngăn ngừa, xử lý phù hợp...

● Quy định về quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng

Ngày 17/1/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 04/2018/TT-BTC quy định hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR). Đối tượng áp dụng của Thông tư gồm các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn liên quan đến việc quản lý và sử dụng tiền DVMTR.

Thông tư quy định chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được sử dụng toàn bộ số tiền DVMTR để quản lý bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao đời sống. Kinh phí quản lý được trích tối đa 10% tổng số tiền DVMTR thực thu trong năm để chi cho các hoạt động của bộ máy Quỹ, chi phụ cấp kiêm nhiệm và hỗ trợ chi phí quản lý đối với các đơn vị, tổ chức được UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao hỗ trợ Quỹ BV&PTR cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ chi trả (nếu có). Mức trích cụ thể được lập trong kế hoạch thu, chi hàng năm của Quỹ, trình UBND cấp tỉnh quyết định.

Trường hợp có thiên tai, khô hạn hoặc mức chi trả trên cùng đơn vị diện tích cung ứng DVMTR trên địa bàn tỉnh thấp hơn năm trước liền kề, Quỹ BV&PTR cấp tỉnh lập kế hoạch hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, được giao, khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài

trình UBND cấp tỉnh quyết định. Kinh phí dự phòng sử dụng không hết được chuyển để chi cho bên cung ứng DVMTR...

● Ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu phải đạt chất lượng về bảo vệ môi trường

Ngày 10/1/2018, Bộ Giao thông Vận tải ban hành Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP (quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô). Đối tượng áp dụng của Thông tư là các doanh nghiệp nhập khẩu ô tô vào Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, kiểm tra, thử nghiệm ô tô.

Theo Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT, ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu phải được kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT từng xe theo quy định; Ô tô chưa qua sử dụng nhập khẩu phải được cơ quan quản lý chất lượng kiểm tra theo quy định đối với từng lô xe nhập khẩu. Mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại ô tô trong lô xe nhập khẩu phải được kiểm tra, thử nghiệm về khí thải và chất lượng an toàn kỹ thuật theo quy định, cụ thể: Yêu cầu thực hiện kiểm tra đối với xe được đăng ký lưu hành tại các quốc gia thuộc EU, G7, quốc gia có tiêu chuẩn khí thải tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn khí thải hiện hành của Việt Nam. Cấp giấy Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT đối với từng xe trong toàn bộ lô xe nhập khẩu theo mẫu. Riêng đối với ô tô mẫu đưa đi thử nghiệm thì trong giấy Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT ô tô nhập khẩu có ghi chú "Chiếc xe này đã dùng để thử nghiệm tại Việt Nam"...■



Từ trang trí hoa văn trống đồng Ngọc Lũ nghĩ về ứng xử với môi trường của người Việt xưa

ThS. NGUYỄN THỊ THU HOAN

Bảo tàng Lịch sử Việt Nam

Trong hơn 200.000 tài liệu, hiện vật được lưu giữ, trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia trống đồng Đông Sơn là một trong những sưu tập hiện vật tiêu biểu, quý giá. Trong đó, trống đồng Ngọc Lũ, Bảo vật quốc gia số 1 đã trở thành biểu tượng cho văn hóa Việt Nam. Bên cạnh những giá trị về nghệ thuật đúc đồng, thì hoa văn trang trí trên trống đồng Ngọc Lũ được đánh giá như là bức tranh phản ánh hiện thực đời sống vật chất, tinh thần của cư dân Đông Sơn (người Việt cổ) từ thời dựng nước đầu tiên, cách nay hơn 2.000 năm.

Qua các di tích, di vật văn hóa Đông Sơn được phát hiện cho thấy, bước vào thời kỳ Kim khí, sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, các cộng đồng cư dân cổ (các bộ tộc) đã nhanh chóng phát triển và mở rộng địa bàn cư trú từ miền núi, trung du đến vùng châu thổ đồng bằng, duyên hải. Bên cạnh một bộ phận cư dân lưu lại định cư miền chân núi thì cư dân Đông Sơn đã phát triển và chủ yếu sinh sống (tập trung thành xóm, làng) ở lưu vực các sông: Hồng, Mã, Cả. Vì vậy, đã tạo nên nét đặc trưng trong ứng xử với môi trường sông nước thể hiện qua đời sống sinh hoạt vật chất, tinh thần cụ thể là qua các hoạt động kinh tế, quân sự, văn hóa (tâm thức, tín ngưỡng, phong tục, tập quán...) mà qua trống đồng và hoa văn trang trí đã thể hiện khá rõ.

Toàn bộ hoa văn trang trí trên trống Ngọc Lũ, phần mặt trống là hình mặt trời 14 tia đúc nổi, dày (có vết mòn của việc đánh trống), xen kẽ các tia mặt trời là các hình tam giác (hình lông công/ biểu tượng âm vật); bao quanh (từ giữa ra diềm trống) là các băng hoa văn hình → băng hoa văn hình người, động vật → băng hoa văn hình học. Phần tang trống gồm 6 hình thuyền chiến. Phần thân trống được chia thành 8 ô, mỗi ô có hai chiến binh đầu đội mũ lông chim, một tay cầm rìu chiến, một tay cầm mộc. Tất cả trang trí đều diễn tả trong tư thế đang vận động (thể hiện sự vận động của trái đất, mọi hoạt động của con người và động vật trên trái đất quay quanh mặt trời theo ngược chiều kim đồng hồ). Theo đó, các chi tiết hoa văn thể hiện ứng xử với môi trường sống tự



▲ Bảo tàng Lịch sử Việt Nam có nhiều chương trình nghiên cứu, trưng bày những giá trị của trống đồng nói riêng và di sản văn hóa nói chung

nhiên (phản ánh đời sống vật chất, tinh thần và tư duy) của người Việt cổ.

Nông nghiệp lúa nước được thể hiện qua hình mặt trời, người gĩa gạo, quai trống hình bông lúa, đàn người đánh trống đồng với chức năng, ý nghĩa đặc biệt. Trống đồng (nghĩ lễ đánh trống đồng) gắn với lễ tiết nông nghiệp: thần sấm, tiếng sấm, còn gọi là trống sấm, vùng hải đảo Đông Nam Á còn gọi là “trống mưa” hay “trống cầu mưa”. Cầu mưa, cầu mùa là một nghi lễ vô cùng quan trọng và phổ biến đối với các cư dân nông nghiệp, đặc biệt là những cư dân nông nghiệp lúa nước. Cùng với đó là các tín ngưỡng, phong tục, nghi lễ nông nghiệp hình thành liên quan đến nhu cầu sinh sôi, nảy nở, phát sinh, phát triển như: tín ngưỡng phồn thực (đực - cái/âm - dương với những nhiều dạng thức thể hiện khác nhau). Hơn nữa, tín ngưỡng thờ mặt trời là một tín ngưỡng phổ biến của những cư dân nông nghiệp, trong những nền văn minh nông nghiệp, trong đó có những nhóm cư dân vùng Đông Dương và Đông Nam Á, vì vậy, chủ nhân trống đồng, cư dân Đông Sơn

là “những người có tín ngưỡng thờ thần mặt trời”...

Hình nhà sàn được trang trí đối xứng nhau qua hình mặt trời gồm 2 loại mái cong và mái tròn. Nhà sàn là đặc trưng chung của các cư dân cả vùng Đông Nam Á, trong đó có cư dân sinh sống gần bó với môi trường sông nước. Chất liệu làm nhà sàn là gỗ, lá cây, là những nguyên liệu sẵn có ở môi trường nhiệt đới ẩm, thảm thực vật phát triển. Nhà sàn cao, tránh ẩm thấp, mát mẻ khi ở môi trường nóng ẩm. Đặc biệt, hình ảnh nhà sàn mái tròn trang trí trên trống (gồm có cả một sàn không mái), trên đó có một người đang đánh trống đồng và nhiều nét khắc thẳng nối nhau theo chiều dọc, tượng trưng cho giọt mưa rơi, đó có thể là một cảnh cầu mưa mà người ta vừa đánh trống vừa hát khúc lễ ca cầu mưa...

Trong khi đó, hình chim (chiếm chủ đạo) trên các băng hoa văn xoay quanh mặt trời và được thể hiện dưới nhiều dạng thức, tư thế khác nhau. Đây đều thuộc loài chim kiếm ăn ở vùng nước trũng, cửa sông với đặc điểm là chim mỏ dài, chân dài (còn được gọi là chim nước).



▲ Hình ảnh hoa văn trên mặt trống đồng Ngọc Lũ

Vì vậy, sự trở về của chúng cũng có nghĩa là mùa mưa tới, mang lại mùa màng tốt tươi.

Hình thuyền được trang trí phủ kín phần tang trống với 6 hình thuyền chiến sắp xếp theo thứ tự mô tả một lễ hiến tế tù binh/tục săn đầu lâu, một tập tục thể hiện mối quan hệ giữa trống đồng và lễ tiết nông nghiệp, lễ thức cầu mưa, cầu được mùa, phồn thực. Ngoài những hình thuyền trang trí trên trống Ngọc Lũ, hình thuyền cũng là đề tài trang trí rất phổ biến trên đồ đồng văn hóa Đông Sơn như trên thạp đồng, rìu đồng... hay hình thức mai táng người chết trong quan tài hình thuyền (mộ thuyền) với quan niệm, chiếc thuyền sẽ chở linh hồn người chết về thế giới bên kia, đã cho thấy vai trò quan trọng của chiếc thuyền trong đời sống của cư dân Việt cổ. Hình ảnh những chiếc thuyền chiến trang trí trên trống đồng không chỉ thể hiện cuộc sống gắn với môi trường nước của cư dân Việt cổ, mà còn phản ánh kỹ thuật đóng thuyền của họ thời kỳ này đạt đến đỉnh cao và tài năng chiến đấu không chỉ trên bộ, mà cả thủy chiến, điều đó đã trở thành truyền thống quân sự của người Việt Nam.

Đặc biệt, môi trường núi (yếu tố dương), tiêu biểu là hoa văn hình mặt trời, chim và hươu/hươu sao. Trống đồng có nhiều chức năng và biểu tượng mặt trời trên trống cũng có các ý nghĩa khác nhau, tương ứng với chức năng của trống. Trong lễ cầu mưa, hình mặt trời trên trống đồng lại trở thành biểu tượng cho nắng nóng - khô hạn. Đánh vào hình mặt trời là một dạng ma thuật đánh đuổi nắng nóng - khô hạn hay cầu mưa đông - ẩm ướt.

Hình chim, đặc biệt là chim lạc, còn được xem là vật tổ, là Bà Tổ Chim, là Mẹ Tiên (mang yếu tố núi, dương) kết hợp với cha Rồng (mang yếu tố nước, âm) - cội nguồn sinh sôi của các tộc người Việt, các dân tộc Việt Nam. Biểu tượng hươu cũng mang nhiều ý nghĩa nhưng đều hàm chứa yếu tố núi: hươu là biểu trưng cho hạn hán, lửa thiêu; hươu là biểu tượng cho săn bắn (yếu

Tình chi tiết trang trí trên trống đồng Đông Sơn nói chung và trên trống Ngọc Lũ nói riêng đã cho thấy nét sinh động, tư duy phản ánh hiện thực về môi trường sống, cách ứng xử, cách nhìn nhận, sự tìm tòi, thích nghi với môi trường sống của người Việt cổ. Tiêu biểu là lối ứng xử với môi trường núi và môi trường nước (hình thành và thể hiện qua tư duy, lối sống khá rõ theo logic: Môi trường sinh sống → hình thành nền kinh tế → hình thành văn hóa (lối ứng xử).

tổ núi) để kết hợp với chim/cò là biểu tượng cho hái lượm (yếu tố nước), vì thế, băng hoa văn chỉ mô tả hình hươu và chim). Hơn nữa, những trang trí hình hươu đực và hươu cái xen kẽ nhau, chim mỏ dài xen kẽ chim mỏ ngắn, chim đậu xen kẽ chim bay trong băng hoa văn cũng mang ý nghĩa thể hiện sự đối ngẫu, hài hòa âm - dương để sinh sôi, phát triển. Đây cũng là những quan niệm phổ biến của những cư dân nông nghiệp vùng Đông Nam Á.

Từ môi trường núi - nước đó đã hình thành tư duy, tâm thức, tín ngưỡng, phong tục, tập quán: đua thuyền cầu mưa (thuyền rồng/rắn phun nước), phồn thực (đực - cái, âm - dương, lưỡng phân lưỡng hợp, trong âm có dương, trong dương có âm, âm - dương hài hòa sẽ sinh sôi phát triển...), đặc biệt là hình thành lối ứng xử, tư duy, quan niệm, vũ trụ quan, nhân sinh quan (3 tầng 4 thế giới) đều thể hiện quy luật của tự nhiên...

Nhận thức được vai trò của bảo tàng trong việc giáo dục góp phần nâng cao ý thức cho công chúng trong ứng xử với biến đổi khí hậu và phát triển văn hóa bền vững, những năm gần đây, Bảo tàng Lịch sử quốc gia đã có nhiều hoạt động, chương trình nghiên cứu, trưng bày, giáo dục giúp công chúng hiểu sâu sắc hơn những giá trị của trống đồng nói riêng và di sản

văn hóa nói chung, nhận thức rõ hơn về quy luật phát triển của lịch sử, tự nhiên, từ đó giúp công chúng tự nâng cao ý thức và thái độ, hành động ứng xử đối với biến đổi khí hậu và xây dựng, phát triển văn hóa bền vững. Tiêu biểu là các chương trình nghiên cứu, trưng bày về di sản văn hóa biển Việt Nam, các thương cảng cổ Việt Nam,... đặc biệt là chương trình giáo dục giúp công chúng được trải nghiệm, tương tác tìm hiểu về trống đồng và hoa văn trang trí trên trống đồng Ngọc Lũ với các hình thức, hoạt động đa dạng.

Với vai trò của một bảo tàng đầu hệ, trong các hoạt động nghiên cứu, sưu tầm thu thập tài liệu, hiện vật và những thông tin, câu chuyện, vấn đề quản lý, bảo quản, trưng bày, giáo dục, truyền thông... của Bảo tàng Lịch sử quốc gia cần tăng cường khai thác khía cạnh đời sống cư dân, trong đó nhấn mạnh những chi tiết về những hành động, ứng xử với môi trường sống/vai trò quan trọng của môi trường sống, khí hậu, tự nhiên tác động tới đời sống con người trong suốt chiều dài lịch sử. Đặc biệt, tăng cường giáo dục, truyền thông thông điệp về sự tác động của biến đổi khí hậu đối với đời sống con người hiện nay trên thế giới, đặc biệt là Việt Nam - một trong những quốc gia có vị trí địa lý ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề...■



Lợi ích kép từ việc sử dụng nước thải chăn nuôi tươi cho cây trồng

TS. NGUYỄN THẾ HÌNH

Ban Quản lý các dự án nông nghiệp, Bộ NN&PTNT

Nước thải chăn nuôi (NTCN) là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường ở nước ta. Việc xử lý NTCN nhằm đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT để xả xuống nguồn nước mặt đòi hỏi chi phí xử lý môi trường rất lớn cho các chủ trang trại. Nhìn từ góc độ khác, NTCN còn là nguồn tài nguyên hữu cơ có giá trị cho cây trồng. Do vậy, nếu xử lý NTCN làm nguồn nước tưới cho cây trồng sẽ đem lại lợi ích kép: vừa giúp giảm ô nhiễm môi trường, tăng thu nhập cho người dân thông qua giảm sử dụng phân bón vô cơ. Để có được lợi ích kép từ việc sử dụng NTCN cho mục đích trồng trọt, người dân cần có hành lang pháp lý và cơ chế hỗ trợ nhằm thúc đẩy áp dụng các công nghệ trong lĩnh vực này.

THỰC TRẠNG XỬ LÝ NTCN TẠI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Theo Báo cáo thống kê về chăn nuôi Việt Nam, nếu tính trung bình mỗi con lợn sử dụng khoảng 30 lít nước/ngày cho làm mát và vệ sinh chuồng trại thì hàng năm chỉ riêng chăn nuôi lợn đã thải ra khoảng 318 triệu m³ nước thải chăn nuôi. Hiện nay, hầu hết các trang trại chăn nuôi ở Việt Nam đang áp dụng công nghệ khí sinh học như là công nghệ chính để xử lý NTCN. NTCN được đưa xuống hầm biogas, nước thải sau biogas được đưa qua các hồ lắng, hồ sinh học để làm sạch trước khi xả xuống nguồn nước mặt. Kết quả nghiên cứu của Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp các bon thấp, việc áp dụng công nghệ khí sinh học hầu như không đem lại thu nhập bổ sung cho các chủ trang trại cũng như không giúp cho các chủ trang trại đáp ứng yêu cầu của QCVN 62 nên ở nhiều nơi, các chủ trang trại chỉ làm hầm biogas một cách hình thức gây tốn kém chi phí đầu tư mà không đem lại hiệu quả xử lý môi trường thực sự. Theo công bố của Công ty Cổ phần chuỗi thực phẩm TH, chi phí xử lý NTCN để đạt tiêu chuẩn QCVN 62 là khoảng 11.000 đồng/m³. Do vậy, nếu phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về môi trường theo QCVN 62 thì hàng năm sẽ tốn kém khoảng 3.500 tỷ đồng chỉ để xử lý môi trường chăn nuôi lợn.



▲ Xe bồn với hệ thống phun chất thải lỏng vào các rãnh bờ

Đây là một khoản chi phí khá lớn cho người sản xuất nếu chỉ để xử lý môi trường chăn nuôi mà không đem lại lợi ích kinh tế.

Mặt khác, ở nhiều nước trên thế giới như Đan Mạch, Hà Lan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ... chủ trang trại được khuyến khích sử dụng nguồn NTCN mục đích trồng trọt. Chất thải lỏng đậm đặc được vận chuyển ra đồng ruộng của Đan Mạch, Hà Lan bằng các xe chuyên dụng và được bơm vào đất nhằm mục đích làm phân bón hữu cơ. Nước xả sau biogas được khuyến khích sử dụng tưới cho cây trồng để giảm sử dụng

phân bón vô cơ tại các nước Trung Quốc, Ấn Độ,... Tuy nhiên, tại Việt Nam, việc sử dụng nước xả sau biogas để tưới cho cây trồng vẫn còn rất hạn chế và manh mún, tự phát do chưa có sự khuyến khích của các cơ quan chức năng và sự quan tâm thỏa đáng của các đơn vị nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp. Đặc biệt, việc ban hành QCVN 08-MT:2015/BTNMT quy định nước tưới tiêu, thủy lợi phải tuân thủ tiêu chuẩn B1 đã gây trở ngại rất lớn cho doanh nghiệp và người dân áp dụng các công nghệ nhằm sử dụng nguồn NTCN, nước xả sau biogas tưới cho cây trồng.



Hiện tại, ngành nông nghiệp của nước ta đang tồn tại một nghịch lý là nguồn NTCN giàu dinh dưỡng cho cây trồng đang phải xử lý rất tốn kém để xả xuống nguồn nước mặt, trong khi đó, người dân phải mua phân bón vô cơ với chi phí cao để bón cho cây trồng. Nguồn tài nguyên NTCN không được sử dụng để giúp thay thế cho hàng triệu tấn phân bón vô cơ nhập khẩu đang góp phần làm cho môi trường nông thôn ngày càng ô nhiễm hơn.

NTCN bao gồm một phần chất thải rắn, nước tiểu vật nuôi và nước rửa chuồng trại. Hàm lượng chất hữu cơ trong NTCN thường rất cao và trong NTCN thường có nhiều mầm bệnh và trứng giun sán có thể gây bệnh cho con người và vật nuôi. Ngoài ra, NTCN còn gây mùi hôi thối và là môi trường thuận lợi cho các loại ruồi muỗi phát triển. Do vậy, muốn sử dụng được NTCN, chúng ta phải xử lý nhằm diệt hết mầm bệnh trong nước thải và chuyển hóa chất hữu cơ thành khoáng chất giúp cho cây trồng có thể hấp thụ. Hiện nay, có 3 biện pháp chính để xử lý NTCN: xử lý yếm khí bằng công nghệ khí sinh học; xử lý hiếu khí bằng phương pháp thổi không khí vào nước thải; sử dụng các vi sinh vật có ích nhằm thúc đẩy quá trình khoáng hóa chất hữu cơ. Các biện pháp xử lý này đều có chi phí không cao nhưng đòi hỏi phải có thời gian để chất hữu cơ trong NTCN chuyển hóa thành khoáng chất giúp cây trồng có thể hấp thụ. Thực tế cho thấy, NTCN sau khi được xử lý qua hầm khí sinh học (biện pháp xử lý NTCN đang rất phổ biến ở nước ta) đều sạch hết mầm bệnh, trứng giun sán và có thể sử dụng tưới cho cây trồng. Tuy nhiên, đối với mỗi loại cây trồng khác nhau cần phải có nồng độ tưới, tần suất và khối lượng mỗi lần tưới phù hợp nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng. Nhiều tài liệu nghiên cứu trên thế giới đã đưa ra các khuyến cáo cụ thể về quy trình sử dụng nước thải sau biogas tưới cho các loại cây trồng khác nhau giúp tăng năng suất cây trồng và giảm sử dụng phân bón vô cơ.

Một số nghiên cứu về hàm lượng các chất dinh dưỡng của nước xả sau biogas cho thấy, hàm lượng chất dinh dưỡng khá cao, không thua kém nhiều phân bón hữu cơ. Cụ thể: nước xả sau biogas có hàm lượng chất khô dưới 1% ở Việt Nam có hàm lượng Ni tơ tổng số là 0,7 kg/m³, P₂O₅ là 0,24 kg/m³, K₂O là 1,22 kg/m³ (Cục Chăn nuôi - SNV, 2011). Việc sử dụng nước xả sau biogas tưới cho cây

trồng cũng đem lại hiệu quả tăng năng suất rõ rệt. Cụ thể: tưới 15 m³/ha/lúa cho chè tại Ấn Độ giúp tăng năng suất 11%, tăng thu nhập thêm 138 bảng Anh/ha/lúa do tiết kiệm phân bón vô cơ và năng suất tăng lên. Tuy mỗi vùng có tập quán canh tác khác nhau, nhưng ở Trung Quốc đã ban hành những khuyến cáo chính thức để áp dụng cho mọi miền đất nước khi dùng nước xả bể biogas cho cây trồng như sau: lúa nước tưới 22,5 - 37,5 m³/ha/vụ; lúa mì tưới 27 m³/ha/vụ; ngô tưới 27 m³/ha/vụ; rau cải tưới 30 - 45 m³/ha/vụ; cà chua tưới 48 m³/ha/vụ; dưa chuột tưới 33 m³/ha/vụ; bông tưới 15 - 45 m³/ha/vụ; táo tưới 30 - 60 m³/ha/vụ.

Về cách thức sử dụng, tại các nước phát triển như Đan Mạch, do chăn nuôi sử dụng rất ít nước nên người ta thường sử dụng xe bồn để vận chuyển chất thải lỏng và có hệ thống bơm mạnh để đẩy chất thải lỏng đậm đặc vào đất làm cho các chất dinh dưỡng được thấm sâu vào đất, hạn chế bị rửa trôi và giảm ô nhiễm mùi hôi khó chịu. Ngoài ra, có thể tưới trực tiếp bã thải hoặc nước thải lên bề mặt đồng cỏ và để ít nhất sau 20 ngày mới cho gia súc sử dụng đồng cỏ này. Ở một số nước châu Âu, các trang trại chăn nuôi còn có hình thức bán chất thải lỏng cho các trang trại trồng trọt giúp làm tăng thu nhập cho người chăn nuôi. Ở một số nước đang phát triển và Việt Nam, chăn nuôi thường sử dụng rất nhiều nước nên chất thải lỏng thường được thu gom qua hệ thống ống dẫn, cống rãnh và các bể chứa để tưới cho các diện tích trồng trọt lân cận trang trại.

Việc xử lý NTCN làm nguồn nước giàu dinh dưỡng tưới cho cây trồng sẽ đem lại lợi ích kép: vừa giúp giảm chi phí xử lý NTCN rất tốn kém để đạt QCVN 62 cho các chủ trang trại chăn nuôi, giúp giảm chi phí mua phân bón vô cơ và thủy lợi phí cho các chủ trang trại trồng trọt. Tuy nhiên, một số quy định và chính sách hiện hành vẫn chưa thực sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân áp dụng các công nghệ xử lý NTCN cho mục đích trồng trọt.

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY SỬ DỤNG NTCN

Cần xem xét lại quy định về nước tưới tiêu, thủy lợi phải tuân thủ tiêu chuẩn B1 của QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Nên ban hành các quy định hợp lý nhằm cho phép người dân có thể xử lý NTCN làm nguồn nước tưới hoặc phân bón lỏng phục vụ cho mục đích trồng trọt.

Hỗ trợ nghiên cứu các giải pháp chăn nuôi tiết kiệm nước để có thể sử dụng hệ thống xe chuyên dụng vận chuyển chất thải lỏng đậm đặc đến các trang trại trồng trọt cách xa trang trại chăn nuôi.

Nghiên cứu về các quy trình công nghệ xử lý NTCN thành phân bón lỏng hoặc nguồn nước tưới phù hợp cho từng loại cây trồng khác nhau, nhằm phổ biến rộng rãi cho các chủ trang trại trồng trọt sát cạnh các trang trại chăn nuôi áp dụng.

Có chính sách khuyến khích các trang trại chăn nuôi liên kết với các trang trại trồng trọt nhằm sử dụng hết nguồn NTCN làm nguồn nước tưới, phân bón lỏng cho cây trồng■



Bảo tồn nguồn gen động vật quý hiếm dựa trên công nghệ tế bào gốc

PHẠM PHƯƠNG LAN

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Công nghệ tế bào gốc (TBG) là một trong những lĩnh vực công nghệ sinh học sôi động nhất hiện nay. Tuy ra đời muộn (1998) nhưng lĩnh vực này lại phát triển nhanh, với các kỹ thuật hiện đại, phức tạp; sớm trở thành một ngành công nghiệp có nhiều ứng dụng thiết thực trong các lĩnh vực như y học tái tạo, sinh dược phẩm, thẩm mỹ, thực phẩm, chăn nuôi và bảo tồn.

Việc ứng dụng công nghệ TBG vào nông nghiệp không những nâng cao chất lượng và năng suất cây trồng vật nuôi, đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho con người; mà còn có thể tạo nên được phẩm phục vụ cho y tế, bảo tồn nguồn gen động vật quý hiếm, tạo mô hình thử nghiệm thuốc và liệu pháp TBG trước khi ứng dụng trên người và phát triển vắc xin phòng bệnh... Vì vậy, việc ứng dụng công nghệ TBG để bảo tồn hiệu quả và hợp lý các nguồn tài nguyên di truyền động vật là rất cần thiết.

BẢO TỒN NGUỒN GEN TRƯỚC NGUY CƠ TUYỆT CHỦNG

Việt Nam được ghi nhận là một trong những nước có tính đa dạng sinh học (ĐDSH) cao của thế giới, với nhiều kiểu hệ sinh thái, các loài sinh vật và nguồn gen phong phú, đặc hữu. Đến nay, Việt Nam đã xác định được khoảng 49.200 loài sinh vật, bao gồm 7.500 loài/chủng vi sinh vật; 20.000 loài thực vật trên cạn và dưới nước; 10.500 loài động vật trên cạn; 2.000 loài động vật không xương sống và cá nước ngọt; có trên 11.000 loài sinh vật biển. Do đó, Việt Nam là một trong 10 trung tâm ĐDSH phong phú nhất thế giới, được xếp hạng thứ 16 trên thế giới về sự đa dạng tài nguyên sinh vật/tài nguyên di truyền.

Tuy nhiên, cùng với sự gia tăng dân số và mở rộng các hoạt động của khu công nghiệp đã làm cho nguy cơ ô nhiễm môi trường tăng cao, bên cạnh đó ĐDSH và tài nguyên động vật cũng bị đe dọa nghiêm trọng. Trong ngành chăn nuôi, việc khai thác giống thường chỉ tập trung vào một số giống có năng suất cao, hoặc giống lai, đã làm giảm hầu hết các giống vật



▲ Phòng Thí nghiệm Tái lập chương trình tế bào, Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh đã và đang nghiên cứu các đề tài liên quan đến bảo tồn nguồn gen động vật quý hiếm

nuôi địa phương. Việc thiếu chiến lược bảo quản nguồn gen của địa phương và du nhập giống năng suất cao đã được lai tạp, dẫn đến nguồn tài nguyên di truyền ngày càng bị thu hẹp, nhiều giống bản địa đã và đang biến mất và đe dọa tuyệt chủng.

Hiện nay, nguồn gen động vật nuôi bản địa và động vật quý hiếm của nước ta chủ yếu được bảo tồn tại chỗ (in-situ) hoặc bảo tồn chuyển vị (ex-situ). Tuy nhiên, đời sống động vật được bảo tồn cũng có giới hạn và dễ mất đi sau một vài chục năm. Bên cạnh đó, việc bảo quản tinh trùng, phôi cũng đã được quan tâm, nhưng ít được áp dụng do phải áp dụng kỹ thuật công nghệ sinh học sinh sản hiện đại như thụ tinh ống nghiệm, thụ tinh kính hiển vi, phát triển phôi và chuyển cấy phôi.

Do vậy, việc ứng dụng công nghệ TBG để bảo tồn hiệu quả và hợp lý các nguồn tài nguyên di truyền động vật

là yêu cầu cần thiết. TBG là tế bào có khả năng phân chia vô hạn, có thể bảo tồn vĩnh viễn, nếu được ứng dụng vào nông nghiệp trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển nguồn gen quý hiếm. Hiện nay, có 4 phương pháp để bảo tồn nguồn gen động vật bản địa và động vật quý hiếm dựa trên công nghệ TBG, đó là: Thông qua kỹ thuật TBG và tái biệt hóa tế bào sinh dưỡng; thông qua TBG sinh dục đực, cấy ghép TBG tinh nguyên bào vào tinh hoàn của động vật chủ; thông qua TBG buồng trứng; tạo động vật khảm (tức động vật được tạo ra bằng cách tiêm trực tiếp TBG của động vật mang gen quý hiếm vào phôi nang của giống lai).

CẦN MỘT TRUNG TÂM BẢO TỒN QUỐC GIA Ở MỨC ĐỘ TẾ BÀO

Việc ứng dụng công nghệ TBG cũng như các công nghệ sinh học sinh sản hiện đại để lưu giữ lâu dài và bền vững



các nguồn gen quý hiếm của động vật bản địa, phát triển giống mới là quan điểm đúng đắn cho ngành nông nghiệp công nghệ cao. Vì vậy, bên cạnh bảo tồn tại chỗ, bảo tồn chuyển vị đối với từng cá thể, bảo tồn tinh trùng và phôi trong phòng thí nghiệm, ứng dụng công nghệ TBG (bảo tồn ở dạng tế bào) và thành lập một trung tâm bảo tồn nguồn gen động vật quý hiếm quốc gia ở mức độ tế bào là một trong những hướng đi cần được quan tâm, nếu không muốn nguồn gen bị cạn kiệt và mất đi trong tương lai.

Để có thể ứng dụng công nghệ TBG vào nông nghiệp, cần nắm vững và thực hiện thành thạo 4 công nghệ sinh học của thế kỷ XXI, bao gồm: Phân lập, nuôi cấy, phát triển và biệt hóa TBG; tái lập chương trình tế bào sinh dưỡng thành TBG; chuyển cấy gen tế bào động vật; sinh học sinh sản hiện đại. Việc kết hợp 4 công nghệ trên sẽ cho ra những sản phẩm quý cho nông nghiệp và y sinh học trị liệu.

Hiện nay, Phòng thí nghiệm Tái lập chương trình tế bào, Khoa Công nghệ sinh học, Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh đã được thiết lập với các trang thiết bị hiện đại, có khả năng thực hiện và kết hợp 4 công nghệ nêu trên cho các nghiên cứu tái tạo những động vật quý hiếm đang bị tuyệt chủng, cũng như tạo ra giống gia súc mới cho ngành nông nghiệp Việt Nam. Trên thực tế, trong thời gian qua, nhóm

nghiên cứu đang thực hiện một số đề tài, trong đó có Đề tài cấp quốc gia nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học sinh sản tạo bò thịt nhân bản có chất lượng (bò Kobe) và đã hoàn thành bước tạo được phôi. Một đề tài khác là bảo tồn nguồn gen bò tót dựa trên công nghệ nhân bản vô tính. Từ tế bào của con bò tót đực chết ở Bình Thuận, nhóm nghiên cứu đã tạo ra được phôi để bảo quản và chuẩn bị cho sinh sản vô tính. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng đang thiết lập TBG từ buồng trứng bò trong một đề tài do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (Nafosted) tài trợ.

Có thể nói, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ TBG để bảo tồn hiệu quả, hợp lý các nguồn tài nguyên di truyền động vật là một lĩnh vực mới và rất cần tới sự quan tâm của xã hội. Mặt khác, việc bảo tồn, lưu giữ nguồn gen động, thực vật nông nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong đời sống của con người, cũng như sự phát triển bền vững của đất nước. Vì vậy, cần đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ TBG thông qua các hoạt động nghiên cứu, hợp tác về TBG trong và ngoài nước; tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu về khoa học TBG; xây dựng các hướng dẫn, điều lệ về nghiên cứu và ứng dụng TBG; đồng thời xây dựng chiến lược về TBG cho Việt Nam. Đây là cơ sở và tiền đề cần thiết về tài nguyên sinh học cho sự phát triển bền vững nền nông nghiệp hiện tại, cũng như trong tương lai■

Khắc phục tình trạng ô nhiễm nước hệ thống thủy lợi sông Bắc Hưng Hải

PGS. TS. NGUYỄN TRUNG DŨNG

Đại học Thủy lợi

Hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải (sông Bắc Hưng Hải) được xây dựng từ năm 1958, có tổng chiều dài hệ thống sông chính khoảng 232 km và hơn 2.000 km kênh nhánh, chủ yếu cung cấp nước tưới cho 135.000 ha và tiêu úng cho 185.000 ha đất canh tác thuộc các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh và một phần của Hà Nội. Do phải tiếp nhận nhiều nguồn nước thải chưa qua xử lý, hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải đang bị ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân.

Ô NHIỄM LAN RỘNG TOÀN HỆ THỐNG

Tình trạng xả thải gây ô nhiễm tại kênh trục chính của hệ thống sông Bắc Hưng Hải (kênh cấp 2) thuộc địa bàn Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương đã xuất hiện từ nhiều năm nay. Những nguồn gây ô nhiễm chủ yếu là nước thải của khu công nghiệp Sài Đồng A, Sài Đồng B, cụm công nghiệp Đức Giang, khu đô thị, dịch vụ, làng nghề, dân sinh dọc lưu vực sông Cầu Bấy chạy qua quận Long Biên và huyện Gia Lâm (Hà Nội), các doanh nghiệp trên địa bàn. Theo kết quả kiểm tra hệ thống thủy lợi sông Bắc Hưng Hải của Tổng cục Thủy lợi (Bộ NN&PTNT) năm 2017 cho thấy, tại các cống đầu kênh cấp 2, nước đen kịt, bốc mùi



▲ Các nguồn nước thải đổ ra sông Bắc Hưng Hải gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng



▲ Đoàn Khảo sát của Tổng cục Thủy lợi kiểm tra, lấy mẫu nước tại cống Xuân Thụy, cửa xả nước sông Cầu Báy vào sông Bắc Hưng Hải

hôi thối và rác dồn ứ. Trong đó, ô nhiễm nghiêm trọng nhất là tại cống Xuân Thụy, thuộc xã Kiêu Kỵ (huyện Gia Lâm, Hà Nội) là điểm "đón nước thải" của khoảng 50 cơ sở trên địa bàn. Tại kênh Đình Dù, người dân địa phương đã phản ánh nhiều lần với chính quyền địa phương về tình trạng ô nhiễm tại các cuộc tiếp xúc cử tri, nhưng đến nay vẫn chưa được cải thiện.

Còn tại Hải Dương, trước đợt lấy nước đổ ải phục vụ sản xuất lúa Đông Xuân 2017-2018, cán bộ Công ty TNHH Bắc Hưng Hải đã kiểm tra thực tế tình hình chất lượng nước kênh T2 đoạn chảy vào kênh Kim Sơn. Kết quả cho thấy, tại vị trí hạ lưu cầu Cát, nước ô nhiễm, bốc mùi hôi thối, ảnh hưởng đến việc lấy nước đổ ải, tưới, nuôi thủy sản và đời sống người dân khu vực này. Để đảm bảo chất lượng nước đổ ải cho sản xuất vụ Đông Xuân 2017-2018, Công ty TNHH Bắc Hưng Hải đã có văn bản đề nghị TP. Hải Dương chỉ đạo Công ty CP Quản lý công trình

đô thị Hải Dương hạn chế tối đa việc mở xả tiêu nước trong kênh T2 ra kênh Kim Sơn hoặc có phương án tiêu khác trong thời gian 3 đợt lấy nước đổ ải. Đồng thời, đề nghị có phương án xử lý nước ô nhiễm trong kênh T2 trước khi xả, bơm ra kênh Kim Sơn.

CẦN TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ CÁC GIẢI PHÁP

Ô nhiễm nước trong hệ thống thủy lợi ở các vùng ven đô nói chung và trong hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải nói riêng đang ngày càng gia tăng và là thách thức lớn đối với ngành nông nghiệp. Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường hệ thống sông Bắc Hưng Hải, tỉnh Hưng Yên cần cải tạo, nâng cấp toàn hệ thống sông Bắc Hưng Hải nhằm tăng cường khả năng lưu thông dòng chảy, đẩy mạnh quá trình tự làm sạch của môi trường; bảo

đảm ngoài chức năng tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp của sông hiện nay có thêm chức năng tiêu thoát nước thải cho công nghiệp, dân sinh. Bên cạnh đó, tỉnh cần xây dựng mạng lưới quan trắc tự động đánh giá chất lượng nước tưới trên hệ thống sông Bắc Hưng Hải gửi kết quả cho các tỉnh, TP nằm trên hệ thống sông; Kiểm tra, đánh giá và xác định nguyên nhân ô nhiễm chính xả vào hệ thống sông Bắc Hưng Hải. Chính quyền các xã, thôn cần tiến hành vận động người dân không xả rác xuống kênh. Đặc biệt, các xã có hoạt động sản xuất liên quan đến việc sử dụng hoặc xả thải vào kênh thủy lợi phải tuân thủ kỹ thuật để giảm thiểu tác động gây ô nhiễm nguồn nước. Đồng thời, ngăn chặn việc vi phạm lưu không hành lang của công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải như: Đào ao thả cá, đào đất, làm nhà, bến bãi vật liệu, đặc biệt là việc hút cát lòng kênh gây sạt lở bờ kênh...

Ngoài ra, TP. Hà Nội sớm đầu tư, xây dựng đưa vào vận hành 3 công trình xử lý nước thải đô thị trên địa bàn quận Long Biên; Sở TN&MT và NN&PTNT đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường trong việc xả nước thải của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quận Long Biên và huyện Gia Lâm; tăng cường phối hợp với Sở TN&MT các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên để cung cấp thông tin phục vụ cho việc sử dụng nước thuộc hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải đảm bảo an toàn...■



Nan giải trong xử lý ô nhiễm môi trường từ thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu tại Bắc Cạn

Vấn đề ô nhiễm môi trường (ÔNMT) do thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) tồn lưu là thách thức lớn cho nhiều địa phương, trong đó có tỉnh Bắc Cạn. Để xử lý ô nhiễm tại những điểm tồn lưu thuốc BVTV đòi hỏi kinh phí lớn, yêu cầu kỹ thuật xử lý phức tạp, trong khi ngân sách địa phương hạn hẹp, năng lực còn hạn chế. Đây là một bài toán nan giải đối với một tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn như tỉnh Bắc Cạn.



▲ Khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu thuốc BVTV tại Bản Vén, xã Đôn Phong (huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn)

Theo Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 4/8/2014 của UBND tỉnh Bắc Cạn phê duyệt Danh mục các điểm ÔNMT đặc biệt nghiêm trọng do tồn lưu thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh, toàn tỉnh có 3 điểm ÔNMT gồm: Kho thuốc BVTV tại khu 2, xã Vân Tùng (huyện Ngân Sơn); Chi nhánh Vật tư nông nghiệp Chợ Mới (huyện Chợ Mới) và tại Bản Vén, xã Đôn Phong (huyện Bạch Thông). Trong đó, điểm ô nhiễm tại Bản Vén ở mức đặc biệt nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân trong khu vực.

Bản Vén cách TP. Bắc Cạn khoảng 10 km, có gần 40 hộ dân với hơn 150 nhân khẩu. Điểm ô nhiễm tồn lưu ở Bản Vén thuộc khu vực nền nhà của gia đình ông Hà Văn Quyền. Theo ông Quyền, vào những năm 1960, bà Nông Thị Thơ (mẹ vợ ông Quyền), là Đội trưởng Đội sản xuất của Hợp tác xã (HTX) Đôn Phong, thường đem thuốc trừ sâu về nhà, cất trữ trước khi phát cho các xã viên đưa đi phục vụ sản xuất. Thuốc trừ sâu để lâu ngày dưới sàn nhà, dùng không hết nên bà Thơ đào hố chôn dưới sàn nhà, số khác do bao bì bị hở, rò rỉ ngấm xuống đất.

Qua nhiều năm sinh sống tại khu vực này, gia đình ông Quyền đã

có đến 5 người bị mắc bệnh ung thư, giếng nước sinh hoạt dù đào đến lần thứ 3 tại những vị trí khác nhau trong khuôn viên nhà vẫn thấy có mùi khó chịu. Lúc đầu, ông Quyền không biết có thuốc BVTV tồn lưu ở nền nhà cũ, năm 1997, khi cuộc đất trồng cây, cuốc sâu khoảng 30 cm thì phát hiện có một lớp bột trắng nặng mùi thuốc sâu. Do thiếu đất canh tác, ông Quyền đã trồng ngô lên vị trí đất trên, tuy nhiên, khi ra hoa ngô lại dần rồi chết, không thể thu hoạch. Vịt nuôi thả ở ao gần đó cũng bị chết. Không chỉ gia đình ông Quyền, nhiều hộ dân trong thôn đào giếng khoan để sử dụng nhưng phần lớn nước có mùi khó chịu, đun lên có cặn, váng không dùng được. Theo kết quả phân tích của Công ty CP Kỹ thuật và Phân tích môi trường (Hà Nội), mẫu đất tại nhà ông Quyền có hàm lượng DDT là 2,6 mg/kg đất khô; Lindane 2,3 mg/

kg đất khô; Vofatox 1,9 mg/kg đất khô, cao hơn nhiều lần so với tiêu chuẩn cho phép. Tuy nhiên, đối với mẫu nước giếng khoan tại thôn thì chưa được đưa đi xét nghiệm.

Trước tình trạng ÔNMT do thuốc BVTV tồn lưu tại Bản Vén đang ở mức báo động, UBND tỉnh Bắc Cạn đã giao Sở TN&MT triển khai thực hiện Dự án khắc phục ÔNMT do tồn lưu thuốc BVTV tại Bản Vén, với nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường do Trung ương hỗ trợ. Dự án có tổng mức đầu tư hơn 34 tỷ đồng, trong đó, chi phí xây dựng 26 tỷ đồng. Dự án sẽ tiến hành xử lý đất bị ô nhiễm bằng phương pháp đốt và phương pháp hóa học. Khu vực này có 289 m² bị ô nhiễm nặng; 564 m² bị ô nhiễm trung bình; 676 m² ô nhiễm nhẹ và vùng đệm 1.721 m². Toàn bộ phần diện tích xử lý được đào lên sâu hơn 2 m, chỗ sâu nhất là 2,7 m để làm tơi đất, sau đó,



trộn với bột sắt, ô xy già, vôi, phân vi sinh, ủ từ 3 - 5 ngày rồi trả về vị trí cũ. Vị trí đất đào được lót bạt HDPE chống thấm. Phần đất bị ô nhiễm nặng nhất khoảng 20 m³ được vận chuyển về đốt tại Nhà máy xử lý của Công ty CP tập đoàn Thành Công ở Kinh Môn (Hải Dương). Dự án bắt đầu thi công từ tháng 9/2017 và sẽ hoàn thành trong thời gian tới. Hiện nay, nhân dân thôn Bản Vén mong muốn cơ quan chức năng lấy mẫu đất ở vị trí xa hơn so với điểm đang xử lý và lấy nước giếng của một số hộ dân đưa đi xét nghiệm để xác định mức độ ô nhiễm, từ đó có cơ sở xử lý những bước tiếp theo.

Còn lại 2 điểm tồn lưu thuốc BVTV ở các huyện Chợ Mới và Ngân Sơn, Sở TN&MT sẽ tham mưu báo cáo UBND tỉnh xem xét để bố trí kinh phí, xây dựng kế hoạch xử lý. Tuy nhiên, kinh phí để xử lý ÔNMT những điểm tồn lưu thuốc BVTV tương đối lớn, trong khi Bắc Cạn là một tỉnh còn nhiều khó khăn, thu nhập và đời sống người dân còn hạn chế nên việc xử lý 2 điểm ô nhiễm trên vẫn là vấn đề nan giải. Vì thế, bên cạnh việc kiến nghị với Chính phủ, Bộ TN&MT để tiếp tục hỗ trợ kinh phí giúp xử lý 2 điểm tồn lưu thuốc BVTV còn lại trên địa bàn tỉnh, địa phương cần chủ động bố trí kinh phí, huy động nguồn lực xã hội hóa để cùng giải quyết vấn đề này. Song song với đó, tỉnh cần tăng cường công tác tuyên truyền cho người dân về BVMT, tác hại của thuốc BVTV, góp phần bảo vệ sức khỏe con người■

VƯƠNG ANH DŨNG

Sử dụng bếp xanh giúp giảm ô nhiễm môi trường

NGUYỄN THỊ PHUƠNG

Bộ TN&MT



▲ Bếp than tổ ong là một trong những nguồn gây ô nhiễm không khí ở Hà Nội

Sử dụng bếp than tổ ong trên địa bàn TP. Hà Nội đang gây ra lượng khí phát thải hàng ngày lớn, ảnh hưởng đến môi trường không khí, góp phần vào quá trình biến đổi khí hậu. Để giảm số lượng bếp than tổ ong trên địa bàn, Sở TN&MT Hà Nội đã đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng về hiện trạng, tác hại của bếp than tổ ong, cũng như vận động người dân chuyển sang sử dụng các loại bếp xanh thân thiện với môi trường.

THÍ ĐIỂM SỬ DỤNG BẾP XANH

Kết quả khảo sát hiện trạng sử dụng bếp than tổ ong năm 2017 của Sở TN&MT Hà Nội tại 23/30 quận, huyện trên địa bàn TP cho thấy, có khoảng 55.000 bếp được sử dụng. Tỷ lệ bếp than tổ ong tại các quận nội thành chiếm 63% do tập trung nhiều cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, bán hàng trên vỉa hè...; các huyện ngoại thành chỉ chiếm 37%. Các quận Ba Đình, Đống Đa, Long Biên sử dụng nhiều bếp than tổ ong nhất.

Trung bình một ngày Hà Nội tiêu thụ khoảng 528,2 tấn than, phát thải 1.870 tấn khí CO₂ tương đương vào không khí. Từ kết quả khảo sát trên, Sở TN&MT Hà Nội đã chọn quận Ba Đình, Hoàn Kiếm làm thí điểm mô hình chuyển đổi sang sử dụng công nghệ bếp xanh. Ngoài ra, TP sẽ có chủ trương chuyển đổi nghề nghiệp cho các hộ bán than tổ ong theo lộ trình và xóa bỏ các cơ sở này. Hiện Sở đang phối hợp với UBND quận Ba Đình triển khai mô hình thí điểm "Sử dụng bếp cải tiến thay thế bếp than tổ ong" trên địa bàn phường Trúc Bạch. Tham gia chương trình, người dân phường Trúc Bạch sẽ được thử nghiệm và sử dụng các bếp cải tiến đã được kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế, với mức giá ưu đãi. Bếp xanh khuyến khích áp dụng là loại bếp cải tiến, tiết kiệm nhiên liệu, an toàn, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế như bếp công nghệ, bếp tre xanh... Đây là bếp đun đa năng không cần quạt, dùng viên nén có quạt thổi với chất liệu inox sạch, độ bền cao. Loại bếp



cải tiến này được Tổ chức Phát triển Hà Lan kiểm định chặt chẽ và phải đạt được các tiêu chí như mức tiết kiệm trên 40% so với bếp kiếng truyền thống hoặc trên 30% so với lò trấu, độ an toàn tốt, hiệu suất nhiệt, phát thải khí CO, bụi đạt thang 2 theo tiêu chuẩn quốc tế (vì hiện Việt Nam chưa có tiêu chuẩn dành cho bếp đun). Các hộ dân trên địa bàn phường Trúc Bạch sẽ được dùng thử các loại bếp cải tiến miễn phí trong vòng 1 tháng và mỗi hộ dân được phát miễn phí 5 kg nhiên liệu. Cùng với đó, các hộ dân trên địa bàn phường được ưu đãi từ 30 - 50% kinh phí khi mua bếp cải tiến. Kết quả triển khai mô hình thí điểm này sẽ là căn cứ để tổ chức nhân rộng các giải pháp thay thế bếp than tổ ong trên địa bàn toàn TP.

XÂY DỰNG CƠ CHẾ HỖ TRỢ CÁC NHÀ SẢN XUẤT BẾP XANH

Theo lộ trình thay thế công nghệ đốt đến hết năm 2020, Hà Nội sẽ giảm và tiến tới xóa bỏ hoàn toàn các cơ sở sử dụng bếp than tổ ong trên địa bàn TP. Với mục tiêu đến năm 2018 sẽ xóa bỏ 70% số lượng bếp than tổ ong trên địa bàn TP, năm 2019 sẽ thay thế 100% số lượng bếp than tổ ong, năm 2020 duy trì kết quả thay thế 100% bếp than tổ ong. Để thực hiện mục tiêu trên, trong thời gian tới, TP. Hà Nội sẽ xây dựng cơ chế hỗ trợ tài chính cho các nhà sản xuất bếp xanh nhằm thúc đẩy thị trường bếp đun sạch. Với người bán bếp và than tổ ong, sẽ được cung cấp thông tin, kỹ thuật nhằm vận động, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, có thể chuyển sang sản xuất hoặc bán bếp cải tiến và nhiên liệu đốt thân thiện môi trường. TP cũng xây dựng cơ chế ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư, nghiên cứu và đưa ra thị trường các sản phẩm thay thế bếp

than tổ ong/chất đốt phù hợp; Có cơ chế hỗ trợ giảm thiểu, xóa bỏ sử dụng bếp than tổ ong đối với hộ kinh doanh ăn uống, dịch vụ tại các khu đông dân cư như chợ, bếp ăn tập thể, bệnh viện, trường học...

Ngoài ra, TP. Hà Nội sẽ hỗ trợ chi phí đổi bếp than tổ ong lấy bếp cải tiến theo lộ trình thực hiện. Năm 2018, hỗ trợ 30 - 50% giá 1 bếp cải tiến cho các hộ kinh doanh và gia đình trên địa bàn TP, hỗ trợ 200 nghìn đồng/hộ không sản xuất, kinh doanh về nhiên liệu đốt cho tháng đầu tiên sử dụng bếp cải tiến. Năm 2019 sẽ hỗ trợ 10-20% giá bếp cải tiến cho các hộ kinh doanh và gia đình, 80 nghìn đồng/hộ không sản xuất, kinh doanh về nhiên liệu đốt cho tháng đầu tiên sử dụng bếp cải tiến. Năm 2020, các gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh chủ động 100% kinh phí mua bếp cải tiến, nhiên liệu đốt.

Đồng thời, các phường, xã trên địa bàn TP chủ động xây dựng quy định đặc thù/tạm thời về việc không sử dụng bếp than tổ ong trên địa bàn, phù hợp với phong tục văn hóa, tình hình phát triển kinh tế - xã hội và quy định chung tại địa phương; lồng ghép vào tiêu chí đánh giá vệ sinh an toàn thực phẩm của địa phương; xây dựng các tiêu chí thi đua khen thưởng, thang điểm đánh giá xếp hạng giữa các phường/xã. Cùng với đó, tích cực trồng cây xanh, duy trì hệ thống vườn hoa, công viên, thảm cỏ, hồ nước; tăng cường chỉnh trang đô thị, đổi mới các giải pháp thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải; tuyên truyền, vận động nhân dân đẩy mạnh phong trào tổng vệ sinh hàng tuần tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học, khu tập thể, tổ dân phố, khu dân cư; giải quyết triệt để những vấn đề bức xúc về môi trường trên địa bàn TP...■

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam (VRG) quản lý khoảng trên 400.000 ha, diện tích trong nước khoảng 290.000 ha, nước ngoài khoảng 110.000 ha. Ngoài ra, VRG đang quản lý 65 dự án của các đơn vị cao su trực thuộc (trong nước là 44 đơn vị và nước ngoài là 19 đơn vị và 2 dự án). Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, cải thiện đời sống người lao động, tiết giảm chi phí đầu tư tại doanh nghiệp và nâng cao độ phủ xanh, từ năm 2014, VRG đã triển khai trồng xen loại cây ngắn ngày, dài ngày trong các lô cao su. Đồng thời, việc trồng xen các loại cây cũng nhằm theo hướng phát triển bền vững (PTBV) và VRG đang tích cực thực hiện cấp chứng chỉ FSC cho toàn bộ diện tích cao su mà VRG đang quản lý theo hướng PTBV.

Với việc nâng cao chất lượng rừng trồng, gắn và lồng ghép với việc thực hiện mục tiêu quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ và phát triển rừng, tăng trưởng xanh, VRG đang hướng tới PTBV trong nông nghiệp cao su thông qua định hướng đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp trên vườn cao su ở các khu vực VRG đang quản lý.

Chủ trương của VRG là hướng đến PTBV, triển khai các hoạt động có trách nhiệm xã hội, tích cực đầu tư an sinh xã hội, thực hiện những bước đi đáng tin cậy trong chính sách mới một cách minh bạch đối với các bên có liên quan, tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác. VRG luôn hướng tới PTBV, tạo mối liên kết chặt chẽ với cộng đồng địa phương và quan tâm đầu tư an sinh xã hội tại vùng của dự án. Hiện nay, ARG tiếp tục triển khai chính sách đầu tư an sinh xã hội cho vùng dự án để người dân gắn bó lâu dài với các công ty trồng cao su.

C.VIÊN



Vancouver - Thành phố tiên phong hướng đến phát triển bền vững

Nằm ở phía Bắc vùng British Columbia, miền Tây Canada, là TP lớn thứ ba và là hải cảng quan trọng nhất của Canada. Với hơn 130 năm lịch sử, Vancouver có một nền văn hóa đa sắc tộc, một nền kinh tế phát triển và là cửa ngõ thông thương quan trọng tại vùng duyên hải bờ Tây Canada. Đây cũng là TP lý tưởng nhất để sống trên thế giới theo đánh giá của Tạp chí The Economist (Anh) dựa trên các tiêu chí như cơ sở hạ tầng, hàng hóa, dịch vụ, mức độ an toàn...

NỖ LỰC TRỞ THÀNH “TP XANH NHẤT THẾ GIỚI”

Vancouver nổi tiếng là trung tâm đô thị được thiên nhiên bao quanh, nơi có khí hậu ôn hòa. Nhờ có địa hình phong phú, một mặt giáp biển Thái Bình Dương với cảng nước sâu, một mặt tựa mình vào dãy núi Grouse hùng vĩ, tạo nên những thắng cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp, Vancouver liên tục được vinh danh là một trong năm TP toàn cầu hàng đầu về chất lượng sống. Trong khi nhiều đô thị lớn trên thế giới đang tiếp tục mở rộng các con đường và gia tăng lượng xe cộ, Vancouver vẫn kiên trì theo đuổi cuộc sống đô thị bền vững. Trong đó, phải kể đến sự thay đổi trên đảo Granville,

một bán đảo thân thiện dành cho người đi bộ, nơi có các chợ cộng đồng và nhiều hoạt động nghệ thuật lớn. Đặc biệt, gần đây Vancouver đã thông qua Kế hoạch hành động TP Xanh: Kế hoạch hành động năm 2020, nhằm xây dựng một cuộc sống lành mạnh, thịnh vượng và bền vững cho thế hệ tương lai.

Kế hoạch đưa ra 10 mục tiêu nhằm đảm bảo danh tiếng quốc tế của Vancouver như: Điểm đến hấp dẫn cho các hoạt động Kinh tế xanh; Kiểm soát môi trường, khí hậu - Xóa bỏ sự lệ thuộc vào các nhiên liệu hóa thạch; Dẫn đầu thế giới về thiết kế, xây dựng công trình xanh (CTX); Khuyến khích người dân đi bộ, xe đạp và sử dụng các phương tiện giao thông công cộng; Giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm đất từ chất thải rắn xuống 50% so với năm 2008; Tăng cường khả năng tiếp cận thuận tiện

tới các không gian xanh cho dân cư; Đạt được các mục tiêu về dấu chân sinh thái của toàn cầu; Trở thành một trong những quốc gia có nước uống sạch nhất; Không khí trong lành nhất thế giới; Đi đầu về hệ thống cung cấp lương thực sạch tại đô thị.

NHIỀU SÁNG KIẾN, HÀNH ĐỘNG XANH

So với các TP khác có cùng quy mô, Vancouver được đánh giá cao trong việc kiểm soát lượng khí thải CO₂ và duy trì chất lượng không khí, một phần nhờ sự quan tâm của chính quyền TP trong việc thúc đẩy năng lượng xanh và ưu tiên phát triển thủy điện. Năm 2008, Vancouver có lượng phát thải CO₂ là 4,6 tấn/người - mức thấp nhất ở Bắc Mỹ, thấp thứ ba so với các TP phát triển trên toàn thế giới. Hiện cộng đồng và chính quyền TP đang nỗ lực thực hiện nhiều sáng kiến bền vững để đến năm 2020, giảm phát thải khoảng 33% khí nhà kính, đưa Vancouver trở thành “TP Xanh nhất thế giới”.

Để hướng đến nền Kinh tế xanh, Vancouver có kế hoạch phát triển việc làm xanh và thành lập Vùng doanh nghiệp Xanh - Khu vực có mật độ cao của các ngành công nghiệp xanh, đặt mục tiêu đến năm 2020, tăng gấp đôi số lượng việc làm xanh và số công ty tham gia vào các sáng kiến xanh so với năm 2011. Một nửa số việc làm mới dự kiến sẽ diễn ra trong lĩnh vực CTX. Để trở thành TP tiên phong về CTX, thời gian tới, chính



▲ CTX là một trong những mục tiêu Vancouver hướng đến, nhằm phát triển bền vững



quyền TP yêu cầu các tòa nhà phải tuân thủ theo những quy định mới rất khắc nghiệt, tất cả các tòa nhà được xây dựng trên vùng đất này cần ít nhất một chứng nhận Hệ thống tiêu chuẩn quốc tế về kiến trúc xanh (LEED) bạc và họ đang hướng tới mức LEED vàng. Ngoài ra, Vancouver muốn loại bỏ sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, hướng đến mục tiêu dẫn đầu thế giới trong chính sách về khí hậu.

Trong lĩnh vực giao thông xanh, Vancouver là một trong số ít những TP ở khu vực Bắc Mỹ không cho phép các tuyến đường cao tốc chính chạy qua trung tâm hạt nhân của TP. Nhiều khu phố của TP có các tuyến đường xe đạp như Đại lộ số 10 phía Tây, người dân nơi đây thường xuyên sử dụng xe đạp, xe máy điện và xe đạp một bánh. Vancouver đang phấn đấu, đến năm 2020, 50% dân số đi bộ, xe đạp hoặc sử dụng phương tiện giao thông công cộng và giảm 20% số người sử dụng xe cơ giới. Để đạt được mục tiêu đề ra, TP sẽ cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng; Hỗ trợ giao thông công cộng, giao thông hoạt động trong đô thị, đảm bảo sự tiện lợi cho người sử dụng. Cùng với đó, TP sẽ phát triển các chương trình giáo dục về tầm quan trọng của việc giảm chất thải và những biện pháp để các khu dân cư lân cận có thể kết nối với nhau bằng không gian mở, công viên, đường phố và các con đường dành cho người đi bộ, xe đạp, giao thông công cộng.

Nét nổi bật trong phát triển bền vững của Vancouver là các dải cây xanh được phối kết và sử dụng theo hành lang; Trạm trung chuyển Surrey; Trạm xử lý nước cống tràn; Tiết kiệm gas tại các nhà máy xử lý nước thải. Trong đó, các dải cây xanh được phối kết và sử dụng theo hành lang là sáng kiến vươn tới bền vững cho các khu giải trí, BVMT sống, giao thông công cộng và một số tiện nghi khác. Đường ống nước, đường điện, đường cho xe đạp, đường đi bộ được kết hợp với dải cây xanh nối liền các không gian trống cho con người.

Để quản lý vệ sinh nước cống tràn do rò rỉ hoặc nước mưa, chính quyền vùng Vancouver đã xây dựng trạm thu gom nước tràn, đây là hệ thống đầu tiên ở Bắc Mỹ. Hệ thống hoạt động tự động nhằm thu nước cống tràn vào trạm thu khi mưa bão, sau đó đẩy ngược trở lại trạm bơm. Nét đặc biệt của thiết kế bền vững còn là việc sử dụng vật liệu bền vững, một khối lượng lớn bê tông trộn được tái chế và sử dụng cây xanh tự nhiên để chống trôi cho đất mặt.

Có rất nhiều điều để yêu mến Vancouver, từ cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ đến những giá trị môi trường trong đô thị, từ sự đa dạng văn hóa và nền kinh tế đổi mới đến những khu phố sôi động, nhộn nhịp. Với những kế hoạch hành động "xanh", Vancouver xứng đáng là TP tiên phong về phát triển bền vững để chính quyền các đô thị khác trên toàn thế giới học tập■

ĐOÀN QUANG TRUNG

CẢI THIỆN PHƯƠNG ÁN THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐỐI VỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP



▲ Toàn cảnh Hội nghị

Ngày 15/3, tại Hà Nội, Bộ NN&PTNT phối hợp cùng Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực của Liên hợp quốc (FAO) tổ chức Hội nghị khu vực về "Thực hiện Khung hành động Sendai về giảm thiểu rủi ro thiên tai cho ngành nông nghiệp ở châu Á - Thái Bình Dương" với sự tham gia của 200 đại biểu, các đối tác đến từ 28 quốc gia đến từ châu Á và Thái Bình Dương.

Tại Hội nghị, FAO đã công bố báo cáo toàn cầu "Tác động của thiên tai và khủng hoảng đối với nông nghiệp và an ninh lương thực năm 2017." Theo Báo cáo, trong giai đoạn từ năm 2005 - 2015, thiên tai gây ra thiệt hại ước tính 96 tỷ USD trong trồng trọt và chăn nuôi của các nước đang phát triển. Hạn hán là một trong những nguyên nhân hàng đầu chiếm 83% thiệt hại kinh tế, với thiệt hại cho nông nghiệp ước tính khoảng 29 tỷ USD.

Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Lê Quốc Doanh nhấn mạnh: "Nông nghiệp là vấn đề sống còn đối với nhiều nước trong khu vực. Phát triển nông nghiệp đặc biệt là sản xuất lương thực đã giúp Việt Nam đứng vững trong các cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và khu vực, duy trì tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội. Trong bối cảnh BĐKH và đô thị hóa, không thể xóa đời giảm nghèo mà không tăng cường khả năng phục hồi sinh kế phụ thuộc nông nghiệp, đặc biệt là các nông hộ nhỏ. Vì vậy, chúng ta cần cải thiện hơn nữa tính đổi mới cũng như tìm kiếm phương pháp tiếp cận các biện pháp kỹ thuật, như mô hình làng thông minh BĐKH, hoặc hệ thống nông nghiệp thông minh thích ứng với BĐKH, hệ thống sinh thái".

Thảo luận về những rủi ro mà trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và lâm nghiệp gặp phải, các đại biểu tham dự Hội nghị chia sẻ những kinh nghiệm trong việc giảm rủi ro và tăng cường khả năng chống chịu, cùng nhau xác định các ưu tiên để tiếp tục thực hiện Khung hành động Sendai trong lĩnh vực nông nghiệp.

Các khuyến nghị này sẽ được công bố tại Hội nghị Bộ trưởng châu Á năm 2018 về giảm thiểu rủi ro thảm họa.

MAI HƯƠNG



Phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường ở Niu-Di-Lân

Hiếm có quốc gia nào trên thế giới sở hữu nhiều cái “nhất” như Niu-Di-Lân: Trong sạch nhất, có môi trường kinh doanh, chăm sóc người già tốt nhất, xanh nhất... Có được điều này một phần là do Niu-Di-Lân quan tâm đến vấn đề BVMT. Đặc biệt, đối với du lịch - ngành xuất khẩu lớn thứ 2 của nước này, chất lượng môi trường càng được ưu tiên cải thiện và nâng cao.

PHÁT TRIỂN DU LỊCH SONG HÀNH CÙNG BẢO TỒN

Niu-Di-Lân nằm ở phía Tây Nam Thái Bình Dương, có diện tích 270.534 km² và dân số khoảng hơn 4 triệu người. Là một trong những đất nước sạch và đẹp nhất thế giới, với 14 TP có không khí trong sạch, hàng năm, Niu-Di-Lân thu hút lượng lớn khách du lịch. Chính sách phát triển du lịch của Niu-Di-Lân xoay quanh 2 giá trị cốt lõi: Bảo vệ thiên nhiên và lòng mến khách, trong đó, bảo vệ thiên nhiên, cảnh quan, môi trường được đặt ở vị trí hàng đầu. Có lẽ vì thế mà đi từ đảo Nam đến đảo Bắc, du khách có thể dạo bước trên những bãi biển cát mịn, ngắm nhìn những chú cá heo tung tăng bơi lội, hải cẩu nằm lười phơi mình trên những tảng đá...

Niu-Di-Lân được bao quanh bởi biển nên hình thức du lịch bằng tàu thuyền hay câu cá giải trí rất phát triển. Tuy nhiên, không phải loài nào cũng có thể đánh bắt. Bộ Bảo tồn Niu-Di-Lân (DoC) quy định rất nghiêm ngặt về chủng loại, kích cỡ, số lượng cá được câu trong ngày cho mỗi người và cả mùa đánh bắt nhằm tránh làm tuyệt diệt các loài vào mùa sinh sản. Nhiều loài còn được bảo vệ nghiêm ngặt, việc đánh bắt, khai thác gần như cấm tuyệt đối như cá voi, cá heo... Đi kèm với quy định trên là các biện pháp, chế tài nhằm xử phạt những hành vi xâm hại nguồn TN&MT. Ngay cả với các tàu chở khách cho dù ở Kaikoura, Paihia hay Abel Tasman, chỉ cần thấy cá heo, cá voi, hải cẩu, cánh cụt... ở gần là tàu sẽ tự động tắt máy, trôi dạt lại đủ gần để khách có thể xem mà không làm chúng hoảng sợ.

Ngoài ra, ở Niu-Di-Lân, việc chặt phá cây cối là điều cấm kỵ. Nhiều du khách đến đây thường ngạc nhiên khi thấy cây ngã đổ sau bão hay chết già đều được để nguyên hiện trạng, tự sinh tự diệt, trừ khi chắn ngang đường thì mới cưa để nhường lối đi. Có thể nói, nhờ dựa vào thiên nhiên mà gần như Niu-Di-Lân tránh được tình trạng thiên nhiên bị “tàn phá” ở những nơi du lịch phát triển như đang xảy ra ở một số quốc gia khác.

Ý THỨC BVMT TỐT

Người dân Niu-Di-Lân rất có ý thức trong việc BVMT. Họ duy trì hệ thống kiểm soát, bảo vệ đất đai, nguồn nước và các khu bảo tồn. Hiện để giữ gìn cảnh quan nguyên sơ, kỳ ảo, Niu-Di-Lân dành hơn 30% diện tích đất (khoảng hơn 30.000 km²) cho các công viên quốc gia và khu bảo tồn, với 14 công viên. Tại đây, du khách được khám phá thiên nhiên hùng vĩ và hệ động vật - thực vật đa dạng.

Cùng với việc trồng nhiều cây xanh, người dân Niu-Di-Lân còn có ý thức chung tay BVMT từ những điều nhỏ bé trong sinh hoạt hàng ngày như: Hạn chế sử dụng giấy vệ sinh không tái chế được, có hệ thống kiểm soát lượng điện năng sử dụng, không dùng máy sấy hay máy rửa chén bát... Bên cạnh đó, tại Niu-Di-Lân, các chiến dịch bảo vệ động vật hoang dã và hỗ trợ quần thể loài quý hiếm như chim bản địa và chim kiwi lớn thường



▲ Công viên quốc gia Abel Tasman, Niu-Di-Lân



xuyên được tổ chức. Tất cả quy định này đều được phổ biến đến người dân và cập nhật qua Internet. Ngay tại cửa khẩu nhập cảnh, du khách sẽ được cung cấp thông tin về ý thức BVMT của người Niu-Di-Lân.

Người dân coi trọng thiên nhiên nên những gì tổn hại đến môi trường sẽ không được chấp nhận ở quốc gia này. Tháng 3/2012, cả nước đồng loạt xuống đường phản đối chính sách cho phép khai thác dầu khí mà Chính phủ đề xuất, bởi họ cho rằng, việc khai thác sẽ làm cạn kiệt nguồn tài nguyên biển, thay đổi hệ sinh thái biển, ô nhiễm môi trường và quan trọng là cần phải gìn giữ cảnh quan thiên nhiên cho các thế hệ sau. Đến nay, Dự thảo này của Chính phủ vẫn chưa được thông qua. Hay mới đây, người dân đã xuống đường ăn mừng khi Đề án xây dựng đường tàu điện một ray chạy xuyên rừng quốc gia Fiordland đến khu vịnh Milford Sound phục vụ cho khách du lịch đã bị bác bỏ...

Có thể thấy, Việt Nam có nhiều nét giống Niu-Di-Lân trong tiềm năng phát triển du lịch và không thể phủ nhận rằng, trong những năm qua, ngành công nghiệp không khói của nước ta đã có bước phát triển. Tuy nhiên, tiềm năng ấy chưa thực sự tương xứng với những gì mà thiên nhiên ban tặng. Kinh nghiệm phát triển du lịch của Niu-Di-Lân sẽ là kinh nghiệm để ngành du lịch Việt Nam hoạch định, xây dựng chính sách, triển khai kế hoạch nhằm khắc phục tồn tại để phát triển hơn nữa trong thời gian tới■

LÊ VĂN TÙNG -
NGUYỄN VĂN QUÝ

Sơn sinh thái - Sự lựa chọn mới cho những công trình xanh

NGUYỄN THANH GIANG

Viện Khoa học Công nghệ xây dựng

Trong những năm gần đây, một số công ty tại Việt Nam đã bắt đầu sản xuất sản phẩm sơn sinh thái (SST) - một loại sơn không gây mùi khó chịu, không ảnh hưởng tới sức khỏe con người và thân thiện với môi trường. Với những ưu điểm vượt trội này, ngày càng có nhiều chủ đầu tư sử dụng SST cho các công trình xây dựng.

Sơn công nghiệp có chứa nhiều chất phụ gia và dung môi dễ bay hơi, có thể ảnh hưởng đến hệ hô hấp, gây bệnh hen suyễn, viêm xoang, viêm phổi cho những người phun sơn nếu không có phương tiện bảo hộ. Trên thị trường thế giới hiện nay, có nhiều sản phẩm sơn với đủ các chủng loại, nhưng đều chứa hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC) và những tạp chất độc hại khác (kim loại nặng, chất hoạt động bề mặt APEOs...). Chỉ số VOC trong sơn ở mức cao sẽ gây nguy hiểm vì chúng có thể tồn tại và phát tán trong không khí trong một thời gian dài (khoảng 5 năm) kể từ khi sơn hoàn thiện (đã khô bề mặt). Các hợp chất trong VOC không màu, không mùi, nên không thể cảm nhận, nhìn thấy, ngửi thấy, hay sờ thấy... Vì thế, gần đây, một số công ty sơn lớn trên thế giới đã bắt đầu nghiên cứu và sản xuất các loại SST, là sơn không chứa VOC, cũng như các hóa chất độc hại, an toàn cho sức khỏe con người và thân thiện với môi trường. SST không chỉ làm đẹp hơn công trình, mang lại sự thoải mái cho người dùng mà còn là giải pháp tốt để bảo vệ con người, loại bỏ hoàn toàn những tác động xấu của các loại sơn thông thường có chứa nhiều hóa chất độc hại gây ra.

SST có những ưu điểm vượt trội so với sơn truyền thống như không gây mùi khó chịu; không gây độc hại cho người sử dụng, cũng như môi trường do hàm lượng VOC thấp; không chứa chì, thủy ngân; không có VOC; chống ăn mòn, không dung môi, không cháy nổ, sơn được trên bề mặt ướt; bền màu. Một số loại sơn có thể chống bức xạ, chống lại các tần sóng có hại, bảo vệ người dùng khỏi ảnh hưởng sóng điện từ. SST có thể sử dụng trực tiếp mà không cần sơn lót, dễ thi công, nhanh khô, có khả năng bảo vệ bề mặt, chống mọi tác động của thời tiết, dễ chùi rửa... Ngoài ra, SST còn có khả năng ngăn chặn sự phát triển của nấm mốc và vi khuẩn, thích hợp với khí hậu nhiệt đới của Việt Nam, ngăn ngừa việc ngưng tụ hơi nước và làm sạch không khí.

Hiện nay, Việt Nam đã có một số doanh nghiệp đi tiên phong trong sản xuất SST, thổi luồng gió mới vào thị trường bất động sản trong nước, với những dự án công trình xanh hiện đại, mang thương hiệu “eco-buildings”. Điển hình là Công ty CP Hóa dầu công nghệ cao Hi-Pec (Công ty Hi-Pec), một trong những đơn vị đi đầu trong phát triển các loại SST từ đầu những năm 2000. Mục tiêu của Công ty là tìm kiếm các công nghệ, sản phẩm, giải pháp



▲ Thứ trưởng Bộ TN&MT Nguyễn Thị Phương Hoa trao Kỷ niệm chương cho TS. Nguyễn Thanh Hải - đại diện Công ty Hi-Pec tại Chương trình biểu dương “Doanh nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ thân thiện môi trường vì mục tiêu tăng trưởng bền vững quốc gia” năm 2017

tốt, độc đáo, thân thiện với môi trường và con người trong lĩnh vực sơn, mang lại cho khách hàng của mình những sản phẩm sơn tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Công ty tập trung vào 3 loại sơn chính: Sơn chống ăn mòn cho sắt thép, sơn chống thấm và sơn trang trí dân dụng.

Với sơn chống ăn mòn sắt thép, Công ty Hi-Pec là đại lý chính thức của Sherwin-Williams (Mỹ), một trong những hãng sơn lớn nhất thế giới. Với lịch sử 150 năm, doanh thu khoảng 20 tỷ USD/năm, Sherwin-Williams đã đưa ra sản phẩm SST DURA-PLATE 301 nổi tiếng thế giới về chống ăn mòn, đa dụng, không dung môi, không độc hại, sơn được trên bề mặt ướt... Với sơn trang trí dân dụng sinh thái, Công ty Hi-Pec hợp tác với Tập đoàn IEDISA (Tây Ban Nha) để đưa ra loại SST Graphenstone nano, gốc vôi và Graphene, không VOC, có khả năng hấp thụ CO₂ trở lại thành đá vôi làm bức tường dày lên, làm sạch không khí, loại bỏ mùi hôi. Đặc biệt, SST Graphenstone còn có loại sơn có thể chống bức xạ, chống lại các tần sóng có hại, bảo vệ người sử dụng khỏi ảnh hưởng của sóng điện từ, sóng điện thoại wifi trong các khu quân sự, công nghiệp, cơ quan, viện nghiên cứu, nhà ở... Đối với sơn chống thấm bê tông, Công

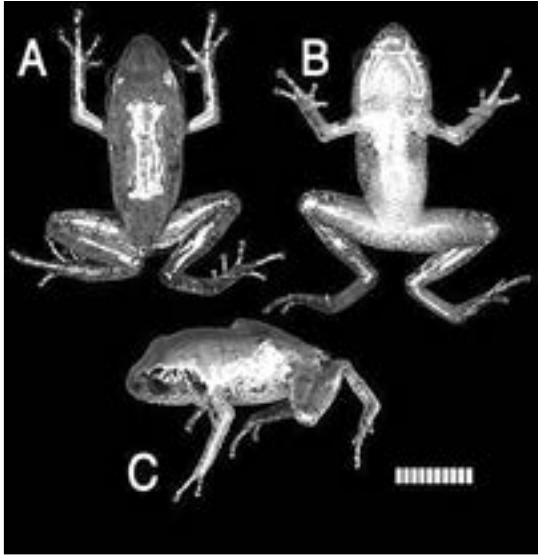
ty đã hợp tác với Công ty sơn Globalnavy (Bồ Đào Nha) để đưa về Việt Nam dòng SST chống thấm hoàn toàn mới, chất lượng cao, sơn được trên bê tông ướt, đa dụng, sử dụng tốt cho cả sàn công nghiệp. Đặc biệt, dòng sơn này có thể trộn với 250% xi măng, khi khô nở lên 220% để làm keo “lai” cho khe co giãn, phù hợp với điều kiện nhiệt đới ở Việt Nam. Từ khi thành lập đến nay, Công ty Hi-Pec đã trực tiếp thi công hàng trăm công trình lớn cho ngành dầu khí (các Công ty: Việt Xô Petro, Lọc dầu Dung Quất, PV Oil, PV Gas, Đạm Cà Mau...), ngành điện (Genco 3, Nậm Mu, PV Powers...), hàng hải, quân đội, các trường học, bệnh viện, chung cư... Những nỗ lực của Công ty Hi-Pec vì môi trường đã được Nhà nước, các Bộ, ngành, khách hàng và tổ chức quốc tế công nhận, đánh giá cao.

Một thương hiệu khác là sơn Petrolimex của Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex), Nhà máy đóng tại Khu công nghiệp VSIP (Bình Dương), với công suất 16 triệu lít sơn các loại mỗi năm. Đây là một trong những nhà máy hiện đại nhất châu Á, với công nghệ kỹ thuật số châu Âu, nguyên liệu được nhập khẩu từ các nhà cung cấp uy tín của Mỹ, Đức, Ôt-xtrây-li-a... Bên cạnh các loại sơn trang trí chất lượng cao cấp như sơn nước trong nhà và ngoài trời: GoldSun, GoldTex, GoldLuck; sơn dầu cao cấp: GoldStar, GoldSatin, GoldVik..., Công ty Sơn Petrolimex còn có những sản phẩm sơn công nghiệp, ứng dụng cho bồn bể, đường ống dẫn xăng dầu, bình gas, thùng phuy, tấm lợp (ngói), sàn bê tông... Các sản phẩm SST Petrolimex được sản xuất với quy trình công nghệ xanh theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2008, không sử dụng chì và thủy ngân, không chứa các thành phần gây hại cho sức khỏe con người và môi trường. SST Petrolimex có những đặc tính vật lý khác biệt so với các sản phẩm sơn truyền thống về độ cứng, độ bền và độ dẻo, gia tăng tuổi thọ của sơn, sơn không bị nứt nẻ, kháng khuẩn, chống nấm mốc và đuổi côn trùng.

Với những đặc tính ưu việt, cũng như tính an toàn, bền vững, thân thiện với môi trường, các sản phẩm SST đang ngày càng được các nhà đầu tư, người tiêu dùng lựa chọn sử dụng, đáp ứng nhu cầu và điều kiện khí hậu thời tiết khắc nghiệt ở Việt Nam■



Bảo tồn các loài lưỡng cư tại quần đảo Cát Bà



▲ Loài ếch cây nhỏ đá vôi tại Cát Bà

Quần đảo Cát Bà, thuộc Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà, được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) chính thức công nhận năm 2004, bao gồm 366 hòn đảo nhỏ thuộc vịnh Bắc bộ. Trong đó, Cát Bà là hòn đảo lớn nhất, được bao phủ chủ yếu bởi rừng nhiệt đới ẩm thường xanh trên núi đá vôi. Hòn đảo này được đặc trưng bởi mức độ đặc hữu cao các loài động vật có xương sống như thạch sùng mí và thằn lằn phê-nô, các loài lưỡng cư...

PHÁT HIỆN NHIỀU LOÀI LƯƠNG CƯ MỚI

Kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học năm 2011 đã thống kê, Cát Bà có khoảng 17 loài lưỡng cư được ghi nhận. Dựa trên phân tích dữ liệu về hình thái, sinh học phân tử kết quả khảo sát thực địa gần đây tại Cát Bà của các nhà khoa học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Nhật Bản, Liên bang Nga đã phát hiện thêm hai loài ếch cây mới tại quần đảo Cát Bà là loài ếch cây nhỏ đá vôi và loài nhái cây nhỏ Cát Bà.

Ếch cây nhỏ đá vôi là loài có kích thước nhỏ, chiều dài cơ thể khoảng 17,7 - 21,1mm, con đực nhỏ hơn con cái. Cơ thể mỏng; đầu dài, mõm hơi nhọn, không có răng lá mía. Mút các ngón tay và chân hơi phát triển thành đĩa, giữa các ngón tay không có màng bơi, giữa các ngón chân chỉ có màng bơi ở gốc ngón. Da lưng hơi

sần với các hạt rất nhỏ, bụng nhẵn, lưng có màu đỏ gạch...

Loài nhái cây nhỏ Cát Bà có kích thước cơ thể nhỏ, đầu tương đối lớn và màng bơi khá rộng ở bàn chân. Mút các ngón tay và chân phát triển thành đĩa, giữa các ngón tay, chân có màng bơi, da màu xám hoặc màu nâu. Cũng như loài ếch cây nhỏ đá vôi, nhái cây nhỏ Cát Bà hiện tại chỉ được ghi nhận ở đảo Cát Bà, chưa có nghiên cứu về hiện trạng quần thể cũng như các đặc điểm sinh học sinh thái của loài này, tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu thực địa của nhóm chuyên gia thuộc Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật, Viện động vật Xanh-petec-bua (Liên bang Nga), Trường Đại học Kyoto (Nhật Bản) và Vườn thú Cologne tại đảo Cát Bà từ năm 2008 - 2012 đã thu được 8 mẫu vật của 2 loài mới này để phục vụ nghiên cứu.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC BẢO TỒN CÁC LOÀI LƯƠNG CƯ

Trong xu thế phát triển kinh tế và du lịch hiện nay, nguy cơ đe dọa đến các loài lưỡng cư tại quần đảo Cát Bà là rất cao. Các hoạt động như du lịch, làm đường, xây dựng cơ sở hạ tầng khiến cho môi trường tự nhiên tại đây bị biến đổi và tác động lớn. Phần lớn khu vực quần đảo Cát Bà được che phủ bởi rừng trên núi đá vôi, đây là dạng sinh cảnh nhạy cảm và khó khăn phục hồi nếu bị tác động. Đảo Cát Bà biệt lập với đất liền, do đó các hoạt động săn bắt phục vụ mục đích làm thực phẩm, dược liệu và buôn bán sẽ ảnh hưởng đến quần thể của các

loài động vật, đặc biệt là loài lưỡng cư có kích cỡ nhỏ. Ngoài ra, nguồn động vật được vận chuyển từ nơi khác đến nếu không được kiểm soát chặt chẽ, phát tán vào tự nhiên sẽ làm ảnh hưởng đến quần thể các loài bản địa.

Để tăng cường công tác bảo tồn các loài lưỡng cư tại quần đảo Cát Bà, trong thời gian tới, Ban quản lý Vườn quốc gia Cát Bà cần liên kết chặt chẽ với các cơ quan ban, ngành địa phương trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH); có chế tài quản lý chặt chẽ hoạt động dân sinh để không phá hủy cảnh quan thiên nhiên và ĐDSH của vùng. Đồng thời, chính quyền địa phương cần khuyến khích các hoạt động nghiên cứu để khám phá thêm nhiều loài chưa được ghi nhận. Đối với loài đặc hữu cần có các nghiên cứu sâu về hiện trạng quần thể cũng như đặc điểm sinh học, sinh thái để có biện pháp bảo tồn. Cần chú ý vào những số liệu hiện có, xác định các địa điểm cần ưu tiên bảo tồn, có thể sử dụng những tiêu chí sau để đánh giá: Sự đa dạng về loài, số loài bị đe dọa (quý hiếm), diện tích rừng, chất lượng sinh cảnh và mức độ tác động của con người. Bên cạnh đó, đẩy mạnh thực hiện các chương trình nghiên cứu phục hồi tài nguyên rừng, bảo tồn nguồn gen; Thiết lập hệ thống giám sát ĐDSH; Thu hút các tổ chức trong, ngoài nước tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, cần quản lý chặt chẽ việc vận chuyển và buôn bán các loài động vật từ đất liền ra đảo Cát Bà■

NGUYỄN THẾ



Phát huy giá trị cảnh quan 9 khu sinh quyển thế giới của Việt Nam

GS.TS. NGUYỄN HOÀNG TRÍ

Chủ tịch UBQG Chương trình Con người và Sinh quyển Việt Nam (MAB Việt Nam)

Hơn 10 năm qua, Việt Nam đã được thế giới công nhận 9 khu sinh quyển thế giới (SQTG) nằm trong mạng lưới 699 khu SQTG thuộc 120 quốc gia. Mỗi khu SQTG không chỉ đóng góp vào sự nghiệp phát triển bền vững quốc gia mà còn cùng nhân loại thực hiện những mục tiêu phát triển bền vững cho tương lai, trong đó du lịch sinh thái (DLST) được xem như một ngành kinh tế dựa trên bảo tồn, kết nối phương châm “bảo tồn cho phát triển và phát triển để bảo tồn”.

9 khu SQTG của Việt Nam trải dài trên toàn quốc, nằm ở những vùng địa lý sinh thái tự nhiên đặc trưng, đồng thời ở mỗi khu vực đều chứa đựng những điển hình sinh thái nhân văn, văn hóa bản sắc vùng miền riêng biệt. Theo đó, các sản phẩm du lịch, từ hệ thống các khu SQTG đều hấp dẫn đối với du khách (tham quan thắng cảnh, cảm nhận thiên nhiên, thám hiểm trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, nghỉ dưỡng sức khỏe...). Có thể thực hiện tuyến DLST xuyên suốt 9 khu SQTG, đặc biệt là Chương trình “du khảo” (study tour): quần đảo, hải dương, bảo tồn biển, địa chất, đa dạng sinh học (ĐDSH); nhiều loại hình rừng đặc trưng, sinh cảnh điển hình, hệ sinh thái nhân văn bản sắc vùng miền, những cộng đồng tộc người và truyền thống văn hóa, lịch sử độc đáo. Việc tổ chức vận hành các công đoạn của “tour” trong khu SQTG sẽ thuận lợi, đồng bộ và nhất quán.

Các nghiên cứu thị trường cho thấy, du khách sinh thái (ecotourist) đặc biệt quan tâm đến đời sống của người dân và các khu vực thiên nhiên hoang sơ. Theo Hội nghị các bên tham gia Công ước về ĐDSH lần thứ 5, DLST là loại hình duy nhất đóng vai trò trong giáo dục du khách về giá trị của môi trường khỏe mạnh và ĐDSH. Chính các khu SQTG, di sản thiên nhiên, công viên địa chất tạo ra nhiều cơ hội cho DLST. Tuy nhiên, quy hoạch và quản lý sao cho phù hợp là rất quan trọng để phát triển DLST, nếu không sẽ đe dọa nghiêm trọng tới ĐDSH chính là cơ sở của DLST.

Do thiếu hiểu biết và bất chấp hậu quả lâu dài, một số dự án xây dựng trá hình DLST với các khu resort, khách sạn hạng sang, cáp treo và bê tông hóa sẽ gây ra những hậu quả trước mắt và lâu dài cho các hệ sinh thái nguyên sơ và dễ bị tổn thương. Các dự án DLST trá hình này

kéo theo nguy cơ phá hủy các thành phần môi trường quan trọng chính là cơ sở của DLST. Mất ĐDSH và môi trường sống của các loài động thực, vật hoang dã, các loại chất thải phát sinh ảnh hưởng đến khu

vực không có khả năng hấp thụ và chống chịu với các tác động tiêu cực có thể xảy ra. Hơn nữa, có những lo ngại đến công bằng xã hội giữa các bên liên quan tham gia lĩnh vực kinh tế DLST.

ĐẶC TRƯNG CỦA 9 KHU SQTG Ở VIỆT NAM

Các khu sinh quyển như những hệ thống “mẫu” trên trái đất. Việc quản lý các khu sinh quyển được thực hiện theo đa ngành, đa lĩnh vực, với phương châm “Bảo tồn để phát triển, phát triển để bảo tồn”, với nguyên lý “Tư duy hệ thống, quy hoạch cảnh quan, điều phối liên ngành, kinh tế chất lượng”. Đây là kim chỉ nam cho mọi hoạt động quản lý bền vững các khu sinh quyển.

● Khu SQTG rừng ngập mặn Cần Giờ (TP.Hồ Chí Minh)

Đây là “Rừng ngập mặn được khôi phục đẹp nhất Đông Nam Á”, với đặc trưng rừng ngập mặn điển hình; cảnh quan dân cư sinh sống ở cửa sông, ven biển đồng bằng Nam bộ.

● Khu SQTG Đồng Nai trên địa bàn các tỉnh (Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai và Đắk Lắk)

Với thông điệp: “Nơi gặp gỡ tự nhiên, văn hóa và lịch sử”. Ở đây sinh cảnh đặc trưng nhiều loài động vật hoang dã; bản sắc cộng đồng cư dân lâu đời, dấu tích nền văn hóa Óc - Eo điển hình; văn hóa tộc người Nam Tây Nguyên; di tích lịch sử chiến khu D.

● Khu SQTG quần đảo Cát Bà (Hải Phòng)

Đảo đá vôi (karst) có rừng tự nhiên thường xanh độc đáo, nhân tố quan trọng của toàn bộ vùng vịnh Hạ Long - đặc trưng địa chất kỳ quan - động vật đặc hữu vọoc Cát Bà. Nơi đây còn gắn với di chỉ người Việt cổ; cộng đồng cư dân hải đảo với làng canh tác nông nghiệp, đánh cá; nhiều sản phẩm địa phương có giá trị;



▲ Khu SQTG quần đảo Cát Bà (Hải Phòng)

Ngoài ra, cộng đồng địa phương là thực thể đáng ra có thể được hưởng lợi nhiều nhất, đồng thời cũng có thể mất nhiều nhất. Khi xu thế toàn cầu hóa đang khiến việc kiểm soát kinh tế địa phương ngày càng khó khăn, DLST tìm cách đảo ngược xu hướng này bằng cách nhấn mạnh các chủ doanh nghiệp và cộng đồng địa phương phải là bên tham gia quan trọng nhất. Cơ hội lôi kéo cộng đồng nông thôn tham gia du lịch hứa hẹn nhiều kỳ vọng, nhưng cũng tiềm ẩn những rủi ro lớn, trừ khi quá trình chuẩn bị được thực hiện một cách cẩn trọng. Người dân địa phương phải được thông báo trước về tất cả những hậu

dấu tích văn hóa, lịch sử và văn hóa biển đảo.

● Khu SQTG đất ngập nước ven biển liên tỉnh châu thổ sông Hồng trên địa bàn 3 tỉnh (Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình)

Nơi trú ngụ của “Cò mỏ thìa - loài chim di cư kết nối 2 châu lục Á - Âu”. Với bãi bồi phù sa cửa sông Hồng bồi tụ lấn biển; rừng ngập mặn, sinh cảnh phong phú, thích nghi của nhiều loài chim đặc trưng. Tập hợp cộng đồng cư dân khai phá đất mới ven biển, cửa sông; văn hóa bản sắc ven biển, đồng bằng Bắc bộ, châu thổ sông Hồng; đa dạng các làng nghề ven biển.

● Khu SQTG Kiên Giang (vùng ven biển, hải đảo tỉnh Kiên Giang)

Cảnh quan tự nhiên: quần đảo, đảo Phú Quốc lớn nhất Việt Nam; đa dạng địa chất cảnh quan; rừng

nhật đới tự nhiên; sinh cảnh động vật hoang dã trên rừng, dưới biển. Nơi đây còn gắn với bản sắc văn hóa vùng ven biển Tây Nam; đặc trưng phát triển kinh tế - xã hội miền Tây - lịch sử mở cõi phương Nam; dân tộc Khmer, những ngôi chùa, làng bản sống hài hòa với các dân tộc Việt khác.

● Khu SQTG Tây Nghệ An (các huyện miền núi phía Tây tỉnh Nghệ An)

Nằm ở khu vực miền núi Bắc Trường Sơn, thượng lưu sông Cả, đa dạng cảnh quan; rừng tự nhiên thường xanh, ĐDSH phong phú, nhiều loài động vật hoang dã quý hiếm. Với cộng đồng tộc đa dạng; nhiều sản phẩm giá trị đặc trưng địa phương; bản sắc dân tộc Thái điển hình sống hài hòa với thiên nhiên.

● Khu SQTG Cù lao Chàm - Hội An (tỉnh Quảng Nam)

Gồm rừng tự nhiên thường xanh trên đảo, sinh cảnh hải đảo đặc trưng;

kiến tạo địa chất điển hình, cảnh quan kỳ vĩ. Cộng đồng cư dân lâu đời hải đảo, lịch sử tuyến đường thương mại quốc tế; thị tứ, thị trấn hải đảo điển hình; bản sắc văn hóa, lễ hội, làng nghề độc đáo.

● Khu SQTG Mũi Cà Mau (tỉnh Cà Mau)

Bán đảo đất mũi, phù sa sông Cửu Long bồi tụ, lấn biển; rừng ngập mặn, rừng tràm ngập chua phèn điển hình. Ở đây hình thành cộng đồng cư dân sinh sống vùng đất bồi điển hình; canh tác, nghề cá, nghề rừng đặc trưng.

● Khu SQTG Langbiang (tỉnh Lâm Đồng)

Đặc trưng cảnh quan tự nhiên, gồm rừng thông nguyên sinh 2 lá dẹt bằng chứng kỷ devon tiền sử; không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên hài hòa với ĐDSH; không gian đa dạng sắc tộc phân bố dựa trên không gian cảnh quan tự nhiên; chi trả dịch vụ hệ sinh thái - một nền kinh tế dựa trên bảo tồn điển hình.



quả có thể của phát triển du lịch, đồng thời chấp thuận để phát triển du lịch trong khu vực của họ.

Vì DLST với mục đích bảo tồn thiên nhiên và góp phần xây dựng cộng đồng địa phương nên rất khó để lượng hóa. Trước đây có một số nghiên cứu nhỏ đã xác định số khách du lịch thiên nhiên thực tế đã thúc đẩy cho những quyết định đi du lịch dựa trên nguyên tắc của DLST. Khi DLST được nghiên cứu rộng hơn với khái niệm là du lịch tự nhiên (khám phá thiên nhiên) dẫn đến giả định sai về kích cỡ thị trường (như cầu thị trường). Nghiên cứu dựa trên du lịch tự nhiên đã chỉ ra rằng, có đến 50% tổng số thị trường du lịch muốn đến những nơi thiên nhiên suốt cả chuyến đi, nghĩa là có thể bao gồm cả một ngày dừng nghỉ trong vườn quốc gia. Trong khi, đây là thị trường du lịch lớn, có phần khác biệt với thị trường mà thực tế chỉ thúc đẩy cho những nhóm nhỏ, học tập từ văn hóa và cuộc sống đơn giản hoang dã với hướng dẫn viên bản địa, giúp việc bảo tồn và phát triển bền vững cộng đồng bản địa.

Tuy nhiên, phần lớn các địa phương hiện có nhiều đơn vị tổ chức du lịch không có khả năng đảm nhận trách nhiệm hướng dẫn viên. Một số nghiên cứu cho thấy, các nhà điều hành DLST phải tìm cách hợp tác với những tổ chức phi chính phủ ở những nơi do họ quản lý, đồng thời hỗ trợ sự phát triển của các tổ chức cộng đồng mới nhằm hỗ trợ, ủng hộ cho những chính sách du lịch bền vững.

Những du khách DLST thường muốn tìm những điểm giúp họ trải nghiệm gần gũi nhất với tự nhiên và cộng đồng địa phương. Mỗi điểm đến hấp dẫn du khách cũng phải được bảo vệ các nguồn tài nguyên, đồng thời được thúc đẩy để hợp tác với cộng đồng địa phương. Để thúc đẩy DLST phát triển, Nhà nước cần lập kế hoạch, thiết lập thể chế và phân vùng để cho các điểm nằm trong khu DLST không bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài.

Phát huy giá trị cảnh quan của các khu SQTG tại Việt Nam đạt được hiệu quả lâu dài và bền vững gắn với DLST, cần thiết phải thiết lập những tiêu chuẩn phát triển để thúc đẩy sự hợp tác giữa các bên liên quan ở địa phương, cụ thể là những người đại diện cho cộng đồng.

Tác động môi trường tại Khu du lịch núi Bà Đen, Tây Ninh

ThS. TRẦN THANH THẢO UYÊN

Trường Đại học Đồng Tháp

NGUYỄN XUÂN THẮNG

Tổng cục Du lịch

Núi Bà Đen có diện tích 1.638 ha nằm trong địa bàn các xã Ninh Sơn, Thạnh Tân và Tân Bình (TP. Tây Ninh), xã Phan và Suối Đá (huyện Dương Minh Châu) tỉnh Tây Ninh. Đây là một quần thể di tích lịch sử văn hóa và danh thắng nổi tiếng Nam bộ. Hệ thống hang động và cảnh quan tự nhiên kết hợp kiến trúc tôn giáo đã tô điểm cho khu du lịch một nét đẹp hài hòa với thiên nhiên. Núi Bà Đen thật sự trở thành nơi trở về với cội nguồn, đời sống tâm linh, du lịch sinh thái (DLST) và truyền thống cách mạng của dân tộc.

NHỮNG TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA KHU DU LỊCH NÚI BÀ ĐEN

Từ thực trạng khai thác du lịch tại Khu du lịch núi Bà Đen cho thấy, hoạt động DLST tại đây đã và đang từng bước phát triển mạnh. Bên cạnh những lợi ích mà du lịch mang lại, các hoạt động du lịch cũng gây ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường.

Về *đa dạng sinh học* (ĐDSH): Định hướng phát triển DLST đã xác định các hệ sinh thái (HST) rừng của núi Bà Đen có vai trò quyết

định đến sự tồn tại và phát triển khu DLST núi Bà Đen, ngoài ra còn nhiều giá trị lớn khác. Do đó, chính quyền địa phương đã kiến nghị các cấp cần bảo vệ HST tự nhiên ở vùng lõi núi Bà Đen, hướng tới xây dựng thành Khu bảo tồn thiên nhiên, nhằm bảo vệ nguồn gen và tính đa dạng cho HST rừng. Tuy nhiên, các hoạt động du lịch có thể sẽ ảnh hưởng tới một số loài động vật. Nếu không có giải pháp ngăn chặn kịp thời, có thể làm gia tăng các hoạt động săn bắt thú rừng, săn bắt thằn lằn núi, gia tăng khai thác các dược liệu thuốc nam để phục vụ du khách.

Cảnh quan sinh thái: Khu du lịch núi Bà Đen được xây dựng thành khu DLST với các loại hình du lịch tín ngưỡng, văn hóa lễ hội ở núi Bà Đen. Do đó, tất cả các điểm DLST bao giờ cũng có sự kết hợp giữa DLST với du lịch tín ngưỡng, lễ hội hoặc kết hợp DLST với du lịch lịch sử, cắm trại, vui chơi, giải trí... Để phát triển loại hình DLST tất yếu phải bảo vệ và khôi phục các HST tự nhiên như trồng rừng với cây bản địa, đặc hữu, quý hiếm. Như vậy, các HST tự nhiên vốn dĩ đã bị tác động rất nghiêm trọng sẽ dần dần được phục



▲ Hệ thống cáp treo ở núi Bà Đen

hồi, trở lại dáng vẻ của tự nhiên, đảm bảo được tính ĐDSH và lập lại các cân bằng sinh thái. Phát triển các loại hình du lịch sẽ phải chiếm dụng một phần diện tích các HST tự nhiên để xây dựng các tuyến đường leo núi, nơi nghỉ chân, ăn uống, cắm trại và các hoạt động vui chơi giải trí khác. Nhằm hạn chế tác động ở mức tối thiểu, các công trình xây dựng nên tập trung ở vành đai dưới chân núi, còn phía trên sườn núi chỉ xây dựng quy mô nhỏ và phù hợp với cảnh quan thiên nhiên.

Về môi trường: Các điểm và khu DLST khi đi vào hoạt động sẽ cải thiện về cơ bản cả môi trường tự nhiên và môi trường kinh tế - xã hội (KT-XH). Loại hình DLST luôn dựa trên cơ sở bảo tồn và khôi phục tính đa dạng của các HST tự nhiên. Mặt khác, hoạt động DLST nếu được tổ chức, quản lý tốt sẽ thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước, mang lại hiệu quả kinh tế lớn, giảm thiểu tối đa mức độ sử dụng tài nguyên không có khả năng tái tạo. Đồng thời, doanh thu từ dịch vụ, du lịch góp phần cải thiện mức sống của người dân địa phương và tạo ra sự ổn định trong môi trường KT-XH tỉnh Tây Ninh.

Tuy nhiên, phát triển các hoạt động du lịch và DLST không tránh khỏi tác động tiêu cực đến cả môi trường tự nhiên và KT-XH. Các giải pháp trong tổ chức, quản lý, thực hiện nghiêm các quy định của Luật BVMT là công cụ hữu hiệu để giảm thiểu tác động tiêu cực đến khu vực này.

Văn hóa lịch sử: Các loại hình du lịch tín ngưỡng và du lịch lịch sử cùng phát triển song hành với DLST, do đó các di tích lịch sử và văn hóa được nâng cao giá trị và trở thành các điểm du lịch trong các khu, cụm và tuyến DLST. Các di tích lịch sử và tín ngưỡng có thể bị xuống cấp do tác động của du khách, cần có kế hoạch bảo vệ, giữ gìn và tu bổ thường xuyên các di tích có giá trị.

Sử dụng đất: Sự phát triển các dự án DLST sẽ có tác động trực tiếp và gián tiếp làm chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất. Diện tích trồng cây hàng năm sẽ bị thu hẹp, nhường chỗ cho cây ăn quả, cây cảnh và hoa, tác động thay đổi đó phù hợp với các điều kiện sinh thái ở Tây Ninh. Một phần diện tích các HST tự nhiên sẽ bị chiếm dụng để xây dựng các khu vui chơi, giải trí, nhà hàng, khách sạn... và các công trình phục vụ phục vụ cho DLST.

Cơ sở hạ tầng: Để phát

triển DLST và các loại hình du lịch khác, các cơ sở hạ tầng như giao thông, điện, hệ thống thông tin, bưu điện, tiêu thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, rác thải... sẽ được xây dựng và mở rộng. Sự phát triển cơ sở hạ tầng nhiều khi lại tạo điều kiện thuận lợi cho sự gia tăng các hoạt động khai thác trái phép lâm thổ sản, buôn bán động vật hoang dã. Cần tính đến tác động này để có các giải pháp bảo vệ Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên và HST tự nhiên cần được bảo vệ ở tỉnh Tây Ninh.

Lao động: Các dự án DLST sẽ tạo ra nhiều việc làm, nhiều nghề nghiệp mới, đồng thời tạo ra một lực lượng lao động mới cả về số lượng và chất lượng. Sự phát triển các dự án DLST sẽ thu hút người lao động có chất lượng cao từ TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Cần có kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng và ưu tiên sử dụng lao động địa phương, tránh xảy ra tình trạng dư thừa lực lượng lao động chưa có tay nghề và chưa được đào tạo...

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề: Các làng nghề và sản xuất tiểu thủ công nghiệp sẽ phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa phục vụ du khách.

Quy luật cung cầu trong cơ chế thị trường sẽ tác động đến các làng nghề và nếu không có dự báo tốt có thể gây ra tình trạng khủng hoảng thừa hoặc sự phát triển mất cân đối của các làng nghề. Đồng thời, sự phát triển các làng nghề có thể gây ra tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên và KT-XH.



▲ Đồng đảo người dân tham quan Khu du lịch núi Bà Đen. Ảnh Thịnh Lộc

Giáo dục: Nguồn lợi do DLST du mang lại kết hợp với công tác giáo dục, tuyên truyền sẽ khiến cho cộng đồng địa phương ý thức, cần phải bảo vệ sinh cảnh núi Bà Đen. Đồng thời, sẽ hạn chế và dần chấm dứt hoạt động săn bắt, khai thác các động vật hoang dã như: thần lằn núi, ốc núi... và khai thác các cây thuốc Nam bất hợp pháp. Tác động của văn hóa ngoại lai và các tệ nạn xã hội có thể nảy sinh do hoạt động DLST.

An ninh trật tự: Nguồn lợi do hoạt động DLST mang lại sẽ tạo nhiều việc làm, nâng cao mức sống người dân địa phương, góp phần tạo ra phát triển KT-XH và tác động tích cực đến sự ổn định, an ninh trong cộng đồng dân cư địa phương. Hoạt động DLST tạo ra sự biến động thường xuyên trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống và hoạt động KT-XH của cộng đồng dân cư địa phương, gây khó khăn không nhỏ trong công tác quản lý, an ninh, trật tự. Nếu không tổ chức, quản lý tốt sẽ làm gia tăng sự mất ổn định trong an ninh, trật tự và làm phát sinh, phát triển các tệ nạn xã hội.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH Ở KHU DU LỊCH NÚI BÀ ĐEN

Thứ nhất, với nhiều hang động tự nhiên và có giá trị về mặt lịch sử, hàng năm diễn ra nhiều lễ hội lớn, mang đậm tính nhân văn, quần thể chùa lâu đời... thì loại hình du lịch văn hóa lễ hội và tôn giáo cần được duy trì và

phát triển.

Bên cạnh đó, cần đa dạng hóa, tạo ra sản phẩm mới mang nét đặc trưng riêng. Các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, hàng hóa lưu niệm nhỏ gọn, giá rẻ làm từ đá, móc khóa, nón, áo khăn có logo núi Bà Đen hay những đôi dép cao su là một vật dụng không thể thiếu khi leo núi.

Thứ hai, cần quan tâm đến công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm với nội dung hấp dẫn, nhiều hình ảnh minh họa, màu sắc sinh động; đồng thời quảng bá về tiềm năng, thế mạnh của khu du lịch để kêu gọi đầu tư. Để thu hút, mở rộng thị trường du khách là phải đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường xanh - sạch - đẹp, không có tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan... tạo môi trường du lịch lành mạnh để khách an tâm tham quan, chiêm ngưỡng.

Hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng phục vụ du khách, các cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn để gia

tăng thời gian lưu trú của khách. Đẩy mạnh công tác giáo dục ý thức người dân trong việc giữ vệ sinh môi trường. Tại mỗi điểm du lịch cần bố trí thêm các thùng rác công cộng, có lực lượng kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, xử lý rác thường xuyên tránh gây ô nhiễm.

Các mặt hàng đặc sản như măng cầu núi, muối tôm Tây Ninh nói chung và khu vực Núi Bà nói riêng, cần được hỗ trợ để tạo thương hiệu.

Thứ ba, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường thu hút lao động có chất lượng tham gia vào Khu du lịch núi Bà Đen.

Thường xuyên mở các lớp đào tạo ngắn hạn, đào tạo lại cho cán bộ, công nhân viên làm việc trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh. Tạo cơ hội cho các cán bộ quản lý, người lao động học tập kinh nghiệm quản lý và kinh doanh du lịch ở một số nước phát triển mạnh về du lịch. Xây dựng cơ chế khuyến khích nhân tài trong lĩnh vực du lịch về với du lịch Tây Ninh nói chung và Khu du lịch núi Bà Đen nói riêng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý. Từng bước xây dựng đội ngũ các nhà quản lý, các doanh nghiệp năng động, sáng tạo và đủ năng lực điều hành các hoạt động kinh doanh du lịch hiệu quả.

Khu du lịch núi Bà Đen hiện nay là khu vực chiếm tỷ lệ khách du lịch lớn nhất đến với tỉnh Tây Ninh. Nếu được sự quan tâm sâu sắc của các cấp chính quyền địa phương, nơi đây sẽ có nhiều cơ hội để phát triển du lịch dựa vào nguồn tài nguyên phong phú và đầu tư hợp lý■



Chàng Bí thư Tỉnh đoàn nhiệt huyết với công tác bảo vệ môi trường

Đi đầu trong các phong trào BVMT, Giàng Quốc Hưng - Bí thư Tỉnh đoàn Lào Cai đã có những đóng góp trong việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về môi trường cho đoàn viên, thanh niên toàn tỉnh nói riêng và cộng đồng dân cư nói chung, góp phần xây dựng quê hương vững mạnh.

Xác định BVMT là công việc hàng ngày của bản thân và là hoạt động quan trọng trong chương trình công tác Đoàn cũng như phong trào thanh, thiếu niên, với vai trò là Bí thư Tỉnh đoàn, mỗi tháng Giàng Quốc Hưng đều xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể về BVMT cho các huyện, thành Đoàn và cơ sở Đoàn trực thuộc, thông qua nhiều hoạt động ý nghĩa, thiết thực như tổ chức các lớp tập huấn, cuộc thi tìm hiểu kiến thức về BVMT; Treo băng rôn, khẩu hiệu tại các tuyến phố chính, cơ quan, trường học hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới, Ngày quốc tế Đa dạng sinh học, Tuần lễ quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường, Tuần lễ quốc gia Biển và hải đảo Việt Nam; Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn... Bên cạnh đó, kêu gọi cộng đồng sử dụng tiết kiệm năng lượng trong sinh hoạt, đổ rác đúng nơi quy định, trồng và chăm sóc cây xanh, vệ sinh đường làng ngõ xóm; Vận động đoàn viên, thanh thiếu nhi và người dân hạn chế sử dụng túi ni lông, nguyên liệu, nhiên liệu có phát sinh khí thải gây hiệu ứng nhà kính... Đồng thời, đẩy mạnh việc đấu tranh, tố giác, lên án các hành vi buôn bán, tiêu thụ trái phép các loài động, thực vật quý hiếm, sử dụng lãng phí tài nguyên, đốt phá rừng gây ô nhiễm môi trường.

Nhằm phát huy vai trò xung kích của tuổi trẻ chung sức xây dựng nông thôn mới (NTM), Giàng Quốc Hưng đã chủ động cùng các đoàn viên, thanh niên tham gia xây dựng nhiều công trình nhà tắm, nhà tiêu, lò đốt rác, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh... Ngoài ra, Giàng Quốc Hưng thường xuyên tổ chức các cuộc họp khẩn cấp hoặc gửi công văn chỉ đạo, hướng dẫn các cấp bộ Đoàn có biện pháp hỗ trợ người dân kịp thời ứng phó với thiên tai, dịch bệnh... Qua đó, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm cho đoàn viên, thanh niên trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, BVMT tại địa phương.



▲ Bí thư Tỉnh đoàn Lào Cai Giàng Quốc Hưng nhận Giải thưởng Môi trường năm 2017

Đặc biệt, thực hiện Tháng Thanh niên năm 2017 với chủ đề “Tuổi trẻ chung tay xây dựng NTM, văn minh đô thị và hưởng ứng năm Du lịch quốc gia”, Giàng Quốc Hưng đã chỉ đạo các cấp bộ Đoàn phát hơn 7.000 tờ rơi tuyên truyền về văn minh đô thị, hưởng ứng năm Du lịch quốc gia 2017; Ra quân tu sửa, bảo dưỡng 127 km và làm mới trên 3,4 km đường giao thông nông thôn; Trồng 25.400 cây xanh trên diện tích 53.5 ha đất rừng, đồi, tổng trị giá trên 560 triệu đồng và 950 cây xanh ven các tuyến đường; Bóc dỡ trên 3.800 biển quảng cáo, giao vật trái phép; Hỗ trợ xây dựng 63 nhà tiêu hợp vệ sinh, đào 405 hố rác gia đình, xây dựng 55 lò đốt rác tập trung trị giá trên 300 triệu đồng; Hỗ trợ 1.163 triệu đồng xây dựng 11 nhà nhân ái, nhà văn hóa, nhà bán trú và 35 công trình khác như sân trường, sân chơi, hàng rào cho các trường học vùng khó khăn... tổng giá trị 520 triệu đồng.

Hoạt động chăm lo, hỗ trợ thanh, thiếu nhi và an sinh xã hội cũng được Bí thư Giàng Quốc Hưng chú trọng, thể hiện tinh thần, trách nhiệm của đoàn thanh niên với cộng đồng, xã hội. Trong năm 2017, các cấp bộ Đoàn đã giới thiệu việc làm cho 865 thanh niên; Tặng 493 suất quà cho các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn, trị giá 1.094,5 triệu đồng; 1.183 suất quà, 169 học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, trị giá 916 triệu đồng; Tổ chức khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho 954 lượt người, hiến 247 đơn vị máu.

Những đóng góp của Giàng Quốc Hưng cho công tác BVMT đã được Bộ TN&MT ghi nhận, trao tặng Giải thưởng “Môi trường Việt Nam” năm 2017. Câu chuyện về chàng trai người dân tộc H'Mông năng nổ, nhiệt huyết với công tác BVMT đang được nhiều người dân nhắc đến, như một tấm gương sáng về BVMT mà nhiều người cần noi theo, đặc biệt là thế hệ trẻ

THANH HOA



Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học vùng ven biển Cù Lao Dung

NGUYỄN THU THỦY

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Cù Lao Dung là một huyện đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng, nằm ở cuối nguồn sông Hậu, phía Nam giáp với biển Đông - nơi tiếp giáp với hai vùng kinh tế biển quan trọng: Khu kinh tế biển Định An của Trà Vinh và Khu kinh tế biển Trần Đề của Sóc Trăng. Với những bãi bồi ven biển, phủ một màu xanh của cây trái và của những cánh rừng... tất cả những hình ảnh đó đã phác họa nên một bức tranh tổng thể về vùng đất thanh bình, nên thơ, phong phú hệ động, thực vật, giàu tiềm năng phát triển du lịch sinh thái của vùng đất Phương Nam.

ĐA DẠNG CÁC LOÀI ĐỘNG, THỰC VẬT

Với địa hình bằng phẳng, được bao bọc bởi bốn bề sông nước và hệ thống sông rạch chằng chịt, Cù Lao Dung có 3 vùng sinh thái tự nhiên chủ yếu là vùng ngọt, vùng lợ và vùng nhiễm mặn. Các hệ sinh thái này đã tạo sự đa dạng về mặt sinh học với nhiều giống loài động vật quý, hiếm sinh sống tự nhiên và là nơi cư trú, sinh sản của các loài thủy, hải sản.

Về các loài động vật, chiếm ưu thế là chim, cò, lưỡng thê và bò sát... Lớp chim có 77 loài thuộc 32 họ, 13 bộ, trong đó, có loài chim cốc để nằm trong Sách đỏ Việt Nam, thuộc loài quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng cao; lưỡng cư và bò sát có 15 loài, thuộc 10 họ và 2 bộ động vật; lớp thú, có 18 loài thuộc 9 họ và 5 bộ, trong đó, có loài khỉ đuôi dài nằm trong phụ lục IIB của Nghị định số 32/2006/NĐ-CP, ngày 22/4/2006 của Chính phủ. Loài khỉ này chủ yếu cư trú dưới những tán rừng ngập mặn, với khoảng 3 - 4 đàn, số lượng khoảng 300 - 400 cá thể. Đây là đàn khỉ tự nhiên đã có từ lâu, nhưng từ trước đến nay, việc quan sát theo dõi sự sinh trưởng và phát triển của đàn khỉ này chưa được thực hiện. Vì vậy, các nhà khoa học đang triển khai Để



▲ Du khách khám phá rừng phòng hộ ven biển Cù Lao Dung

án bảo tồn và phát triển đàn khỉ đuôi dài nhằm hướng đến việc xây dựng sản phẩm du lịch độc đáo cho khu vực rừng ngập mặn huyện Cù Lao Dung.

Trên các bãi triều ven biển - là khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của thủy triều, nước lợ, mặn, quần thể thực vật phát triển chủ yếu là các loài cây ngập mặn, như: Đước, bần, mắm, dả, vẹt, dừa nước, chà là, mái dầm và các loài ô rô, cóc kèn... Còn tại các giống cát, quần thể thực vật chủ yếu là các loài tràm bấu, tre gai và các loại trúc, me keo, so đũa, rau dừa cạn, phi lao... Ngoài ra, nơi đây có các loài thủy, hải sản phong phú, với 661 loài cá, 35 loài tôm, 23 loài mực và nhiều loài cua, ghẹ, nhuyễn thể khác. Đặc biệt, nhiều diện tích đất cồn, bãi bồi ven biển còn hình thành các vùng ngâu, sò tự nhiên với sản lượng lớn. Tuy nhiên, do khai thác thiếu bền vững, môi trường nước ngày càng bị ô nhiễm nên hiện nay, nguồn

tài nguyên thủy sản tự nhiên trên địa bàn huyện đang có xu hướng giảm cả về số lượng lẫn số loài.

ĐẶC SẮC NÉT VĂN HÓA SÔNG NƯỚC, MIỆT VƯỜN

Với những ưu đãi về tài nguyên thiên nhiên và khí hậu ôn hòa, mát mẻ quanh năm nên không khí ở Cù Lao Dung luôn trong lành, không bị ảnh hưởng bởi những âm thanh, tiếng ồn, phù hợp với những người thích du lịch khám phá và nghỉ dưỡng. Ở đầu dãy Cù Lao, du khách sẽ bị ngỡ ngàng, lôi cuốn bởi những vườn cây ăn trái ở xã An Thạnh Nhứt và An Thạnh Tây. Cây trái nơi đây có nhiều chủng loại với hương vị đặc trưng, ngọt ngào như: Xoài, nhãn, bưởi, cam, quýt, măng cầu, sapô (hồng xiêm), măng cụt... Trong đó, có một loại trái cây đặc sản, đó là xoài Đài Loan - giống xoài mới, thích hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng của vùng đất này



nên cho trái to, khoảng từ 1 - 2kg, vỏ có màu tím, vàng, xanh và hương vị thơm ngon. Xuôi về phía cuối dãy Cù Lao, du khách sẽ thích thú khi ngắm nhìn những cánh đồng lúa thênh thang xen lẫn hàng dừa cao xanh mượt, những rẫy hoa màu sắc rực rỡ tạo nên những nét độc đáo. Đặc biệt, nằm ở vị trí cuối cùng của huyện Cù Lao Dung là xã An Thạnh Nam, nơi đây có khu rừng bần ngập nước rộng khoảng 1.500 ha. Đây là khu rừng bần ngập nước rộng lớn nhất khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Từ cây bần, người dân đã tạo ra nhiều món ăn hấp dẫn như: Canh chua cá bống sao, cá ngát, cá bông lau, cá tra bần nấu với trái bần chín; gỏi (nộm) bông bần; trái bần sống ăn với mắm sống...

Bên cạnh những tiềm năng về tài nguyên tự nhiên, Cù Lao Dung còn có những điểm du lịch truyền thống, với những di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh và cấp quốc gia. Điển hình là Đền thờ Bác Hồ, tọa lạc tại ấp Đền Thờ, xã An Thạnh Đông. Đây là một trong 8 di tích lịch sử và văn hóa cấp quốc gia của tỉnh Sóc Trăng, được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận vào ngày 28/12/2001. Đền thờ Bác được xây dựng vào năm 1970, trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa, đến năm 2010, UBND tỉnh Sóc Trăng quyết định đầu tư tôn tạo, với các hạng mục như: Nhà tưởng niệm, nhà trưng bày, nhà hội, sân lễ, ao sen, cây xanh... Tiếp đến là Bia tưởng niệm chiến thắng Rạch Giã ở thị trấn Cù Lao Dung, đây là di tích lịch sử cấp tỉnh, nơi đã diễn ra chiến công oanh liệt của quân

và dân Cù Lao Dung, Long Phú trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

Trong thời gian tới, để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phát triển du lịch sinh thái Cù Lao Dung, UBND huyện đã đề ra nhiều giải pháp như: Tăng cường công tác khảo sát, quy hoạch, xây dựng để án phát triển các điểm du lịch; nâng cấp cơ sở hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông. Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ du lịch cho cán bộ và người dân địa phương tiếp tục được triển khai, từng bước hình thành đội ngũ nhân sự làm công tác du lịch có tính chuyên nghiệp cao. Cùng với đó, huyện đang xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng của Cù Lao Dung, tránh trùng lặp với các địa phương khác, phát huy truyền thống tốt đẹp, nét văn hóa độc đáo của địa phương. Đồng thời,

huyện sẽ ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích, thu hút nhà đầu tư vào các dự án du lịch. Ngoài ra, cần tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu những nét hấp dẫn, độc đáo về vùng đất và con người Cù Lao Dung; đẩy mạnh công tác liên kết, hợp tác với các công ty lữ hành, xây dựng tuyến, tour du lịch hấp dẫn để tổ chức đưa du khách đến với Cù Lao Dung.

Về công tác bảo tồn đa dạng sinh học, huyện tiếp tục xây dựng chương trình điều tra giám sát đối với các loài quý, hiếm để cập nhật số liệu cho công tác quản lý và bảo tồn loài; thiết lập và quản lý bền vững hệ thống rừng phòng hộ ven biển, bao gồm cả rừng ngập mặn (RNM); xây dựng và triển khai thí điểm các dự án về cơ chế phát triển sạch trong lâm nghiệp; tăng cường các sáng kiến quản lý đất lâm nghiệp bền vững gắn với giảm nghèo. Khuyến khích cộng đồng địa phương chuyển sang sinh kế ít gây hại cho RNM, đồng thời bảo vệ các loài thủy, hải sản quan trọng như cá hoặc tôm, nghêu, sò huyết, sinh vật sinh sống tại vùng bãi bồi, dưới tán RNM. Tạo sinh kế ổn định cho các hộ dân cư (trong đó chú trọng đến hộ dân cư nghèo, đồng bào dân tộc)...

Như vậy, với những lợi thế cảnh quan thiên nhiên, trong tương lai không xa, huyện đảo Cù Lao Dung sẽ trở thành “hòn ngọc xanh”, điểm đến du lịch thân thiện, hấp dẫn cho nhiều du khách trong và ngoài nước, góp phần nâng cao đời sống của người dân ■



▲ Hội nghị triển khai công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng năm 2017 tại Cù Lao Dung



Chung tay bảo vệ môi trường trên hồ sinh thái Na Hang để phát triển du lịch



▲ Thị trấn Na Hang nhìn từ trên cao

C on đường trải nhựa quanh co vắt ngang sườn núi dài trên 100 km nối từ thành phố Tuyên Quang đến huyện Na Hang giống như một dải lụa mềm mại. Sau 2 giờ đồng hồ trên con đường uốn khúc, thị trấn Na Hang - một thị trấn nhỏ miền sơn cước bất ngờ hiện ra trước mắt du khách. Phía cuối thị trấn là cả một vùng lòng hồ rộng lớn, xanh thẳm, uốn lượn dưới chân những dãy núi đá vôi, trông như tấm lụa mà thiên nhiên đã ban tặng cho vùng đất núi non này.

Thủy điện Tuyên Quang không chỉ là niềm tự hào của người dân Na Hang mà còn là biểu tượng của một tương lai tươi sáng. Khi Chính phủ Quyết định phê duyệt xây dựng công trình kỳ vĩ này đã có hơn 4.000 hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số của các xã chấp nhận rời bỏ nhà cửa, vườn tược để đến nơi định cư mới. Vì “dòng điện ngày mai của Tổ quốc”, đồng bào đã vui vẻ gánh theo tên đất, tên làng, gánh theo cả nét ăn, nét ở và phong tục tập quán lâu đời mang về nơi ở mới, để bây giờ Na Hang có được một vùng lòng hồ rộng hơn 8.000 ha, với hàng trăm ngọn núi lớn, nhỏ nhô lên mặt nước xanh biếc, tạo nên cảnh quan thơ mộng như một vịnh Hạ Long thu nhỏ giữa đại ngàn sơn cước - một quần thể khu du lịch độc đáo, níu bước chân du khách mỗi khi tìm về.

Từ xa xưa con người đã quan niệm, nơi nào có sự gặp gỡ của nhiều dòng nước thì nơi đó

sẽ là điểm hội tụ của văn hóa và kinh tế. Thực vậy, sự gặp gỡ của hai dòng sông, sông Gâm và sông Năng đan xen cùng với những dãy núi hùng vĩ đã vẽ nên một bức tranh sơn thủy hữu tình đẹp lạ kỳ. Sự cuốn hút của một vùng sinh thái còn nguyên sơ của những câu chuyện truyền thuyết hư hư, thực thực về từng tên đất, tên làng và những nét văn hóa đậm đà, mang đậm bản sắc văn hóa các dân tộc nơi đây đã mang đến cho mỗi người dù chỉ đến đây một lần cũng cảm thấy sự ngạc nhiên đầy thú vị.

Nhờ có môi trường sinh thái trong lành, cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ, nên trong những năm gần đây, dịch vụ, du lịch trên địa bàn huyện vùng cao Na Hang đã có sự khởi sắc đáng mừng. Lượng khách du lịch đến với Na Hang ngày một tăng và khẳng định đây là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần không nhỏ vào công cuộc giảm nghèo của địa

phương, tạo bước đột phá mới trong phát triển kinh tế. Nếu như kết thúc năm 2010, huyện Na Hang chỉ thu hút được 22.000 lượt du khách thì đến năm 2017 đã có trên 113.000 lượt du khách đến thăm quan. Trong đó, khách du lịch trong nước đạt trên 100.000 lượt người; khách du lịch nước ngoài đạt 13.000 lượt người, doanh thu xã hội từ du lịch đạt trên 90 tỷ đồng.

Đạt được những kết quả đáng mừng đó, bên cạnh thực hiện tốt công tác phối hợp, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư để xây dựng và nâng cấp các công trình phục vụ phát triển du lịch như: Hệ thống bến, bãi, tua, tuyến du lịch, quảng bá, giới thiệu và nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch để đáp ứng nhu cầu ăn, nghỉ và khám phá của du khách, huyện Na Hang còn đặc biệt quan tâm chú trọng đến công tác giữ gìn môi trường cho hồ sinh thái Na Hang.



Đồng chí Nguyễn Việt Hùng - Phó Chủ tịch UBND huyện cho biết: Hồ sinh thái Na Hang có phong cảnh “sơn thủy hữu tình”, hoang sơ, xanh, sạch. Tuy nhiên, do tốc độ phát triển của hoạt động du lịch trên lòng hồ và sinh hoạt của ngư dân sống ven hồ, mà các loại rác thải vứt bừa bãi. Tại địa điểm thác Khuổi Nhi, mỗi ngày có hàng chục chuyến thuyền du lịch vào neo đậu và hàng trăm du khách lên tắm thác, câu cá, ăn uống ngay trên thuyền. Nhìn xung quanh mặt hồ, chai nhựa, túi ni lông xuất hiện trên mặt hồ ngày càng nhiều. Để giữ gìn môi trường cho hồ sinh thái Na Hang, UBND huyện đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho các chủ thuyền hành nghề vận tải khách du lịch. Theo đó, các chủ thuyền phải trang bị thùng đựng rác thải và đảm bảo công tác an toàn giao thông đường thủy; các hướng dẫn viên du lịch phải có trách nhiệm tuyên truyền đến du khách về vấn đề giữ gìn môi trường sinh thái. UBND huyện cũng đã giao cho Ban quản lý và Dịch vụ đô thị huyện bố trí thuyền máy, công nhân vớt rác trên lòng hồ, tập trung vào các loại rác nhân tạo như vỏ chai nước, túi ni lông rồi đem lên bờ xử lý, mang lại vẻ đẹp vốn có cho hồ.

Bên cạnh việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền và thực hiện các biện pháp giữ gìn môi trường trên hồ sinh thái Na Hang, huyện Na Hang cũng chú trọng công tác bảo vệ rừng khu vực ven hồ, đặc biệt là diện tích rừng đặc dụng bao quanh hồ sinh thái. Ông Khổ Văn Quang - Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Na Hang cho biết: “Hiện Hạt đang quản lý trên 22.000 ha rừng đặc dụng, chủ yếu bao quanh hồ sinh thái Na Hang. Theo thống kê của Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên thế giới, rừng đặc dụng ở Na Hang có thảm động, thực vật đa dạng và



▲ Chiến sỹ Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Na Hang tuần tra rừng trên Hồ sinh thái

phong phú, trong đó có trên 70 loài thú, 63 loài chim, 35 loài bò sát, 25 loài lưỡng cư và hơn 500 loài côn trùng. Đến đây, du khách sẽ bắt gặp những cây nghìn tuổi hay loài voọc mũi hếch đã được ghi trong sách Đỏ của Việt Nam và thế giới. Chính vì vậy làm tốt công tác bảo vệ rừng cũng chính là bảo vệ môi trường trong lành cho hồ sinh thái để phát triển du lịch.

Bà Trần Thúy Quỳnh - Một khách du lịch từ TP. Hồ Chí Minh nhận xét, hồ sinh thái Na Hang rất đẹp, phong cảnh hữu tình, đa phần khách du lịch quốc tế, việt kiều, khách trong và ngoài tỉnh lên Na Hang với

tình yêu thiên nhiên. Hầu hết, họ rất có ý thức bảo vệ môi trường, các loại rác thải sau khi ăn uống được thu gom, mang lên bờ, bỏ vào nơi quy định để xử lý. Tuy nhiên, vẫn có những hành động như ném vỏ chai nước, xả túi ni lông ra hồ, gây ô nhiễm môi trường, đây là hành động phản cảm cần được ngăn chặn kịp thời.

Để bảo vệ môi trường cho hồ sinh thái Na Hang, trong thời gian tới, UBND huyện sẽ phối hợp chặt chẽ với các huyện Lâm Bình (Tuyên Quang), Bắc Mê (Hà Giang) và Ba Bể (Bắc Cạn) đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân, khách du lịch hãy chung tay bảo vệ môi trường vùng lòng hồ. Đặc biệt là các chủ thuyền du lịch, thuyền vận tải phải ký cam kết không để xảy ra tình trạng xả rác bừa bãi. Đồng thời, huy động đoàn viên, thanh niên vớt rác trên lòng hồ, đặc biệt là các điểm du lịch đông người để thu hút ngày càng nhiều khách du lịch đến thăm quan, trải nghiệm và khám phá hồ sinh thái Na Hang. ■

ĐỨC TOÀN



▲ Vẻ đẹp hoang sơ của Hồ sinh thái Na Hang



Chính phủ Anh đi đầu cuộc chiến chống ô nhiễm rác thải nhựa

Năm 2018 tuy mới chỉ bắt đầu, nhưng 2 tháng vừa qua Anh đã có thêm những hành động thiết thực nhằm chống lại ô nhiễm nhựa. Nhận thức của công chúng thay đổi, đi cùng là lệnh cấm nhập chất thải nhựa từ Trung Quốc đã buộc doanh nghiệp và Chính phủ Anh phải xem xét lại các chiến lược truyền thống để xử lý phế thải từ nhựa.

Mỗi năm có hơn 300 triệu tấn nhựa được sản xuất trên toàn cầu và 10% trong số đó sẽ nằm lại đại dương. Theo báo cáo từ Diễn đàn Kinh tế thế giới, ít nhất 8 triệu tấn nhựa đã có mặt trên biển mỗi năm - tương đương một chiếc xe tải rác thải mỗi phút, và nếu không được kiểm soát, nhựa sẽ nhiều hơn cá vào năm 2050.

Tại Anh, mỗi năm có 7,7 tỷ thùng/chai nhựa sử dụng một lần và chưa tới một nửa được tái chế, nghĩa là mỗi ngày có 16 triệu chai nhựa thải ra.

5 HÀNH ĐỘNG THIẾT THỰC:

1. Nữ hoàng Elizabeth ban hành lệnh cấm dùng nhựa một lần

Cung điện Buckingham đã thực hiện một kế hoạch nhằm loại bỏ việc sử dụng các chất dẻo dùng một lần tại các di sản của hoàng gia. Đồng thời, Kế hoạch cũng kêu gọi chấm dứt việc sử dụng ống hút và chai nhựa trong các khu ăn uống công cộng và tư nhân. Ngoài ra, các bao bì, hộp xốp sử dụng trong quán ăn, hay quán cà phê phải có khả năng phân hủy sinh học.

Với số vốn được đầu tư khoảng 369 triệu bảng Anh trong vòng 10 năm, Cung điện Buckingham đang tích cực cắt giảm việc sử dụng nhựa, đồng thời xây dựng môi trường sống xanh thân thiện với môi trường, thông qua việc lắp đặt các tấm pin mặt trời trên mái nhà và xây dựng hệ thống sưởi/đốt từ chất thải hữu cơ.

2. Nhà hàng không sử dụng ống hút nhựa

Ngày càng có nhiều nhà hàng và quán rượu của Anh tham gia phong trào chấm dứt việc sử dụng ống hút nhựa. Các chuỗi nhà hàng lớn như Costa Coffee, Pizza Express, nhà hàng Wagamama, và Wetherspoons đã đưa ra kế hoạch để loại bỏ việc sử dụng ống hút không phân hủy được vào năm 2018. Một số điểm bán hàng nhỏ cũng đã đi theo xu hướng này, khuyến khích khách hàng bỏ



▲ Scotlen là quốc gia tiên phong cấm sử dụng ống hút nhựa



▲ Các siêu thị tại Anh hướng tới không sử dụng bao bì nhựa

ống hút hoặc sử dụng ống hút có khả năng phân hủy sinh học.

3. Scotlen tuyên bố cấm sử dụng ống hút nhựa toàn quốc

Scotlen đã trở thành quốc gia đầu tiên của Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland cấm ống hút nhựa toàn quốc. Đây là một phần trong kế hoạch cắt giảm các loại nhựa sử dụng một lần. Trước đó, tháng 1/2018, chính quyền Scotlen cũng đưa ra quyết định cấm việc bán và sản xuất tấm bông

nhựa trong năm 2018, một trong những chất thải phổ biến nhất được tìm thấy trên bãi biển.

Bên cạnh đó, Chính phủ Scotlen cũng sẽ áp dụng các khoản phí đối với các mặt hàng nhựa khác, như túi nhựa. Được biết, sau khi áp dụng mức phí 5p tại Anh, việc sử dụng túi nhựa đã giảm tới 85%.

4. Anh ban hành lệnh cấm sử dụng hạt vi nhựa

Tháng 1/2018, lệnh cấm



sử dụng hạt vi nhựa do Chính phủ Anh ban hành đã chính thức có hiệu lực. Các hạt nhựa thu nhỏ vốn được sử dụng rộng rãi trong mỹ phẩm, xà bông và kem đánh răng, với kích thước nhỏ, chúng có thể lọt qua hệ thống xử lý của các nhà máy, gây ô nhiễm sông ngòi và hồ. Ban đầu, lệnh cấm sẽ có hiệu lực trong việc sản xuất, sau đó là lệnh cấm bán các sản phẩm có chứa các hạt vi nhựa vào tháng 7/2018.

Mỗi năm có hàng nghìn tấn hạt vi nhựa đổ vào đại dương, do không thể tiêu hóa được nên chúng gây hại cho sinh vật biển và gián tiếp cho con người.

Tiếp theo Anh, tại Mỹ, Canada, và Ireland, các công ty mỹ phẩm toàn cầu cũng cam kết chấm dứt việc sử dụng các sản phẩm chứa vi nhựa.

5. Siêu thị “không” nhựa

Vào tháng 1/2018, chuỗi siêu thị Iceland tại Anh đã trở thành nhà bán lẻ lớn đầu tiên cam kết loại bỏ bao bì nhựa cho tất cả các sản phẩm thương hiệu của chính mình. Công ty phát hành chiến lược 5 năm nhằm giới thiệu sản phẩm thay thế là giỏ bột giấy và túi giấy, những vật liệu có thể dễ dàng được xử lý thông qua các khu tập kết chất thải gia đình hoặc các cơ sở tái chế trong cửa hàng. Trước đó, siêu thị đã tiến hành một cuộc khảo sát, trong đó 80% trong số 5.000 khách hàng được hỏi cho biết, họ sẽ ủng hộ việc chuyển đổi này. Hiện, Công ty đã cấm sử dụng ống hút nhựa và bắt đầu giới thiệu bao bì mới trong vài tháng tới. Nối tiếp xu hướng đó, các siêu thị khác như Tesco và Aldi UK cũng đã công bố các cam kết tương tự, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người mua sắm về trách nhiệm với môi trường■

LƯU TRANG

(Theo UN Environment)

Trung Quốc cấm nhập khẩu rác thải nhựa



▲ Trung Quốc cấm nhập khẩu rác thải nhựa nhằm cải thiện môi trường và bảo vệ sức khỏe người dân

Theo Viện Theo dõi môi trường Thế giới (Worldwatch), hơn 30 triệu tấn nhựa được sản xuất mỗi năm, trong số đó, chỉ có 14% được tái chế. Các máy tái chế hiện tại không thể tách riêng nhựa thành dạng tái sử dụng, vì vậy chất thải nhựa thường được ép thành kiện và được chuyển đến Trung Quốc, tại đây, nhựa tái chế được lấy và tái sử dụng bằng tay. Để hạn chế những tác động xấu đến môi trường và sức khỏe con người do phế thải nhựa, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành lệnh cấm nhập khẩu rác thải nhựa vào tháng 7/2017, có hiệu lực chính thức từ tháng 1/2018.

Lệnh cấm nhập khẩu rác thải nhựa của Trung Quốc bao gồm 24 loại chất thải rắn, trong đó có nhựa, giấy vụn, phế liệu dệt may... đồng thời, đặt ra các giới hạn mới về mức độ tạp chất trong các loại rác tái chế khác.

Trước đó, Trung Quốc đã chế biến ít nhất một nửa số lượng giấy, kim loại và nhựa đã qua sử dụng được xuất khẩu trên thế giới (Trong năm 2016, Trung Quốc đã tiếp nhận tới hơn 51% lượng phế thải nhựa nhập khẩu trên toàn cầu). Không chỉ có Mỹ, châu Âu, những nước Châu Á, như Hồng Kông, Nhật Bản và nhiều quốc gia khác, cũng vận chuyển các phế thải nhựa của họ sang Trung Quốc. Do vậy, việc cấm nhập khẩu vào quốc gia này cũng đồng nghĩa với việc

có thể phải chuyển chất thải sang các nước láng giềng. Song, ngành công nghiệp xử lý tại các nước này còn kém phát triển nên dẫn đến một ngành tái chế không chính thức, gây ra thiệt hại đáng kể cho môi trường và xã hội. Mặt khác, nhằm giải quyết lượng rác thải tồn đọng, các quốc gia xuất khẩu rác thải nhựa phải chuyển sang giải pháp tạm thời là chôn lấp và thiêu đốt, gây lãng phí nguồn tài nguyên, đồng thời làm ô nhiễm không khí và đất đai. Do vậy, lệnh cấm của Trung Quốc đã tạo ra áp lực lớn cho ngành xử lý rác thải nhựa trên toàn phạm vi toàn cầu.

Tuy nhiên, chính sách mới này của Trung Quốc cũng có thể coi là cơ hội tốt cho các nước, như tại Anh, việc không xuất khẩu phế thải nhựa giúp thúc đẩy tạo ra cơ sở hạ tầng nhập khẩu và tái chế nhựa của Anh. Điều này có thể giúp nền kinh tế của Anh tăng trưởng hơn nữa.

Bên cạnh đó, Chính phủ các nước xuất khẩu rác thải cũng đang phải xem xét đến các giải pháp bền vững hơn, trong đó tập trung vào các chính sách công nghiệp xanh, tạo đà cắt giảm chất thải nhựa tại nguồn, hạn chế tối đa phát thải phế liệu này. Đồng thời, các vật liệu có khả năng phân hủy sinh học, thân thiện với môi trường được khuyến khích sử dụng, thay thế cho vật liệu bằng nhựa■

TRUNG THẢO

(Theo UN Environment)



Tiếng ồn giao thông - Nguồn ô nhiễm âm thanh lớn nhất ở châu Âu



▲ Giao thông đường bộ là nguồn ô nhiễm tiếng ồn lớn nhất ở châu Âu

Theo Báo cáo “Quản lý phơi nhiễm với tiếng ồn ở châu Âu” của Cơ quan Môi trường châu Âu (EEA), người dân châu lục này hiện đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi ô nhiễm tiếng ồn, trong đó, nguồn gây ô nhiễm chính là ngành giao thông đường bộ.

Theo tiêu chuẩn EU, tiếng ồn gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người ở trên ngưỡng 55 dB đối với phơi nhiễm hàng ngày và 50 dB cho tiếp xúc ban đêm. Theo số liệu thống kê của EEA, có khoảng 100 triệu người tại châu Âu bị phơi nhiễm tiếng ồn từ giao thông đường bộ trên 55 dB, trong số đó, có 32 triệu người phải chịu mức độ ồn rất cao (trên 65 dB). Đường sắt là nguồn gây ô nhiễm tiếng ồn thứ 2, với 19 triệu người phải tiếp xúc với cường độ tiếng ồn trên mức cho phép. Tiếng ồn từ máy bay là nguồn gây ô nhiễm thứ 3, với hơn 4,1 triệu người xung quanh các sân bay bị ảnh hưởng; tiếp theo là tiếng ồn công nghiệp trong khu vực đô thị, với khoảng 1 triệu người.

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cho biết, tiếng ồn từ giao thông đường bộ là tác nhân gây stress nghiêm trọng lớn thứ hai ở châu Âu, chỉ đứng sau ô nhiễm không khí. Tiếng ồn gây ra phản ứng căng thẳng cho cơ thể người, thậm chí xảy ra ngay cả trong khi ngủ, từ đó dẫn đến các bệnh về tim mạch, suy giảm nhận thức, rối loạn giấc ngủ, cao huyết áp, gây tử vong sớm.

Để giải quyết tình trạng này, năm 2002, Hội đồng Nghị viện châu Âu đã thông qua Chỉ thị 2002/49/EC về đánh giá và quản lý tiếng ồn môi trường (END). Đây là công cụ chính của EU để xác định mức độ ô nhiễm tiếng ồn và thúc đẩy các hành động cần thiết ở các nước thành viên và ở cấp độ EU. Mục đích chính của Chỉ thị là để xác định một phương pháp phổ biến nhằm mục

đích tránh, ngăn ngừa hoặc làm giảm tác hại của tiếng ồn. END tập trung vào 3 vấn đề chính: Xác định sự phơi nhiễm tiếng ồn; Cung cấp thông tin về tiếng ồn môi trường và những ảnh hưởng của nó cho người dân; Ngăn ngừa, giảm thiểu tiếng ồn khi cần thiết và đảm bảo chất lượng tiếng ồn trong môi trường đạt chuẩn. END áp dụng đối với tiếng ồn mà con người bị phơi nhiễm tại các khu vực xây dựng, các địa điểm công cộng, khu tập trung, khu vực gần trường học, bệnh viện...

Để đạt được những mục tiêu này, các quốc gia thành viên được yêu cầu lập “Bản đồ tiếng ồn” và “Kế hoạch quản lý tiếng ồn” 5 năm/lần cho các khu liên hợp trên 100.000 dân, con đường chính trên 3 triệu xe/năm, các đường sắt lớn hơn 30.000 đoàn tàu/năm và sân bay trên 50.000 hành trình/năm. Trong khi xây dựng kế hoạch hành động, các quốc gia thành viên bắt buộc phải tham khảo ý kiến của công chúng.

Trên cơ sở đó, các quốc gia sẽ cùng cập nhật và chia sẻ về các giải pháp khác nhau để giảm thiểu tiếng ồn. Đó có thể là hoạt động kiểm soát tiếng ồn tại nguồn như xây dựng các con đường, đường ray có tiếng ồn thấp, đưa vào sử dụng các dòng máy bay “yên tĩnh”; Cải tiến thiết kế đô thị để giảm sức ép giao thông và hạn chế sự phát triển nhà ở trong khu vực có tiếng ồn cao■

HỒNG ĐIỂN (Theo EEA)



Ô nhiễm không khí ở các thành phố châu Âu



▲ Cần cải thiện chất lượng không khí nhằm nâng cao sức khỏe người dân ở các TP châu Âu

Nhờ các chính sách hạn chế tối đa việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch gây ô nhiễm và việc cải tiến công nghệ, chất lượng không khí của châu Âu đã được cải thiện đáng kể trong những thập kỷ gần đây. Tuy nhiên, tại khu vực TP và các khu công nghiệp, nhiều người dân vẫn bị ảnh hưởng tiêu cực do ô nhiễm không khí. Theo ước tính gần đây nhất của Cơ quan Môi trường châu Âu (EEA), bụi siêu mịn đã gây ra cái chết sớm của hơn 400.000 người châu Âu hàng năm. Những nguồn phát thải lớn nhất các chất gây ô nhiễm không khí, bao gồm: vận tải đường bộ, nông nghiệp, nhà máy điện, công nghiệp và hộ gia đình.

Dựa trên số liệu chính thức từ hơn 2.500 trạm quan trắc trên khắp châu Âu, Báo cáo "Chất lượng không khí ở Châu Âu năm 2017" của EEA đã cập nhật tình hình chất lượng không khí trong khu vực dựa trên 5 chất ô nhiễm chính bao gồm: các chất dạng hạt ($PM_{2,5}$ và PM_{10}), tầng ôzôn (O_3), nitơ điôxít, SO_2 , BaP (chất hữu cơ thơm đa vòng Benzo(a)pyrene). Trong đó, các chất gây ô nhiễm không khí ảnh hưởng nhất đến sức khỏe con người là:

Bụi siêu nhỏ $PM_{2,5}$: Vào năm 2015, 7% dân số đô thị châu Âu đã bị phơi nhiễm với loại hạt mịn $PM_{2,5}$ trên mức giá trị giới hạn của

châu Âu. Khoảng 82% dân số bị phơi nhiễm với các mức vượt quá mức khuyến cáo của WHO. Tiếp xúc với $PM_{2,5}$ đã gây ra cái chết của khoảng 428.000 người ở 41 nước châu Âu trong năm 2014.

NO_2 : 9% dân số đô thị châu Âu đã bị phơi nhiễm với mức NO_2 vượt quá giá trị giới hạn hàng năm của EU và mức khuyến cáo của WHO vào năm 2015. Tiếp xúc với NO_2 đã gây ra cái chết sớm của ước tính khoảng 78.000 người ở 41 nước châu Âu vào năm 2014.

O_3 (gần mặt đất): 30% dân số đô thị ở châu Âu bị phơi nhiễm với mức O_3 cao hơn mức tiêu chuẩn của EU vào năm 2015. Khoảng 95% đã bị phơi nhiễm với các mức vượt quá mức khuyến cáo của WHO. Tiếp xúc với O_3 gây ra cái chết sớm của ước tính 14.400 người ở 41 nước châu Âu vào năm 2014.

Giải quyết tình trạng ô nhiễm không khí là một vấn

đề phức tạp, đòi hỏi phải có hành động phối hợp ở nhiều cấp. Mới đây, EEA phối hợp với Ủy ban châu Âu đã đưa ra bộ Chỉ số chất lượng không khí của tất cả các TP và khu vực châu Âu. Dữ liệu được lấy từ hơn 2.000 trạm quan trắc và thường xuyên được cập nhật, thông tin đăng trực tuyến và công khai, toàn bộ người dân đều có thể tiếp cận và theo dõi. Qua đó, người dân có điều kiện kiểm tra, cập nhật chất lượng không khí tại địa phương, biết được môi trường sống của mình có ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe hay không; đồng thời có thể so sánh môi trường sống của mình với vùng lân cận, hoặc bất cứ khu vực nào thuộc châu Âu.

Bên cạnh việc giám sát của cộng đồng, các biện pháp cắt giảm, hạn chế phát thải khí nhà kính là rất cần thiết. Cần tuyên truyền để nâng cao nhận thức của người dân, loại bỏ các phương tiện gây ô nhiễm cao khỏi TP, phân vùng đô thị, chuyển đổi sang nền kinh tế xanh. Do sự đa dạng của các nguồn phát thải, sự khác nhau về địa lý, kinh tế của từng khu vực, chính quyền các nước cần phải điều chỉnh linh hoạt các biện pháp sao cho phù hợp, phải cân nhắc đến các yếu tố con người, cơ sở hạ tầng, nền kinh tế địa phương... Mặt khác, để có được các giải pháp toàn diện, bền vững, các địa phương, các quốc gia, các khu vực cũng cần hợp tác, chia sẻ tích cực về hiện trạng, giải pháp giải quyết hiện trạng ô nhiễm không khí■

PHẠM ĐÌNH (Theo EEA)



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)

Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**

Dr. **Mai Thanh Dung**

Prof. DrSc. **Phạm Ngọc Đăng**

Dr. **Nguyễn Thế Đồng**

Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**

Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**

Assoc.Prof.Dr. **Nguyễn Danh Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Kế Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Văn Thắng**

Prof. Dr. **Trần Thục**

Dr. **Hoàng Văn Thúc**

Assoc.Prof.Dr. **Trương Mạnh Tiến**

Prof. Dr. **Lê Văn Trình**

Prof.Dr. **Nguyễn Anh Tuấn**

Dr. **Hoàng Dương Tùng**

Prof. Dr. **Bùi Cách Tuyền**

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy

Tel: (024) 61281438

OFFICE

● Hanoi:

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi

Managing board: (024) 66569135

Editorial board: (024) 61281446

Fax: (024) 39412053

Email: tapchimoitruongtcm@gmail.com

<http://www.tapchimoitruong.vn>

● Ho Chi Minh City:

A 403, 4th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city

Tel: (028) 66814471; Fax: (028) 62676875

Email: tcmthianam@gmail.com

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page: Tan Lap
Floating Village Eco-Tourism site,

Long An Province

Photo by: **Duy Bằng**

Processed & printed by:

Hải Anh Co., Ltd

Nº 3/2018

Price: 20.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [4] ● MONRE and international organizations increase cooperation
- [5] ● MONRE and Ministry of Transport boost cooperation in natural resource management, environmental protection and climate change responses
- [5] ● Celebration of the World Water Day and the World Meteorology Day 2018: Joint hands in water resource protection and climate change response.
- [6] ● Enhancing effectiveness of inspection and supervision on natural resource and environment
- [8] ● International exhibition on environmental technologies and energy 2018: Green technologies and products: actions for the future
- [9] NGUYỄN HẰNG: MONRE enhances natural resources and environment propaganda and its diversification



LAW - POLICY

- [12] HÀN NGỌC TÀI: Some regulations on carrying capacity of rivers and lakes
- [14] LÊ VĂN KHA: Increasing effectiveness of integrated urban solid waste management in Việt Nam
- [16] NGUYỄN NGỌC HOẠT: Overview of implementing environmental indicators in new rural development in Quảng Bình



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [18] NGUYỄN NGỌC LÝ: Water pollution and need for developing Water Pollution Control Law in Việt Nam
- [22] NGUYỄN THỊ THU HOAN: Inferring ancient Vietnamese' environmental behavior from Ngọc Lũ Brass Drum design
- [24] NGUYỄN THẾ HÌNH: Co-benefits of using livestock wastewater as plant watering



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [26] PHẠM PHƯƠNG LAN: Conservation of precious wildlife genes using stem cell technology
- [27] NGUYỄN TRUNG DŨNG: Addressing water pollution of Bắc Hưng Hải irrigation system
- [29] VƯƠNG ANH DŨNG: Challenges in stockpile pesticide pollution remediation



GREEN GROWTH

- [30] NGUYỄN THỊ PHƯỢNG: Using clean stoves for pollution mitigation
- [32] ĐOÀN QUANG TRUNG: Vancouver: pioneer city for sustainable development
- [34] LÊ VĂN TÙNG - NGUYỄN VĂN QUÝ: Tourism and environmental protection in New Zealand



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [35] NGUYỄN THANH GIANG: Ecological paints- new choice of green buildings



ENVIRONMENT & DEVELOPMENT

- [37] NGUYỄN THẾ: Conserving amphibians in Cát Bà
- [38] NGUYỄN HOÀNG TRÍ: Promoting landscape values of nine world nature reserves in Vietnam
- [40] TRẦN THANH THẢO UYÊN - NGUYỄN XUÂN THẮNG: Environmental impact at Bà Đen Mountain attraction site, Tây Ninh
- [43] THANH HOA: Provincial Youth Union President's dedication for environmental protection
- [44] NGUYỄN THU THỦY: Potential for ecotourism and biodiversity conservation in Cù Lao Dung coastal area
- [46] ĐỨC TOÀN: Joint efforts in environmental protection of Na Hang Ecological Lake for tourism development



AROUND THE WORLD

- [48] LƯU TRANG: UK government's pioneering in combating plastic waste
- [49] TRUNG THẢO: China bans plastic waste import
- [50] HỒNG ĐIỂN: Transport noise – worst noise pollution in Europe
- [51] HOÀNG ĐÀN: Air pollution in European cities



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel (84-28) 38223484 - 38225373 - 38258297 - 38296620

Fax: (84-28) 38243166 - Email: sbcc@sochemvn.com - Website: www.sochemvn.com



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam là doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu tại Việt Nam. Sản phẩm Hóa chất của Công ty là nguyên liệu của các ngành sản xuất khác trong nền kinh tế quốc dân. Thị trường đầu ra của Công ty hiện nay đang tập trung đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp như: sản xuất giấy, dệt, nhuộm, nhiệt điện, dầu khí, đúc, phân bón, thủy tinh, gốm sứ, vật liệu chịu lửa, điện tử, xử lý nước sinh hoạt, xử lý nước thải, thực phẩm, dược phẩm...

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

- Hóa chất vô cơ cơ bản: Natri hydroxyt, axit sulfuric, axit photphoric, axit clohydric, photpho...
- Hóa chất xử lý nước: Sắt (III) clorua, javen, natri silicat, poly aluminium clorua, phèn...
- Các loại muối: Mono amon photphat, mono kali photphat, diamon photphat...



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH AN GIANG

Số 27, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Mỹ Long, TPLX, tỉnh An Giang

Điện thoại: (0296)3841072; Fax: (0296)3845241

Website: www.mtdtag.vn; Email: ctyntdtag@gmail.com

Chào mừng

**Ngày Giải Phóng Miền Nam
Quốc Tế Lao Động
30/4 - 1/5**



CÔNG TY CP NÔNG SẢN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

DALAT AGRI FOODS CO.



Địa chỉ: 71 Phù Đổng Thiên Vương, Đà Lạt, Lâm Đồng
Điện thoại: (84-0263) 3822269 * E-mail: sales@dalatagfc.com
Website: http://dalatagrifoods.com/

CHUYÊN SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU HÀNG NÔNG SẢN

Rau, củ, quả, hàng đông lạnh



Nâng Tầm Chất Lượng Cuộc Sống!

Điểm Đến Lý Tưởng Của Các Nhà Đầu Tư **KHU CÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ PROTRADE**

Dịch vụ một cửa

Ưu đãi thuế

Hỗ trợ giấy phép đầu tư

Hỗ trợ tuyển dụng

Kết nối doanh nghiệp

+84 (274) 3786 388 +84 906 638 000
info@pitp.com.vn www.pitp.com.vn



Đất nền đã phân lô và có hạ tầng



Nhà xưởng sẵn sàng



Nhà xưởng văn phòng và kho



Văn phòng điều hành PITP



EVN GENCO 2
HPC SÔNG BA HA

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HA

Địa chỉ: Số 02C Trần Hưng Đạo, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
Điện thoại: 0257.3811456 - Fax: 0257.3811455



CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SƯỜI DẦU

Trụ sở: KCN Suối Dầu, Xã Suối Tân, H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa
Điện thoại: 0258.3743249 - 3743126 - Fax: 0258.3743124
Website: www.sudazi.com.vn - E-mail: info@sudazi.com.vn



Thông tin về Khu công nghiệp Suối Dầu:

- Vị trí địa lý:
- + Nằm sát Quốc lộ 1A;
- + Cách Thành phố Nha Trang 25 km;
- + Cách Sân bay Quốc tế Cam Ranh 27 km;
- + Cách Cảng biển Ba Ngòi - Cam Ranh 37 km.
- Diện tích đất công nghiệp cho thuê: 928.039 m².
- Tính chất Khu công nghiệp: Là Khu công nghiệp tập trung thu hút các ngành nghề: Chế biến thủy sản xuất khẩu; Chế biến rau quả, thực phẩm đông lạnh; Sản xuất quần áo, giày dép; Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ; Sản xuất các sản phẩm dệt may...
- Hạ tầng kỹ thuật: Hoàn chỉnh.
- Hệ thống quan trắc giám sát nước thải tự động: Hoàn chỉnh.
- Nhà máy xử lý nước thải tập trung: Tổng công suất 5.000 m³/ngày đêm.
- Nhà máy cung cấp nước sạch: Tổng công suất 10.000 m³/ngày đêm.



**KỶ NIỆM 43 NĂM NGÀY
GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
30/4/1975 - 30/4/2018**

BỆNH VIỆN ĐA KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 8 Phạm Hùng, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội tiền thân là bệnh viện Y học dân tộc Hà Nội, được thành lập từ năm 1963. Năm 1998 trên cơ sở sát nhập với bệnh viện Thăng Long đổi tên thành bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội. Hiện nay, bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội là bệnh viện hạng II, chuyên khoa đầu ngành Y học cổ truyền của thành phố Hà Nội, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế Hà Nội. Bệnh viện tọa lạc tại vị trí khá thuận lợi về giao thông, nơi đông dân cư và nhiều trường đại học. Với cơ sở vật chất khang trang, sạch đẹp, có nhiều cây xanh, một số tòa nhà đã được sửa chữa, nâng cấp. Là bệnh viện chuyên khoa đầu ngành về Y học cổ truyền nên có bề dày kinh nghiệm trong điều trị bằng Y học cổ truyền, đặc biệt có sự kết hợp chặt chẽ giữa Y học cổ truyền và Y học hiện đại nên đã thu hút được ngày càng nhiều người bệnh đến khám và điều trị. Hiện tại bệnh viện được giao 300 giường kế hoạch, 271 nhân viên y tế; với 21 khoa phòng.

Năm 2017 vừa qua, bệnh viện cơ bản đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao và cao hơn so với cùng kỳ năm 2016. Tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm của năm trước cùng với những thuận lợi, khó khăn hiện tại của bệnh viện. Năm 2018, ngoài chỉ tiêu đã đề ra, bệnh viện tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm: Thực hiện vượt chỉ tiêu kế hoạch 300 giường bệnh do Sở Y tế giao năm 2018. Triển khai có hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại bệnh viện nhằm cung ứng dịch vụ y tế an toàn, chất lượng, hiệu quả và mang lại sự hài lòng cho người bệnh, người dân và nhân viên y tế. Nhằm thu hút ngày càng nhiều người bệnh đến khám chữa bệnh tại bệnh viện. Tiếp tục sắp xếp hợp lý, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo công tác cấp cứu, điều trị hiệu quả cao. Tăng cường công tác kiểm soát nhiễm khuẩn góp phần giảm thiểu các nguy cơ lây nhiễm trong bệnh viện. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực

hiện quy chế chuyên môn. Tiếp tục tổ chức các buổi bình bệnh án - đơn thuốc, hội chẩn, hội thảo về chuyên môn đảm bảo chất lượng. Tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh và quản lý, đặc biệt trong công tác thanh quyết toán bảo hiểm y tế. Đẩy mạnh nghiên cứu, cải dạng, cải tiến mẫu mã, sản xuất các chế phẩm thuốc YHCT chất lượng tốt phục vụ người bệnh. Xây dựng và triển khai đề án khám, điều trị bệnh theo yêu cầu nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người bệnh. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trang thiết bị xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng phục vụ người bệnh, tăng nguồn thu cho bệnh viện vững vàng bước vào giai đoạn thực hiện tự chủ bệnh viện.

Bệnh viện chú trọng vào kế hoạch cung ứng sớm và sát với thực tế cũng như các giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng để khắc phục tình trạng thiếu thuốc, vật tư y tế, hóa chất, phục vụ khám chữa bệnh. Thực hiện sửa chữa mua sắm trang thiết bị kịp thời. Khoa Dược làm đầu mối tổ chức triển khai hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị. Nghiên cứu cải dạng, thay đổi mẫu mã bao bì, sản xuất các chế phẩm thuốc Y học cổ truyền phục vụ người bệnh.

Triển khai thực hiện đồng bộ các công tác theo kế hoạch phát triển bệnh viện năm 2018. Tăng cường thực hiện các công tác: kiểm tra, giám sát; tài chính; tổ chức – hành chính; phòng chống bão lụt và tìm kiếm cứu nạn; Xã hội hóa Y tế và công tác đời sống...

Năm 2018 là năm bệnh viện bước đầu thực hiện tự chủ bệnh viện, kế hoạch giường bệnh được giao lên 300. Có rất nhiều những khó khăn và thách thức nhưng với sự quyết tâm cao và đoàn kết của lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ viên chức phấn đấu vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao và dần từng bước nâng cao sự uy tín, chất lượng khám, chữa bệnh để thu hút ngày càng đông người bệnh đến khám và điều trị tại bệnh viện.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH AN

Địa chỉ: Thôn 3, Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội

Công ty cổ phần Thịnh An (Thôn 3 - Vạn Phúc - Thanh Trì - Hà Nội) được thành lập từ năm 2006 chuyên hoạt động trong lĩnh vực xây dựng chuyên dụng. Với kinh nghiệm hơn mười năm trong nghề, công ty đã tham gia xây dựng nhiều công trình đảm bảo chất lượng. Trong đó, phải kể đến Dự án xây dựng cơ sở “Giết mổ gia súc, gia cầm” tại Thôn 3, xã Vạn Phúc theo phương thức xã hội hóa được huyện Thanh Trì giao cho Công ty cổ phần Thịnh An làm chủ đầu tư bằng nguồn vốn của doanh nghiệp.

Cơ sở “Giết mổ gia súc, gia cầm” được đầu tư bài bản về cơ sở vật chất nên việc giết mổ vừa tiện lợi, nhanh chóng và quan trọng nhất là được người tiêu dùng tin tưởng vì đảm bảo về an toàn thực phẩm. Cơ sở đảm bảo việc giết mổ gia súc tập trung với công suất trung bình hơn 1000 con heo/ngày. Bên cạnh đó, việc thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường tại cơ sở cũng được công ty quan tâm và chú trọng. Công ty cũng cam kết tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ngoài ra, công ty cổ phần Thịnh An luôn đáp ứng đủ yêu cầu về xử lý chất thải, vệ sinh môi trường, vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm và không làm ảnh hưởng đến thoát lũ khu vực. Đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, quy phạm và các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình trong suốt quá trình triển khai đầu tư dự án. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định đối với Nhà nước.

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC ĐÁ HÒN THỊ

Địa chỉ: Mỏ đá Hòn Thị, Xã Phước Đồng, TP Nha Trang, Khánh Hòa



43 năm ngày Giải phóng Miền Nam
30/4/1975 - 30/4/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY II HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Km 54+100, Quốc lộ 54, phường Ngọc Châu, Thành phố Hải Dương



CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VĂN MIẾU

Địa chỉ: Thôn Sơn Trung, Xã Yên Sơn, Huyện Quốc Oai, TP Hà Nội



BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN LÂM BÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

Địa chỉ: Xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Giám đốc: Ông Vũ Trọng Thành

Nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội, Bệnh viện đã không ngừng đổi mới trong quản lý, điều hành. Ngay từ đầu năm, lãnh đạo Bệnh viện đã chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động của toàn đơn vị, phân công cụ thể cho từng khoa, phòng, Hội đồng khoa học, Hội đồng thuốc và điều trị, Hội đồng quản lý chất lượng bệnh viện, Hội đồng thi đua khen thưởng đã có sự trợ giúp đặc lực đối với lãnh đạo Bệnh viện, giúp giám sát việc chẩn đoán, điều trị, bảo đảm tính hợp lý, độ an toàn và chất lượng của Bệnh viện.

Cá nhân, tập thể của Bệnh viện luôn có ý thức tự nâng cao năng lực, bổ sung kiến thức, kỹ năng, trau dồi ý đức. Hiện Bệnh viện có 48 nhân sự với 01 Thạc sỹ, 01 BSCKI, 05 BSĐK, 01 cử nhân dược sỹ, 03 kỹ thuật viên được bố trí vào 01 Phòng chức năng, 04 Khoa lâm sàng và cận lâm sàng, 01 Phòng khám đa khoa khu vực. Đội ngũ nhân sự Bệnh viện luôn nhiệt tình hưởng ứng các phong trào thi đua của đơn vị, Ngành, huyện, tỉnh.



▲ Giám đốc, Bác sỹ Vũ Trọng Thành

Qua đó, nhiều điển hình đã được phát hiện, biểu dương và khen thưởng. Năm 2017, Bệnh viện vinh dự được UBND tỉnh Tuyên Quang tặng danh hiệu thi đua tập thể lao động xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước.

Với phương châm "Bệnh nhân đến tiếp đón niềm nở, bệnh nhân ở chăm sóc tận tình, bệnh nhân về dặn dò chu đáo", y bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên, nhân viên của Bệnh viện luôn giữ thái độ hòa nhã, tận tình khi tiếp xúc người bệnh và người nhà bệnh nhân. Những ý kiến đóng góp, nguyện vọng của người bệnh được coi trọng và tiếp thu trên tinh thần cầu thị. Bên cạnh việc hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, hình ảnh đội ngũ nhân sự Bệnh viện Đa khoa huyện Lâm Bình còn ngời sáng bởi nhiều hoạt động thiện nguyện, nhân đạo, đến ơn đáp nghĩa như: Thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung, đồng bào vùng cao;...

Nhằm đáp ứng yêu cầu công tác trước mắt và lâu dài, trong năm 2018, Bệnh viện sẽ tăng cường kiểm tra, giám sát các khoa, phòng; tiếp tục cử cán bộ tham gia các lớp, khóa bồi dưỡng; sử dụng tối đa công suất giường bệnh và trang thiết bị; đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc, vật tư y tế; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong thanh quyết toán BHYT. ■



▲ Cán bộ Bệnh viện Đa khoa huyện Lâm Bình sử dụng máy xét nghiệm sinh học tự động làm các xét nghiệm cho người bệnh.



**Chào mừng Kỷ niệm 43 năm ngày Giải phóng miền Nam
(30/04/1975 - 30/04/2018)**



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN
BINH DIEN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY



- **Đầu Trâu 46A+**
- **Đầu Trâu DAP-Avail**



Tiết kiệm hơn
Năng suất hơn

www.binhdien.com